*Ngày soạn :*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**BÀI 8 – CHỦ ĐỀ 8: NHÀ THƠ VÀ TRANG VIẾT**

**TUẦN:23 - TIẾT:106,107,108,109,110**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết các đặc điểm của văn bản nghị luận văn học. (thể loại, đề tài, nội dung, nghệ thuật, ngôn ngữ;....);

- Năng lực đọc hiểu các văn bản nghị luận văn học ngoài SGK.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Phẩm chất**

- Yêu thích tìm hiểu, khám phá các giá trị của tác phẩm văn học; trân trọng những sáng tạo nghệ thuật và có ý thức gìn giữ giá trị của những sản phẩm đó.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể loại văn bản nghị luận văn học. Nhận biết được đặc điểm hình thức (cách thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,...) và nội dung (mục đích, giá trị, ý nghĩa,...) của một văn bản nghị luận văn học; chỉ ra được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản. Phân tích, so sánh được những điểm khác biệt cơ bản giữa văn bản nghị luận với một số kiểu văn bản đã học như thơ, truyện.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢM PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV phát bản nội dung tri thức** về thơ Đường cho hs đọc thầm trong 5 phút.  **- GV phát phiếu học tập:**  *Dựa vào kiến thức đã học, em hãy trình bày sự hiểu biết của mình về kiểu bài nghị luận văn học qua việc điền các thông tin vào bảng thống kê sau.*   |  |  | | --- | --- | | ***Yếu tố*** | ***Yêu cầu*** | | ***Luận đề*** |  | | ***Luận điểm*** |  | | ***Lí lẽ*** |  | | ***Dẫn chứng*** |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I/ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC.**  **1.Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng:**  **- Luận đề:** là vấn đề được luận bàn trong văn bản nghị luận. (là “chiều sâu” (giá trị tiềm ẩn về tư tưởng và nghệ thuật) của tác phẩm đã nêu.)  **- Luận điểm** là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận.  **- Lí lẽ** là những lẽ phải được lấy làm căn cứ để giải thích, làm rõ cho luận điểm. Để có sức thuyết phục, lí lẽ cân chặt chẽ, xác đáng.  **-Bằng chứng** là những ví dụ cụ thể về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học (các hình ảnh, chi tiết, câu văn, câu thơ,... trong tác phẩm) được đưa ra nhằm chứng minh, củng cố cho lí lẽ. Để có sức thuyết phục, bằng chứng cần phù hợp, tiêu biểu.  **2.Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng:**  **Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng** là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận.   * **Luân điểm** gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp một cách hệ thống, hợp lí để giúp cho luận đề của văn bản được sáng rõ, thuyết phục. Có thể hình dung mối liên hệ này qua sơ đồ sau:   **( MỘT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC CÓ THỂ CÓ NHIỀU LUẬN ĐIỂM, LÍ LẼ, DẪN CHỨNG. MÔ HÌNH TRÊN CHỈ LÀ MINH HỌA)**  **3. Lưu ý khi đọc văn bản nghị luận**  + Vấn đề chính mà văn bản đưa ra để bàn bạc, trao đổi là gì (xác định luận đề)?  + Có những luận điểm nào được sử dụng trong văn bản?  + Các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng góp phần làm sáng rõ cho luận đề như thê nào?  + Quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản như thế nào? |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu**: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tâp của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án đúng của bài tập, sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập:  - GV yêu cầu đọc văn bản “Chiều sâu của truyện *Lão Hạc*” của tác giả Văn Giá.  -Hoàn thành phiếu học tập sau:   |  |  | | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1** | | | 1. Xuất xứ? |  | | 2. Thể loại? |  | | 3. Bố cục? |  | | 4. Nội dung cuả bài viết? |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 2** | | | |  | Lí lẽ | Bằng chứng | | Luận điểm 1 |  |  | | Luận điểm 2 |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * HS suy nghĩ, làm việc cá nhân trong thời gian….. phút.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá | Đáp án đúng của bài tập  NỘI DUNG CẦN ĐIỀN VÀO PHIẾU  **a. Xuất xứ**  Nguồn: *Nhà văn và tác phẩm trong trường phổ thông,* NXB Giáo dục, 1997  **b. Thể loại:** nghị luận văn học  **c. Phương thức biểu đạt:** nghị luận  **d. Bố cục:** 4 phần  - Phần 1 (từ đầu đến “hệ lụy của chúng”): Nghệ thuật sáng tác của Nam Cao trong truyện Lão Hạc  - Phần 2 (tiếp đến “các điểm nhìn khác”): Những cuộc gặp gỡ, tiếp xúc của lão Hạc và ông giáo  - Phần 3 (tiếp đến “điểm then chốt này”): Tình thế lựa chọn giữa cái sống và cái chết của lão Hạc  - Phần 4 (còn lại): Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của truyện Lão Hạc  **- Nội dung**  Văn bản làm nổi bật tinh thần của nhân vật và giá trị nhân đạo cao cả của tác phẩm Lão Hạc.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 2** | | | |  | Lí lẽ | Bằng chứng | | Luận điểm 1 | * Cách thức trò chuyện đã ẩn tàng nhiều ý nghĩa sâu xa hơn là bản thân những lời trò chuyện * Giấu đến tận cùng số phận nhân vật, thỉnh thoảng hé mở vài cảnh huống gây sự hiểu lầm, rồi cuối cùng giải tỏa sự hiểu lầm ấy là một thành công đặc sắc của nghệ thuật tự sự Nam Cao ở truyện này. * Cái nhìn từ tấm lòng tác giả là mạch chủ đạo, chi phối và liên kết các điểm nhìn khác. | * Nêu ra số lần ông giáo và lão Hạc trò chuyện. Ông giáo là người kể chuyện. * Phân tích cuộc trò chuyện giữa các nhân vật.   - Phân tích sự thay đổi mạch kể chuyện. | | Luận điểm 2 | * Luận điểm được trình bày trong phần 3 đã đi sâu phân tích hoạt động giao tiếp của các nhân vật, về tình thế lựa chọn của lão Hạc trong truyện | - Lựa chọn giữa cái sống và cái chết của Lão Hạc cùng những hệ luỵ của chúng. | |

**CHIỀU SÂU CỦA TRUYỆN LÃO HẠC**

**(Văn Giá)**

[…] Cái hay của truyện là ở chỗ nào? Đâu là chỗ mà tài năng nghệ thuật của Nam Cao được thi thố? Tôi nghiệm ra rằng tác phẩm này có hai điểm mà tác giả dụng công nhiều nhất: *Một*, ông đã đưa hoạt động giao tiếp (câu chuyện giữa ông giáo và lão Hạc qua hai lần gặp gỡ) trở thành đối tượng nhận thức và mô tả trực tiếp. *Hai*, thông qua nội dung các cuộc trò chuyện ấy, tác giả đã gián tiếp thể hiện một tình thế lựa chọn của lão Hạc (lựa chọn giữa *cái sống* và *cái chết* cùng những hệ lụy của chúng).

Như chúng ta thấy, Nam Cao chỉ để cho lão Hạc tiếp xúc với ông giáo cả thảy hai lần - lần một đến thăm, trò chuyện, bộc lộ ý định bán chó; lần hai, ngay hôm sau khi bán chó, lão đến để gửi vườn và tiền. Toàn bộ câu chuyện là do nhân vật “tôi” - ông giáo - kể lại hai lần gặp gỡ chủ yếu của mình với lão Hạc, ngoài ra còn hai lần khác nữa: lần nói chuyện với vợ và lần nói chuyện với Binh Tư. Như vậy, hầu như từ đầu đến cuối truyện toàn thấy *các cuộc trò chuyện* mà thôi. nếu không cao tay, truyện sẽ trở nên đơn điệu, xuôi chiều, có nguy cơ nhạt nhẽo. Lựa chọn như vậy, Nam Cao khắc phục bằng cách nào? Đã trò chuyện thì ắt phải có nội dung, đương nhiên nội dung là quan trọng, nó cho ta biết có những chuyện gì trong đó. Song ở điểm này, Nam Cao dường như cho phơi bày ra hết, không giấu giếm, không nửa vời. Nhưng không chỉ có thế, có lẽ cái quan trọng hơn đối với tác giả là *cách thức trò chuyện* giữa hai người (bộc lộ qua điệu bộ, cử chỉ, giọng điệu, sự ngắt quãng, tâm thế người nói và tâm thế người nghe,…). Cả hai lần trò chuyện, ta thấy lão Hạc là người trong tâm thế của kẻ đi nhờ cậy cho nên lão nhẩn nha, rề ràm, vừa nói vừa nghĩ, vừa nghe ngóng, vừa băn khoăn thăm dò xem hiệu quả lời nói của mình đối với người nghe như thế nào,… Còn ông giáo - người nghe, vừa nghe, đánh giá, liên tưởng về thân phận mình, vừa cố nhận biết cho được những ý nghĩ thực của lão Hạc, vừa điều chỉnh những đánh giá của mình sao cho đúng đắn. Chính qua cái cách thức trò chuyện này, các nhân vật cứ dần dần lộ ra mỗi lúc một rõ nét những suy tư nội tâm của mình: một bên là người già cả đầy âu lo, toan tính một cách tội nghiệp theo tinh thần khắc kỉ và lòng bác ái Cơ đốc giáo, một bên là người biết lắng nghe, lòng đầy cảm thương, chia sẻ, muốn an ủi, vỗ về,… Cách thức trò chuyện đã ẩn tàng nhiều ý nghĩa sâu xa hơn là bản thân những lời trò chuyện. Vậy là không cần hành động, không cần biến cố (hai yếu tố này đã bị thiểu giảm tới mức tối đa), tác giả để cho tính cách nhân vật hiện lên qua hai cuộc trò chuyện, nhờ vào đó để triển khai tâm tưởng bề sâu của nhân vật. Chân dung nhân vật như móc vào tâm trí người đọc.Đây cũng là một ưu thế của cây bút Nam Cao.

Về phần cuối truyện, tác giả đặt nhân vật vào hai toạ độ nhìn khác: vợ ông giáo và Binh Tư. Trò chuyện với vợ, ông giáo nghiền ngẫm triết lí về việc nhìn nhận và đánh giá người đời. Trò chuyện với Binh Tư, ông giáo từ sửng sốt chuyển sang thất vọng về lão Hạc. Ở chỗ này, Nam Cao thật cao tay - ông đưa ra một sự hiểu lầm bất ngờ, để rồi cũng bằng cách bất ngờ nhất, ông “lật tẩy” sự việc, làm cho người đọc thoả mãn trong sự hiểu biết trọn vẹn: lão Hạc vẫn vẹn nguyên trong sạch đến lúc chết! Giấu đến tận cùng số phận nhân vật, thỉnh thoảng hé mở vài cảnh huống gây sự hiểu lầm, rồi cuối cùng giải toả sự hiểu lầm ấy là một thành công đặc sắc của nghệ thuật tự sự Nam Cao ở truyện này. Đây là một thủ pháp tự sự đã áp dụng một cách tinh tế, xử lí thật điệu nghệ và cũng thật hiện đại so với truyền thống.

Nếu để ý kĩ, ta nhận thấy ở phần đầu truyện có một đoạn người kể chuyện vốn là "tôi" - ông giáo - bị thay thể bằng chính tác giả. Ông không nhờ vai người kể chuyện nữa, mà nhập thăng vào đời sống của lão Hạc (đoạn miêu tả lão ngồi uống rượu cưng nựng cậu Vàng). Đây là một “pha” tác giả soi quét cái nhìn trần thuật của mình vào đời sống hoạt động và tâm tưởng của lão Hạc. Nhờ thế, củng cộng lực với các đường nét từ cái nhìn của người kể chuyện, thao tác này đã góp phần tạo dựng nên chân dung lão Hạc phong phú, sắc nét và có chiều sâu hơn. Vậy là chao đảo đi qua bốn điểm nhìn tự sự -tác giả, ông giáo, vợ ông giáo và Binh Tư - nhân vật lão Hạc từ xa lạ trở nên gần gũi, thân mật, sau đó lại bị ghét bỏ, bị hiểu lầm rồi cuối cùng được hiểu đúng và thân thương hơn, đau xót hơn. Cái nhìn từ tấm lòng tác giả là mạch chủ đạo, chỉ phối và liên kết các điểm nhìn khác.

Từ việc miêu tả hoạt động giao tiếp của các nhân vật, tác giả đã gián tiếp đưa ra một tình thể lựa chọn của lão Hạc mà các dấu hiệu của nó đã được chuẩn bị ngay từ đầu. Đó là việc giải quyết cái sống và cái chết. Sống liệu có giữ được mảnh vườn cho con mà vẫn có cái để cho vào miệng hay không (còn bán mất mảnh vườn sẽ là một trọng tội không thể tha thứ được trong lương tâm của lão đối với người vợ đã khuất và đứa con đang ở xa); hay là chết thì sẽ giữ được mảnh vườn, lương tâm yên ổn, nhưng chết phải chết như thế nào, chuẩn bị cho cái chết ra sao?... Cuối cùng, lão lựa chọn cái chết, đầu tiên lão để cho cậu Vàng chết trước. Sau đó mới đến lão. Lão âm thầm, tỉ mẩn chuẩn bị, dọn dẹp cho mình một con đường sạch sẽ, chu tất để bước đến nhà mồ (lão nhờ ông giáo giữ vườn khỏi bị ai tranh chiếm, nhòm ngó; nhờ ông cầm ba mươi đồng để cậy bà con lo ma cho lão). Lão đã chọn một cái *chết trong* còn hơn *sống khổ, sống nhục*. Lão đã chết một cách cao ngạo và thảm khốc. Chỉ có bằng cách này, lão mới khỏi phạm vào *mảnh đất thiêng* dành cho con lão và mới có thể chấm dứt kiếp sống héo úa, lay lắt của mình. Tội nghiệp cho lão, chắc hẳn lão nung nấu ý định chết từ lâu rồi, từ cái ngày đầu sang nói chuyện bán cậu Vàng với ông giáo, rõ nhất là cái hôm lão sang gửi vườn và tiền. Chả thế mà câu chuyện của lão rề rà, vòng vo, nặng nhọc, nhức nhối một điều gì đó thật khó nói; tâm can lão bị đè nặng bởi ý định tự tử mà lão muốn giấu. Lão đã làm tất cả những gì có thể làm được trước khi đi đến cái chết, tuy lặng lẽ, âm thầm mà thật dữ dội, quyết liệt… Thương thay! *Để bảo toàn nhân cách của mình, không có con đường nào khác là phải chủ động tìm đến cái chết*. Không chỉ là một cái chết mà là hai: cậu Vàng - bạn tinh thần của lão - và chính lão. Mà chết để làm gì, nếu không phải là để *cấy cái sống* cho tiền đồ của đứa con chưa báo hiệu điều gì hứa hẹn! Đó là một lựa chọn tột cùng đau đớn của thân phận con người. Ý nghĩa câu chuyện chủ yếu được phát sáng từ điểm then chốt này.

Nói chung, truyện của Nam Cao không phải là loại truyện giản đơn trong cấu tứ, dựng truyện và triển khai mạch truyện; thậm chí không phải là dễ hiểu ngay được các tầng nghĩa nổi chìm trong đó (mặc dù chúng khoác một vẻ ngoài hết sức giản dị, thậm chí trần trụi – có lẽ nhờ đội quân ngôn ngữ lấm láp, quẫy đạp của ông). Thế nhưng truyện Lão Hạc thật tự nhiên, dung dị, hấp dẫn và mênh mông buồn. Tài nghệ và tấm lòng của nhà văn Nam Cao một lần nữa, ở đây, lại được kí thác hết mình.

* **Tác giả**

- Tác giả Văn Giá (1959), quê ở Bắc Giang.

- PGS - TS Lý luận và nghiên cứu, phê bình Văn Học.

- Nguyên chủ nhiệm Khoa Viết văn, Báo chí- ĐH Văn hóa HN.

- Hiện là Chủ tịch Hội đồng khoa học Khoa Viết văn-Báo chí, Đại học Văn hoá Hà Nội.

- Bút danh khác: Văn Giá, Chung Sơn, Thuần Vũ

**ĐỌC VĂN BẢN SAU VÀ THỰC HIỆN THEO YÊU CẦU**

**Tiếng chửi của Chí Phèo**

Nam Cao được đánh giá cao với tư cách là một nhà văn hiện thực. Cùng với những tác phẩm của Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, các tác phẩm của Nam Cao đã góp phần quan trọng làm nên khuynh hướng văn học hiện thực phê phán (1930-1945).

Chửi là một trong những hành vi nói năng của con người. Con người có rất nhiều hành vi. Nói năng là một trong những hành vi đó. Trong hành vi nói năng, lại có nhiều hành vi như: hành vi chửi, hành vi chào, hành vi khuyên, hành vi xin lỗi, hành vi yêu cầu, hay ra lệnh... Bài viết xin được lý giải thêm về hành vi ngôn ngữ Chửi của Chí Phèo trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao, ngõ hầu mang đến những kiến giải có cơ sở hơn từ góc nhìn dụng học, mà cụ thể hơn là lý thuyết hành vi (hành vi ngôn ngữ).

Theo từ điển Tiếng Việt, chửi là thốt ra những lời xúc phạm cay độc để làm nhục [1].

Phạm Văn Tình thì cho rằng: "Khi đạt đến đỉnh điểm của sự tức tối, người ta thường thốt ra một lời rủa, lời chửi (mà đi kèm với nó là những từ thô tục)" [2].

Một ý kiến khác của Nguyễn Thị Tuyết Ngân: "Chửi là một hiện tượng ngôn từ văn hóa phản chuẩn bày tỏ một cách chủ động phản ứng bất bình nhằm làm giảm căng thẳng tinh thần của người chửi và hạ uy tín của người bị chửi" [3].

Thực tế, chửi có phải chỉ để trút bỏ bực tức hay không? Đặt hành vi ngôn ngữ chửi của Chí Phèo trong tác phẩm, chúng tôi cho rằng nó còn có thể có nhiều ý nghĩa hơn thế.

Khảo sát toàn bộ tác phẩm "Chí Phèo", chúng tôi thấy không hề có một cuộc "chửi" hoặc "chửi nhau" trực tiếp nào. Tức là không có việc SP1 (nói) chửi SP2 (nghe) [4]. Đa phần chúng ta biết Chí Phèo chửi qua lời kể, lời dẫn truyện của tác giả. Lúc dọa nạt mụ hàng rượu, Chí cũng chỉ "quát lên" (Ít vốn thì tối nay ông trả. Nhà mày đã chết ngay bây giờ hay sao?). Khi đến nhà Bá Kiến để gây sự, Chí vẫn rất "nhẹ nhàng" (Vâng, bẩm cụ không được thì con phải đâm chết dăm ba thằng, rồi cụ bắt con giải huyện). Ngay cả lúc đến nhà Đội Tảo đòi nợ thay cho Bá Kiến, chúng ta cũng chỉ biết Chí "cất tiếng chửi ngay từ đầu ngõ". Không biết cụ thể Chí chửi thế nào với một kẻ không nợ nần và cũng không thù oán gì với Chí!

Hành vi ngôn ngữ luôn gắn với người nói và người nghe. Người nói và người nghe luân phiên thay đổi vai nói và vai nghe. Ngay cả ở hành vi chửi cũng vậy. Chính Chí Phèo đã nói: "chửi nhau một mình thì còn văn vẻ gì! ". Có luân phiên thay đổi vai, thì việc "chửi" có lẽ mới "hấp dẫn". Trong truyện ngắn Chí Phèo, rất ít khi hành vi chửi của Chí được Nam Cao dẫn trực tiếp. Chửi mà không trực tiếp thì quả là giảm đi rất đáng kể tính gay gắt và sự xúc phạm thể diện đối với người bị chửi. Trong khi ở các tác phẩm khác, Nam Cao dẫn trực tiếp hành vi này rất nhiều và không phải là không "ghê gớm". Ví dụ:

- Đồ phản trắc! Đồ bất lương! Đồ giết chồng!

Hoặc:

- Bẩm bà, bu con đi vắng!

- Đi vắng! Đi vắng mãi! Mày về bảo con mẹ mày nội ngày mai không trả tiền tao thì tao đào mả lên đấy.

Cái giống chỉ biết ăn không!

Vì vậy, chúng tôi cho rằng trong hành vi chửi của Chí còn chất chứa nhiều nỗi niềm hơn thế.

Thực ra, cho đến thời điểm ấy của cuộc đời với bao lần bầm dập cả về tâm hồn và thể xác, đến mức phải "đi ở tù", đến mức cái mặt "nó không còn là mặt người" nữa. Và để sinh tồn thì chỉ còn mỗi một nghề là "rạch mặt ăn vạ". Để có thể rạch mặt ăn vạ, "chửi bới", "dọa nạt" thì phải có rượu, phải say! Hơn nữa, "chưa bao giờ hắn tỉnh...", thì hành vi chửi bới kia có phải chỉ là phản ứng "khi đạt đến đỉnh điểm của sự tức tối" hay không?

Thứ nhất, chửi quả đúng là để "bày tỏ một cách chủ động phản ứng bất bình". Trong toàn bộ truyện ngắn Nam Cao, hành vi ngôn ngữ chửi mắng được dẫn với một tỉ lệ tương đối cao (91 lần [5]). Và cũng rất nhiều lần Nam Cao để các nhân vật của mình "thốt ra lời rủa, lời chửi" và "đi kèm với nó là những từ thô tục". Ví dụ:

- Quân ăn cướp! Quân giết người! Mày muốn rũ tù thì trêu vào bà!

Hoặc:

- Nói chó nó cũng không ngửi được!...

Nhưng với Chí Phèo, đỉnh điểm của bực tức mà chửi có lẽ chỉ diễn ra một vài lần, sau khi Chí "đi ở tù về"... Nam Cao đã viết: "năm hai mươi tuổi hắn đến ở cho nhà Lí Kiến...". Rồi được một thời gian "Chí bị người ta cho đi ở tù"; "hắn đi biền biệt đến bảy tám năm sau mới về"; "về hôm trước hôm sau đã ngồi uống rượu thịt chó say khướt" rồi "xách vỏ chai đến cổng nhà Bá Kiến gọi tên tục ra mà chửi". Đó là lần đầu tiên Chí Phèo chửi. "Thật là ầm ĩ!". Chí Phèo đã chửi ra trò. Và chắc là phải kèm theo "cả những lời thô tục". Vì Nam Cao đã viết rất rõ: "Mà chửi mới sướng miệng làm sao! Mới ngoa ngoắt làm sao!". Chửi đến mức mà dân làng "Họ bảo nhau: Phen này cha con thằng Bá Kiến còn dám vác mặt đi đâu nữa! Mả tổ mả tiên lộn lên hết mất rồi!", thì chắc hẳn phải là "những lời xúc phạm cay độc" lắm!

Một hành vi ngôn ngữ không chỉ gắn với người nói, người nghe, mà còn gắn chặt chẽ với ngữ cảnh. Trong ngữ cảnh rộng lớn của xã hội Việt Nam những năm dài trước Cách mạng, thì phản ứng để trút bỏ bực tức của con người trước những áp bức bất công là một điều không tránh khỏi. Đi sâu vào ngữ cảnh của tác phẩm Chí Phèo thì rõ ràng là không thể im lặng, mà phải phản kháng, phản kháng mãnh liệt trước sự bất công, vô lý đến tàn nhẫn khi Chí Phèo bị đẩy vào đường cùng và chỉ còn mỗi một cách rạch mặt ăn vạ, đâm chém để tồn tại. Cho nên, chửi có lẽ là một phản ứng tất yếu. Vì thế, khi Chí Phèo chửi, thì cả làng Vũ Đại - họ mới "hả" vô cùng... Rõ ràng hành vi chửi đã góp phần không nhỏ vào việc tạo dựng chân dung nhân vật cũng như sự chuyển tải trong chiều sâu tư tưởng và ý đồ nghệ thuật của tác giả!

Thứ hai, chửi còn là cách để Chí chứng tỏ sự tồn tại của mình, sự hiện diện của mình trong cộng đồng cư dân làng Vũ Đại.

Sau lần chửi "thật là ầm ĩ" và "ồn ào như chợ" ấy, Chí Phèo đã trở thành "tay chân" của Bá Kiến. "Hồi ấy mới đâu hắn mới hai bảy hai tám tuổi"...

"Bây giờ hắn đã thành người không tuổi rồi...". "Bao nhiêu việc ức hiếp, phá phách, đâm chém, mưu hại người ta giao cho hắn làm". "Hắn nhớ mang máng rằng có lần hắn hai mươi tuổi, rồi hắn đi ở tù, rồi hình như hắn hai nhăm không biết có đúng không?". "Bởi vì từ đấy bao giờ hắn cũng say". "Hắn không biết rằng hắn là con quỷ dữ của làng Vũ Đại". "Tất cả dân làng đều sợ hắn và tránh mặt hắn mỗi lần hắn qua...". "Vì thế cho nên hắn chửi hay là chẳng vì cái gì hắn cũng chửi". Có lẽ Chí Phèo đã quá cô đơn trong sự quẫy đạp của chính mình để tồn tại. Chí uống rượu đấy, đập phá đấy và chửi bới đấy, nhưng dường như Chí đang đơn độc một mình. Và chỉ có thể chửi, bởi vì Chí không biết hát ("giá hắn biết hát thì có lẽ hắn không cần chửi"). Hát hay chửi đối với Chí thì cũng đều vậy thôi - đều là tiếng kêu đau đớn của sự đơn độc! Do vậy, ở đây chửi không phải là sự tức tối - chửi để chứng tỏ sự tồn tại, sự hiện diện của Chí trong cuộc đời này, với làng Vũ Đại đã sinh ra Chí!

Thứ ba, Chí Phèo chửi không chỉ để khẳng định sự tồn tại, mà còn để khẳng định vị thế xã hội của hắn. Trong văn hóa của người Việt, thì chỉ những người ở vị thế xã hội cao (chức vụ cao, tuổi tác cao, ông bà, bố mẹ...) mới có "quyền" chửi. Và những người bị chửi thường là những người có vị thế xã hội thấp (nhân viên, con cháu...). Chửi là một cách để thể hiện mình, khẳng định mình. Ông cha ta có câu "Muốn nói không làm chồng mà nói, muốn nói ngoa làm cha mà nói". Theo cách hiểu của người Việt, thì "nói không" và "nói ngoa" cho ai đó cũng là cách hạ thấp uy tín, danh dự của họ (tức là chửi họ). Và thậm chí không đáng để chửi, thì những người có quyền hơn vẫn có thể chửi. Cho nên, việc chửi của Chí Phèo ("hắn thấy hắn cũng oai, táo bạo vì dám gây sự với cha con nhà Bá Kiến bốn đời làm tổng lí..."; và vì hắn "đã phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đạp đổ bao nhiêu hạnh phúc...", đến nỗi "tất cả dân làng đều sợ hắn...") phải chăng là một cách để xác lập vị thế "hơn người" của hắn?

Cuối cùng, trong văn hóa ứng xử của người Việt thì kị nhất là chửi và bị chửi. Bởi vì, "một điều nhịn, chín điều lành", "nhịn mày tốt tao". Cho nên, chửi nhất là bị chửi là một sự xúc phạm ghê gớm. Do đó, chửi và chửi nhau là một điều mà người Việt tối kị. Chửi mà không có người ra lời hồi đáp thì sẽ không thành chửi nhau. "Bởi người ta không thể chửi nhau một mình"! Trong tác phẩm Chí Phèo, sự hiện diện của Chí luôn gắn với hành vi chửi, nhưng rõ ràng Chí chưa chửi nhau "trực tiếp" bao giờ - tức không hề có chửi nhau. Có nghĩa là không hề có hành vi được xem là mất danh dự này. Do đó, khái niệm chửi mà lâu nay chúng ta vẫn thường quan niệm, cũng như quan niệm về Chí Phèo với hành vi chửi của Chí một cách thông thường có lẽ nên xem lại.

Như vậy, hành vi chửi của Chí Phèo không chỉ là sự trút bỏ bực tức với những lời cay độc, không chỉ là phản ứng không chuẩn văn hóa, mà chửi còn là để khẳng định sự tồn tại, sự hiện diện và vị thế của mình. Đó có lẽ cũng là cách mà Chí Phèo muốn "làm hòa với mọi người". Và trong suốt tác phẩm (mặc dù vậy), Chí cũng chưa từng chửi nhau. Nhìn sâu vào tác phẩm và tâm hồn của Chí, rõ ràng đây không phải là tiếng chửi, mà là tiếng lòng thống thiết từ trái tim bị chà đạp đến tận cùng và nó bật lên thành tiếng kêu thương đau đớn với hình thức biểu đạt một cách xót xa (mà chỉ có Nam Cao mới làm được) đó là tiếng chửi. Vì vậy, mặc dù chửi, chúng ta vẫn thấy thương, vẫn thấy đau đáu, vẫn thấy day dứt trăn trở khôn nguôi... dù những trang viết của Nam Cao đã cách xa chúng ta gần thế kỉ.

Hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập 1** | |
| 1. Thể loại? |  |
| 2. Nội dung? |  |
| 3. Bố cục? |  |
| 4. Cách lập luận của bài viết? |  |

Dựa vào dàn ý sau để hoàn thành phiếu học tập:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 2** | | |
| LUẬN ĐIỂM | LÍ LẼ | DẪN CHỨNG |
| LUẬN ĐIỂM |  |  |
| LUẬN ĐIỂM |  |  |
| LUẬN ĐIỂM |  |  |

**1. Mở bài**

- Giới thiệu sơ lược về tác giả, tác phẩm và nội dung cần phân tích.

**2. Thân bài**

**1. Vị trí và kết cấu và nghệ thuật của tiếng chửi:**

- Tiếng chửi của Chí Phèo được đưa ngay lên đầu, để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng tác giả về nhân vật Chí Phèo với tiếng chửi đầy bất mãn và đau đớn.

→ Mang đến cho độc giả những ấn tượng ban đầu độc đáo, cũng dần thể hiện được tài năng bậc thầy của Nam Cao trong làng viết về đề tài hiện thực trước cách mạng.

- Tiếng chửi có nhiều hình thái diễn đạt khác nhau:

* Thông qua lời dẫn truyện lạnh lùng, xót xa của tác giả.
* Thông qua lời thuật lại đầy ngán ngẩm, thờ ơ, hờ hững của dân làng Vũ Đại
* Thông qua cái giọng bực tức, chất vấn, đớn đau, quằn quại khi vật lộn với bi kịch của chính bản thân Chí Phèo.

- Tiếng chửi ấy không chỉ giữ nguyên một trạng thái mà nó có sự tăng tiến về mặt cấp độ:

+ Chí Phèo chửi tất cả những thứ mà hắn cho là đã làm cho cuộc đời hắn khổ sở.

=> Mặc dù đối tượng chửi được Chí Phèo thu ngày càng gọn lại, thế nhưng thực tế cấp độ của tiếng chửi lại tăng dần đều, càng về sau tiếng chửi của hắn càng trở nên gay gắt, cay cú và phẫn nộ, đau đớn đến cực điểm khiến người đọc có ấn tượng về nghệ thuật tăng tiến ẩn này của Nam Cao.

- Tiếng chửi trong cơn say rượu thực chất lại là lúc Chí Phèo tỉnh táo, đủ để hắn nhận thức về những bi kịch cuộc đời mình.

**2. Nguyên nhân và ý nghĩa của tiếng chửi:**

- Bi kịch số phận: Mồ côi từ thuở lọt lòng, không cha không mẹ.

- Bi kịch tha hóa: Sự lương thiện tốt đẹp ấy của Chí đã bị chà đạp, tàn phá bởi sự lẳng lơ đĩ thõa của một người đàn bà, và lòng ghen tuông mù quáng của tên chồng bất lực, sợ vợ là Bá Kiến. Chí Phèo bị đổ oan, vào tù độ 7, 8 năm. Từ đó Chí Phèo bị trượt dài trên con đường tội lỗi, tha hóa nhân hình, nhân phẩm, trở thành quỷ dữ của Chí Phèo.

- Bi kịch bị từ chối quyền làm người: Gặp Thị Nở, khao khát một mái ấm, và trở lại làm người lương thiện nhưng bị những lời lẽ đay nghiến của bà cô làm tỉnh ngộ, lựa chọn tử tử kết thúc cuộc đời.

=> Chí Phèo khao khát được hòa nhập vào thế giới loài người, khao khát được giao tiếp, thế nhưng không ai nói chuyện với hắn, hắn đành chửi, chửi để mong người ta chửi lại cũng được, để chứng minh ít ra hắn vẫn là con người và người ta vẫn còn muốn đáp lại hắn. Và đến tột cùng của sự đớn đau, khi đã không còn ai chửi nhau với hắn, Chí Phèo mới thốt lên trong đau đớn rằng ai đã sinh ra cái thân hắn để hắn khổ đến thế này.

**3. Kết bài**

Nêu cảm nhận.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**Ôn tập phần thực hành tiếng Việt:**

**Thành phần biệt lập**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết các đặc điểm của thành phần biệt lập.

- Năng lực vận dụng tri thức vào giải quyết các bài tập.

**II. Phẩm chất**

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC TIẾNG VIỆT**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu 1: Giúp** HS cuảng cố khắc sâu tri thức về thành phần biệt lập. Nhận diện và hiểu được vai trò, ý nghĩa của thành phần biệt lập trong biểu đạt nội dung và tình cảm của con người.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  **Nhiệm vụ 1:** GV củng cố kiến thức cho hs bằng cách cung cấp kiến thức nền hs đã được học, dùng phiếu bài tập trắc nghiệm để khắc sâu kiến thức. GV phát phiếu bài tập. | **I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT CẦN NHỚ** 1. Khái niệm thành phần biệt lập là gì? Thành phần biệt lập được hiểu là các thành phần nằm trong một cấu trúc câu nhất định, nhưng nó lại không tham gia vào việc diễn đạt các ý nghĩa của câu. Mặt khác, thành lập biệt lập được nằm tách bạch hoàn toàn để thể hiện một ý riêng những cũng không phải là thừa thãi.  **2. Có những loại thành phần biệt lập nào?**  Thành phần biệt lập được nằm tách bạch, độc lập để thể hiện những ý riêng của câu. Hầu hết trong ngôn ngữ tiếng việt chúng ta đều hay sử dụng đến thành phần biệt lập trong câu để giúp cho tiếng việt trở nên đạc biệt và nổi bật hơn, đồng thời giúo cho cách diễn đạt ý của người nói được dễ dàng và tạo sự chú ý cho người nghe nhiều hơn.  **Thành phần biệt lập gồm có 04 loại cơ bản sau:**   * Thành phần tình thái ; * Thành phần cảm thán ; * Thành phần gọi -  đáp ; * Thành phần phụ chú ;   **2.1 Thành phần tình thái.**  Đây là thành phần tình thái dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với những sự việc được nói đến trong câu. Thành phần tình thái này có công dụng dùng để đánh giá sự vật , sự việc của người nói, người viết về nội dung được nói đến ở trong câu.  **\*Các nhóm thành phần tình thái gồm:**   * Nhóm chỉ thái độ tin cậy : chắc, chắc là, có lẽ, hình như, ... * Nhóm chỉ quan điểm cá nhân: theo tôi, theo quan điểm của,... * Nhóm chỉ thái độ của người nói đối với người nghe : à, hả, hử, nhé, nhỉ, đây, đấy, ....ở cuối câu.   **\* Dấu hiệu nhận biết câu có thành phần tình thái :**  Dấu hiệu của thành phần tình thái được nhận biết qua những từ chỉ mức độ như chắc chắn, chắc chắn là , có lẽ, có lẽ là, ắt hẳn, chắc là ....Và khi bỏ các từ nhận biết này đi thì nghĩa của câu nó không thay đổi, bởi các từ này không nằm trong cấu trúc câu, không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu.  **\*Ý nghĩa của thành phần tình thái:**   * Nêu độ tin cậy đối với sự việc được nói đến trong câu ; * Nêu nguồn ý kiến của sự việc được nói đến trong câu ; * Nêu thái độ, quan hệ giữa người nói và người nghe ; * Thái độ giữa người nói và người nghe, ngoài thành phần tình thái , còn được thể hiện rất rõ qua các từ xưng hô .   **Ví dụ** : *Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.*  ( Trích tác phẩm Chiếc lược ngà của tác giả Nguyễn Quang Sáng.)  Trong đó:  Cụm từ: " Với lòng mong nhớ của anh" là trạng ngữ, từ anh thứ nhất là chủ ngữ, nghĩ rằng là vị ngữ.  Ý nghĩa sự việc qua suy nghĩ của người nói là : Anh Sáu nghĩ rằng con anh sẽ thể hiện tình cảm với mình.Nhận định của người nói được thể hiện qua từ " chắc ".thể hiện sự phỏng đoán của người kể chuyện với mức độ khá tin cậy.  Ví dụ: *Có lẽ hôm nay trời sẽ mưa.* 2.2 Thành phần cảm thán. Đây là thành phần được dùng để bộc lộ tâm lý của người nói, người viết như vui, mừng, buồn tủi, giận... để có thể bộc lộ cảm xúc và thể hiện tư tưởng tình cảm yêu mến, tự hào ...của người nói người viết qua câu nói, câu viết của mình. Thành phần cảm thán trong câu có thể tách thành câu riêng (  câu đặc biệt ). Dù có điểm chung là không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập nhưng cần dựa vào.  **\*Dấu hiệu nhận biết thành phần cảm thán**  Dấu hiệu nhận biết các câu có thành phần cảm thán thông thường được nhận biết qua những câu nói, câu viết có chứa các từ ngữ cảm thán như là: ồ, trời ơi, ôi, ...  Ví dụ : trong một tác phẩm văn học của nhà văn Nguyễn Thành Long có câu: *Trời ơi, chỉ còn năm phút!*  Câu văn được thêm thành phần cảm thán qua từ **" trời ơi "** như thể hiện cảm xúc tiếc nuối.  Nghĩa của sự việc là thời gian còn rất ngắn ngủi, sắp phải chia tay .  Hay một câu thơ của nhà thơ Tố hữu có sử dụng thành phần cảm thán  như :  *" Ôi lòng Bác vậy cứ thương ta*  *Thương cuộc đời chung thương cỏ hoa."*  Hay trong bài thơ Sao chiến thắng của Chế Lan Viên có đoạn:  *" Ôi Tổ quốc ta, ta yêu như máu thịt*  *Như mẹ cha ta, như vợ như chồng*  *Ôi tổ quốc, nếu cần, ta chết*  *Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông."*  Cũng có sử dụng thành phần biệt lập là thành phần cảm thán trong câu. 2.3 Thành phần gọi - đáp. \* Đây là thành phần **dùng để** tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp để qua đó thể hiện được thái độ của người nói, người viết với người nghe, người đọc.  \*Thành phần gọi - đáp có **công dụng** dùng để thiết lập cuộc thoại, duy trì cuộc giao tiếp và thể hiện được thái độ của người nới, người viết đối với người nghe, người đọc.  \***Dấu hiệu** được dùng để n**hận biết** những câu nói, câu viết có thành phần biệt lập gọi đáp **là những từ ngữ gọi đáp, thông qua những câu nói, câu viết** có chứa các từ như: *thưa ông, thưa bà, anh ơi, ...*  Ví dụ: *Thưa mẹ, con mới đi học về.*  Ví dụ: *Linh ơi, cậu cho tớ mượn quyển sách nhé.* 2.4. Thành phần phụ chú \* Đây là thành phần được dùng để chú thích bổ sung thông tin một số chi tiết cho nội dung chính của câu và có công dụng bổ sung chi tiết cho nội dung chính của câu nêu thái độ , tâm trạng, ...kèm theo lời nói của nhân vật hoặc có thể là nêu xuất xứ của lời nói, văn bản.  \* **Dấu hiệu nhận biết:** Thành phần phụ chú thường được đặt giữa 2 dấu gạch ngang, phẩy, ngoặc đơn, giữa 1 dấu gạch ngang với một dấu phẩy hoặc sau dấu hai chấm.  Ví dụ trong tác phẩm văn học chiếc lược ngà của nhà văn Nguyễn Quang Sáng có câu: *Lúc đi, đứa con gái đầu lòng của anh - và cũng là đứa con gái duy nhất, chưa đầy một tuổi.*  " Phần - và cũng là đứa con gái duy nhất của anh " là thành phần biệt lập trong câu. Có tác dụng chú thích, bổ sung thông tin cho cụm từ đứa con gái đầu lòng.  Ví dụ: *Bác Hồ là người cha già vĩ đại của dân tộc.* |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu 1: Giúp** HS vận dụng thành ngữ trong biểu đạt nội dung và tình cảm của con người.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  **Nhiệm vụ 1:** GV củng cố kiến thức cho hs bằng cách cung cấp kiến thức nền hs đã được học, dùng phiếu bài tập   * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. LUYỆN TẬP LÀM CÁC DẠNG BÀI TẬP**  **CẤP ĐỘ 1: NHẬN BIẾT**  **Bài 1:** Xác định thành phần tình thái trong các câu sau:  A, Tôi chỉ bị sứt tí ở trán, cũng may tay chân còn nguyên vẹn.  B, Quả thật cậu ấy đã được thưởng.  C, Bạn ấy cũng đến à?  D, Có đời thủa nào anh lại tranh đồ chơi với em.  **Bài 2:** Xác định thành phần gọi đáp trong các câu sau:  *Bầm ơi sớm sớm chiều chiều*  *Thương con bầm chớ lo nhiều bầm nhe.*  ( *Bầm ơi* – Tố Hữu)  *Bác ơi tim Bác mênh mông thế*  *Ôm cả non sông trọn kiếp người.*  ( *Bác ơi* – Tố Hữu)  *Bác Hồ ơi những xế chiều*  *Nghìn thu nhớ Bác biết bao nhiêu!*  ( *Bác ơi* – Tố Hữu)  **Bài 3:** Xác định thành phần chêm xen ( phụ chú) trong các câu sau:  *a, Bác nhớ Miền Nam,nỗi nhớ nhà*  *Miền Nam mong Bác,nỗi mong cha.*  ( *Bác ơi* – Tố Hữu)  *b,* *Cô bé nhà bên (có ai ngờ )*  *Cũng vào du kích….*  *Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích*  *Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi)*  ( *Quê hương* – Giang Nam)  *c, Em để nó lại - giọng em ráo hoảnh - Anh hứa là không để chúng nó phải cách xa nhau. Anh nhớ chưa?*  (*Cuộc chia tay của những con búp bê* – Khánh Hoài)  d, *Cuộc sống của những người lái đò Sông Đà quả là cuộc chiến đấu hằng ngày với thiên nhiên, một thứ thiên nhiên Tây Bắc nhiều lúc trông nó thành ra diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một. ( Người lái đò sông Đà –* Nguyễn Tuân*)*  *e, Tiếng Việt ta rất giàu và đẹp, tiếng ta đẹp bởi đời sống tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp.*  *(Tiếng Việt ta giàu và đẹp –* Đặng Thai Mai)  **CẤP ĐỘ 2: VẬN DỤNG**  **Bài 1:** Thử lược bỏ thành phần cảm thán trong câu thơ sau hoặc thay đổi vị trí của các từ cảm thán và nêu nhận xét về sự thay đổi đó.  *a, Bức tranh này đẹp thật!*  *b, Đường về quê sao xa quá!*  *c, Buổi trưa nay tuyệt trần nắng đẹp*  *Bác Hồ ơi! Toàn thắng về ta.*  ( *Toàn thắng về ta* – Tố Hữu)  **Bài 2:** Để khen một bó hoa đẹp bằng các từ ngữ cảm thán, em sẽ nói như thế nào?  **Bài 3:** Đặt 1 câu có sử dụng thành phần tình thái để thể hiện nhận định không chắc chắn.  **Bài 4:** Em thử chuyển từ ngữ làm thành phần gọi đáp trong câu sau ra chủ ngữ và nhận xét xem ý nghĩa cơ bản của câu có thay đổi không? Vì sao?  *Mẹ ơi, lau nước mắt*  *Làng ta giặc chạy rồi.*  (*Ta đi tới* – Tố Hữu)  **Bài 5:** Một bạn học sinh đã viết câu có chứa thành phần phụ chú như sau:  *Thơ đặc biệt là thơ trữ tình có sức lay động lòng người nên được nhiều người yêu thích.*  Theo em bạn viết như vậy đã đúng chưa? Nếu được sửa lại em sẽ sửa như thế nào? Vì sao?  **Bài 6:** Em hãy viết một đoạn văn có sử dụng ít nhất một thành phần phụ chú và gạch chân dưới các thành phần đó. |

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**CẤP ĐỘ 1: NHẬN BIẾT**

**Bài 1:** Xác định thành phần tình thái trong các câu sau:

A, Tôi chỉ bị sứt tí ở trán, cũng may tay chân còn nguyên vẹn.

B, Quả thật cậu ấy đã được thưởng.

C, Bạn ấy cũng đến à?

D, Có đời thủa nào anh lại tranh đồ chơi với em.

**Bài 2:** Xác định thành phần gọi đáp trong các câu sau:

*Bầm ơi sớm sớm chiều chiều*

*Thương con bầm chớ lo nhiều bầm nhe.*

( *Bầm ơi* – Tố Hữu)

*Bác ơi tim Bác mênh mông thế*

*Ôm cả non sông trọn kiếp người.*

( *Bác ơi* – Tố Hữu)

*Bác Hồ ơi những xế chiều*

*Nghìn thu nhớ Bác biết bao nhiêu!*

( *Bác ơi* – Tố Hữu)

**Bài 3:** Xác định thành phần chêm xen ( phụ chú) trong các câu sau:

*a, Bác nhớ Miền Nam,nỗi nhớ nhà*

*Miền Nam mong Bác,nỗi mong cha.*

( *Bác ơi* – Tố Hữu)

*b,* *Cô bé nhà bên (có ai ngờ )*

*Cũng vào du kích….*

*Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích*

*Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi)*

( *Quê hương* – Giang Nam)

*c, Em để nó lại - giọng em ráo hoảnh - Anh hứa là không để chúng nó phải cách xa nhau. Anh nhớ chưa?*

( *Cuộc chia tay của những con búp bê* – Khánh Hoài)

d, *Cuộc sống của những người lái đò Sông Đà quả là cuộc chiến đấu hằng ngày với thiên nhiên, một thứ thiên nhiên Tây Bắc nhiều lúc trông nó thành ra diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một. ( Người lái đò sông Đà –* Nguyễn Tuân*)*

*e, Tiếng Việt ta rất giàu và đẹp, tiếng ta đẹp bởi đời sống tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp. (Tiếng Việt ta giàu và đẹp –* Đặng Thai Mai)

**CẤP ĐỘ 2: VẬN DỤNG**

**Bài 1:** Thử lược bỏ thành phần cảm thán trong câu thơ sau hoặc thay đổi vị trí của các từ cảm thán và nêu nhận xét về sự thay đổi đó.

*a, Bức tranh này đẹp thật!*

*b, Đường về quê sao xa quá!*

*c, Buổi trưa nay tuyệt trần nắng đẹp*

*Bác Hồ ơi! Toàn thắng về ta.*

( *Toàn thắng về ta* – Tố Hữu)

**Bài 2:** Để khen một bó hoa đẹp bằng các từ ngữ cảm thán, em sẽ nói như thế nào?

* *Ôi! Bó hoa đẹp quá!*
* *Bó hoa đẹp thật!*
* *Bó hoa đẹp ghê!*

**Bài 3:** Đặt 1 câu có sử dụng thành phần tình thái để thể hiện nhận định không chắc chắn.

**Bài 4:** Em thử chuyển từ ngữ làm thành phần gọi đáp trong câu sau ra chủ ngữ và nhận xét xem ý nghĩa cơ bản của câu có thay đổi không? Vì sao?

*Mẹ ơi, lau nước mắt*

*Làng ta giặc chạy rồi.*

(*Ta đi tới* – Tố Hữu)

**Bài 5:** Một bạn học sinh đã viết câu có chứa thành phần phụ chú như sau:

*Thơ đặc biệt là thơ trữ tình có sức lay động lòng người nên được nhiều người yêu thích.*

Theo em b ạn viết như vậy đã đúng chưa? Nếu được sửa lại em sẽ sửa như thế nào? Vì sao?

**Bài 6:** Em hãy viết một đoạn văn có sử dụng ít nhất một thành phần phụ chú và gạch chân dưới các thành phần đó.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**Tiết: 111,112,113,114,115**

**ÔN TẬP VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**( TRUYỆN)**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Năng lực tư duy, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**2. Năng lực riêng biệt:**

- Nắm được các bước thực hành làm một bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

- Năng lực thu thập thông tin, tìm ý và xây dựng cấu trúc một bài văn phân tích tác phẩm văn học.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực viết: viết được đoạn văn đúng hình thức và đảm bảo về nội dung, viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học (phân tích một bài truyện).

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy.

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, giấy nháp,vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Kiểm tra khi gv cho hs ôn tập lí thuyết.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

**Mục tiêu:** HS cần hiểu và nắm rõ kiến thức về đặc trưng kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học (TRUYỆN)

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Hoạt động 1:**  **Mục tiêu: HS cần nắm vững được các yêu cầu của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV phát vấn câu hỏi:**  *+Một bài văn phân tích một tác phẩm văn học cần đảm bảo yêu cầu gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS trình bày nội dung từng phần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Hoạt động 2: BÁO CÁO DỰ ÁN**  **Mục tiêu: Giúp HS biết cách thu thập thông tin và tìm ý chuẩn bị cho việc làm bài phân tích một tác phẩm truyện.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*Giáo viên yêu cầu HS: Báo cáo dự án học tập số 1 mang tên: Hồ sơ người nổi tiếng.**  -Trình bày hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Khuyến. ( tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp…) và tác phẩm Bạn đến chơi nhà.  **\*Giáo viên yêu cầu HS: Báo cáo dự án học tập số 2.**  **Trình bày các** **đặc trưng của thể loại tác phẩm truyện ngắn Lão Hạc.**  -Em hãy chỉ ra các yếu tố thể hiện đặc trưng của thơ trào phúng qua tác phẩm Lão Hạc.   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm thể loại truyện ngắn** | **Trả lời** | | Mạch truyện. |  | | Ngôi kể |  | | Tình huống |  | | Nhân vật…. |  |   **\*Giáo viên yêu cầu HS: Báo cáo dự án học tập số 3.**  **Tìm ý để phân tích truyện ngắn Lão Hạc**  *+ Nội dung truyện?*  *+ Hoàn cảnh cảnh xã hội?*  *+ Nghệ thuật xây dựng tình huống trong tác phẩm? Tác dụng?*  *+ Các thủ pháp nghệ thuật tiêu biểu? Tác dụng?*  *+ Cảm nhận cá nhân về chi tiết nổi bật trong tác phẩm ?*  *+ Ta có thể liên hệ tác phẩm văn học nào khác?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS chuẩn bị ở nhà và lên lớp trình bày.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  -Thông qua việc chuẩn bị dự án học tập các nhóm trình bày dự án.  - Gv gọi HS nhận xét đánh giá, bổ sung ý kiến.  **B4: Kết luận, đánh giá**  -HS: Những nhóm không báo cáo nhận xét, bổ sung.  - GV:  + Chốt chuẩn kiến thức.  **+** Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. | 1. **Yêu cầu:**   Muốn làm kiểu bài này HS cần chú ý nắm được đặc trưng kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học và thực hiện đúng quy trình viết bài văn:  B1. Thu thập thông tin.  B2. Xác định đúng đặc trưng kiểu bài, phương pháp viết, nội dung viết.  B3. Xây dựng dàn ý cho bài viết.  \* Tìm ý bằng cách đặt và trả lời một số câu hỏi để xác định nội dung viết bài:  1. Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm và phương diện nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ tập trung làm rõ.  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  2. Thân bài:  \* Mô tả và đánh giá cách nhà văn kiến tạo truyện (câu chuyện, cách tổ chức mạch truyện)  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  \* Chỉ ra đặc điểm của người kể chuyện trong truyện ngắn (ngôi kể, điểm nhìn)  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  *\** Phân tích vai trò của ngôi kể, điểm nhìn và lời trần thuật trong việc khắc họa nhân vật  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  \* Đánh giá hiệu quả của nó (Chỉ ra mối liên hệ giữa người kể chuyện trong tác phẩm và nhà văn)  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  3. Kết bài: Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện.  - Giới thiệu thông tin tác giả và tác phẩm; nêu ý kiến chung của người viết về truyện cần phân tích.  - Phân tích được nội dung của truyện để làm rõ chủ đề.  - Chỉ ra được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật được thể hiện trong tác phẩm.  - Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của tác phẩm.  **II. Báo cáo dự án**  **DỰ ÁN 1:** Hồ sơ người nổi tiếng.  **Tác giả: Nam Cao**  **DỰ ÁN 3:** **Tìm ý phân tích truyện ngắn Lão Hạc của Nam Cao**  **\* Nội dung truyện:**  ***\** Tình huống trong tác phẩm:**  **\* Suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về một chi tiết đặc sắc trong tác phẩm:**  **\* Các thủ pháp nghệ thuật tiêu biểu:** |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH VẬN DỤNG CÁC KĨ NĂNG**

**VÀO THỰC HÀNH TẠO LẬP VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **GV HƯỚNG DẪN HS RÈN LUYỆN KĨ NĂNG THỰC HÀNH VIẾT**  **Mục tiêu:** HS có kĩ năng tìm kiếm thông tin, biết tìm ý và thiết lập được dàn ý và diễn đạt dàn ý thành bài văn hoàn chỉnh.  **Hoạt động 2.1: GV hướng dẫn hs nhớ lại dàn ý của bài viết cần đảm bảo những nội dung gì.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  **\* GV phát vấn:**  *+ Em hãy nhắc lại quy trình các bước và cấu trúc trình bày bài văn phân tích một tác phẩm truyện.*  **\* HS tiếp nhận và trả lời câu hỏi**  **\* GV phát phiếu học tập và hướng dẫn HS làm bài.**  **Hoạt động 2.2: GV hướng dẫn hs thực hành các thao tác chuẩn bị trước khi viết.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  **+ Giao phiếu bài tập số 1:**  **NV1: MỤC ĐÍCH RÈN KĨ NĂNG THU THẬP THÔNG TIN, CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI VIẾT**  **1/ Em hãy đọc văn bản truyện và thực hiện các yêu cầu sau:**  *? Hãy cho biết những thông tin cơ bản về tác giả hoàn cảnh ra đời, thể loại và nội dung chính của tác phẩm.*  **2/ Em hãy tìm ý, lập dàn ý phân tích truyện.**  **NV2: MỤC ĐÍCH RÈN KĨ NĂNG TÌM Ý, LẬP DÀN Ý TRƯỚC KHI VIẾT**  **a/ Tìm ý:**  *+ Nội dung truyện?*  *+ Hoàn cảnh ra đời của truyện ?*  *+ Các thủ pháp nghệ thuật tiêu biểu? Tác dụng?*  *+ Cảm nhận cá nhân về truyện ?*  *+ Ta có thể liên hệ với các tác phẩm văn học nào khác?*  **b/ Lập dàn ý:**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: - Làm việc cá nhân 35’  GV:  - Hướng dẫn HS trình bày dàn ý.  - Quan sát, theo dõi HS thực hiện hiệm vụ.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS: - báo cáo sp của mình, những HS còn lại quan sát sp của bạn, theo dõi bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Nhận xét, đánh giá**  GV:  - Nhận xét:  + Thái độ làm việc của HS khi làm nhiệm vụ.  + Sản phẩm của các cá nhân hs sau khi thực hiện yc của GV.  **+ GV giao phiếu bài tập số 2**  **Yêu cầu 1: Gọi 1** HS đọc đề và xác định đúng yêu cầu của đề bài.  **Yêu cầu 2: RÈN KĨ NĂNG THU THẬP THÔNG TIN, CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI VIẾT**  **1/ Em hãy đọc tác phẩm và thực hiện các yêu cầu sau:**  *? Hãy cho biết những thông tin cơ bản về tác giả, thể loại, chủ đề, nghệ thuật và giá trị nội dung chính của tác phẩm?*  *?Đặc trưng thể loại được thể hiện như thế nào qua tác phẩm?*  **Yêu cầu 3: Em hãy tìm ý, lập dàn ý phân tích tác phẩm.**  **a/ Tìm ý:**  *+ Nội dung truyện?*  *+ Hoàn cảnh ra đời của truyện ?*  *+ Các thủ pháp nghệ thuật tiêu biểu? Tác dụng?*  *+ Cảm nhận cá nhân về truyện?*  *+ Ta có thể liên hệ với các tác phẩm văn học nào khác?*  **b/ Lập dàn ý:**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: - Làm việc cá nhân 35’  GV:  - Hướng dẫn HS trình bày dàn ý.  - Quan sát, theo dõi HS thực hiện hiệm vụ.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS: - báo cáo sp của mình, những HS còn lại quan sát sp của bạn, theo dõi bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Nhận xét, đánh giá**  GV:  - Nhận xét:  + Thái độ làm việc của HS khi làm nhiệm vụ.  + Sản phẩm của các cá nhân hs sau khi thực hiện yc của GV.  **Yêu cầu 4: HS luyện viết đoạn văn theo dàn ý đã lập**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS viết thành đoạn văn, bài văn*.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS:  - Làm việc cá nhân.  GV:  - Quan sát, theo dõi HS thực hiện hiệm vụ.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS: - Hoàn thành sp của mình.  **B4: Nhận xét, đánh giá**  GV:  - Nhận xét:  + Thái độ làm việc của HS khi làm nhiệm vụ.  + Sản phẩm của các cá nhân hs sau khi thực hiện yc của GV.  **Yêu cầu 5: HS trình bày bài viết và sửa lỗi.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc đoạn văn, bài văn đã viết*.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS:  - Làm việc cá nhân.  GV:  - Quan sát, theo dõi HS thực hiện hiệm vụ.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS: - Trình bày sp của mình.  **B4: Nhận xét, đánh giá**  GV:  - Nhận xét:  + Thái độ làm việc của HS khi làm nhiệm vụ.  + Sản phẩm của các cá nhân hs sau khi thực hiện yc của GV. |  |

* Dàn bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

Mở bài:

– Giới thiệu về tác giả: tên tuổi, vị trí trong nền văn học, đặc điểm phong cách sáng tác.

– Giới thiệu về tác phẩm: hoàn cảnh sáng tác (tác phẩm) hoặc xuất xứ (đoạn trích), nội dung khái quát.

– Đánh giá khái quát về tác phẩm (đoạn trích): tác phẩm tiêu biểu của nhà văn và của nền văn học.

Thân bài:

1. Phân tích các giá trị nội dung, tư tưởng.

– Phân tích các luận điểm chính về nội dung của tác phẩm, có phân tích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu và xác thực:

+ Phân tích ý nghĩa nhan đề (nếu nhan đề là đặc sắc, chứa đựng nội dung, tư tưởng của tác phẩm, đoạn trích).

+ Phân tích tình huống truyện và đánh giá nghệ thuật xây dựng tình huống truyện của nhà văn.

+ Phân tích hình tượng các nhân vật gắn liền với các chi tiết, sự kiện, diễn biến câu chuyện trong tác phẩm.

+ Phân tích các hình tượng nghệ thuật khác (nếu có).

1. Phân tích các giá trị trong nghệ thuật biểu hiện .

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình.

+ Nghệ thuật xây dựng kết cấu truyện: tình huống, trật tự các sự kiện, mở đầu hoặc kết thúc.

+ Nghệ thuật khắc hoạ tâm lý nhân vật.

+ Đặc sắc về ngôn ngữ, giọng điệu, nghệ thuật trần thuật, lựa chọn vai kể,…

- Liên hệ, so sánh, bàn luận mở rộng.

– Liên hệ, so sánh với các tác phẩm cùng chủ đề. So sánh điểm giống và khác giữa các tác phẩm.

1. Đánh giá chung.

– Giá trị nội dung, tư tưởng: giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo.

– Giá trị nghệ thuật: mới mẻ, độc đáo.

Kết bài:

– Khẳng định lại giá trị nội dung, nghệ thuật, tư tưởng của tác phẩm và tầm ảnh hưởng (tác động) của tác phẩm trong nghệ thuật sáng tạo và đời sống văn học.

\* Lưu ý: Việc triển khai các luận điểm, luận cứ, cần thể hiện cảm xúc, ý kiến riêng của người viết.

Phần 3: QUY TRÌNH VIẾT BÀI

Phần 4: THỰC HÀNH THEO QUY TRÌNH BÀI VIẾT

**B1. Thu thập thông tin.**

* Gv yêu cầu HS đọc văn bản.
* Tóm tắt nội dung văn bản.



Cháo chín, chị Dậu bắc mang ra giữa nhà, ngả mâm bát múc ra la liệt. Rồi chị lấy quạt cho chóng nguội.

Tiếng trống và tiếng tù và đã thủng thẳng đưa nhau từ phía đầu làng đến đình.

Tiếng chó sủa vang các xóm.

Bà lão láng giềng lại lật đật chạy sang:

– Bác trai đã khá rồi chứ?

– Cảm ơn cụ, nhà cháu đã tỉnh táo như thường. Nhưng xem ý hãy còn lề bề, lệt bệt chừng như vẫn mỏi mệt lắm.

– Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ. Người ốm dề dề như thế, nếu lại phải một trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn?

– Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ. Nhưng để cháo nguội, cháu cho nhà cháu ăn lấy vài húp cái đã.

Nhịn xuông từ sáng hôm qua đến giờ còn gì.

– Thế thì phải giục anh ấy ăn mau mau đi, kẻo nữa người ta sắp sửa keo vào rồi đấy!

Rồi bà lão lại lật đật trở về với vẻ mặt băn khoăn.

Cháo đã hơi nguội.

Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt.

Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm:

– Thầy hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

Rồi chị đón lấy cái Tỉu và ngồi xuống đó, như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không.

Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngỏng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kề vào đến miệng. Cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng.

Gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ:

– Thằng kia, ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp nốt tiền sưu! Mau!

Hoảng quá anh Dậu vội để bát cháo xuống phản, lăn đùng ra đó, không nói được một câu gì. Người nhà lí trưởng cười cách mỉa mai:

– Anh ta sắp phải gió như đêm qua đấy!

Rồi hắn chỉ luôn vào mặt chị Dậu:

– Chị khất tiền sưu đến chiều mai phải không? Ðấy chị hãy nói với ông cai, để ông ấy ra đình kêu với quan cho! Chứ ông Lý tôi thì không có quyền dám cho chị khất một giờ nào nữa!

Chị Dậu run run:

– Nhà cháu đã túng, lại phải đóng cả xuất sưu của chú nó nữa, nên mới lôi thôi như thế. Chứ cháu có dám bỏ bễ tiền sưu của nhà nước đâu! Hai ông làm phúc nói với ông lí hãy cho cháu khất…

Cai lệ không để cho chị được nói hết câu, trợn ngược hai mắt, hắn quát:

– Mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của nhà nước, mà dám mở mồm xin khất!

Chị Dậu vẫn cố thiết tha:

– Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!

Cai lệ vẫn giọng hằm hè:

– Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ rỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à?

Rồi hắn quay ra bảo anh người nhà lí trưởng:

– Không hơi đâu mà nói với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia Người nhà Lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hắn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Ðùng đùng, Cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ Anh Dậu.

Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con bé con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn:

– Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!

– Tha này, tha này!

Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu, mấy bịch, rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:

– Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.

Cai lệ tát vào mặt chị một cái bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu, Chị Dậu nghiến hai hàm răng:

– Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Người nhà lí trưởng sấn sổ bước đến, huơ gậy chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai người giằng co nhau du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gây ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om sòm. Kết cục, anh chàng “hầu cận ông lí” yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Anh Dậu sợ quá muốn dậy can vợ, nhưng mệt đắm ngồi lên lại nằm xuống, vừa run vừa rên:

– U nó không được thế! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù phải tội.

Chị Dậu vẫn chưa nguôi giận:

Thà ngồi tù. Ðể cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được…

**B2. Trả lời các câu hỏi để tìm ý.**

\* Truyện có những nhân vật nào? Nhân vật chính?

\* Chủ đề?

\* Mô tả và đánh giá cách nhà văn kiến tạo truyện ( tình huống của nhân vật trong câu chuyện, cách tổ chức mạch truyện)?

\* Điểm nhìn của người kể chuyện trong truyện ngắn?

*\** Nghệ thuật khắc họa nhân vật trong truyện có gì đặc biệt? Hiệu quả của nó? Giá trị nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm truyện?

\* Giá trị nội dung, nghệ thuật, tư tưởng của tác phẩm và tầm ảnh hưởng (tác động) của tác phẩm trong nghệ thuật sáng tạo và đời sống văn học.

\* Những tác phẩm nào có thể liên hệ?

**B3: Xây dựng dàn ý:**

1. Mở bài

- Giới thiệu tác giả Ngô Tất Tố và tác phẩm.

- Dẫn dắt và giới thiệu đoạn trích Tức nước vỡ bờ: Với hơn một trăm trang tiểu thuyết Tắt đèn, đặc biệt là đoạn trích Tức nước vỡ bờ, Ngô Tất Tố đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc về hiện thực xã hội bất công lúc bấy giờ và thân phận của người nông dân cũng như những vẻ đẹp của họ.

2. Thân bài

a) Tình thế của gia đình chị Dậu.

- Chuyện xảy ra ở làng Đông Xá trong những ngày sưu thuế. Gia đình chị Dậu nghèo nhất nhì trong hạng cùng đinh. Đến kì nộp sưu, anh chị phải chạy vạy ngược xuôi nhưng vẫn không đủ tiền.

- Trước khi bị bắt ra ngoài đình, anh Dậu đã ủy quyền cho chị lo việc nhà. Chị bán cái Tí, đứa con gái đầu lòng 7 tuổi cho vợ chồng Nghị Quế. Chị đã bán con, bán cho để nộp sưu cho anh nhưng vẫn thiếu xuất sưu của người em chồng đã mất từ năm trước nên anh Dậu vẫn chưa được tha.

- Đến khi anh bị ngất sửu chúng mới trả về cho chị Dậu. Chị nấu cháo cho anh ăn, anh vừa kề bát cháo lên miệng thì bọn cai lệ kéo đến thúc sưu. Anh sợ quá lăn đùng ra ngất.

- Gánh nặng gia đình, tính mạng anh Dậu phụ thuộc hoàn toàn vào sự chèo chống của chị - người phụ nữ con mọn, chân yếu tay mềm.

=> Hoàn cảnh cùng quẫn, éo le, khốn khổ của những gia đình nông dân trong thời bấy giờ.

b) Bộ mặt của bọn tay sai

- Chúng xuất hiện với những công cụ để hành hung: roi song, tay thước, dây thừng...

- Cử chỉ: gõ đầu roi xuống đất thét, trợn ngược hai mắt quát, giọng hầm hè, đùng đùng giật phắt cái thừng, chạy sầm sập…

=> Bản chất tàn ác, đểu giả. Chúng chính là hiện thân đầy đủ nhất của xã hội thực dân phong kiến tàn bạo, không tình người lúc bấy giờ.

c) Diễn biến tâm lí, tính cách của chị Dậu

\* Trước khi bọn tay sai xuất hiện: Chị hiện lên là một người rất mực yêu thương chồng con.

- Khi anh Dậu vừa mới tỉnh, việc đầu tiên của chị là nấu cháo cho chồng và các con ăn:

+ Quạt cháo cho nhanh nguội để anh Dậu ăn.

+ Bước từng bước rón rén bưng cháo đến bên chồng.

+ Ngồi chờ chồng ăn cháo có ngon không và lo lắng cho sức khỏe của chồng.

- Những cử chỉ, lời nói chị dành cho người chồng đau yếu rất mộc mạc nhưng vô cùng đằm thắm, dịu dàng.

→ Chị mang vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, hết lòng yêu thương chồng con.

\* Khi bọn tay sai xuất hiện

- Lúc đầu: Phân trần, van xin bọn chúng cho khất sưu kể cả khi cai lệ quát tháo, dọa nạt vẫn một mực van xin tha thiết "nhà cháu đã túng lại phải đóng cả xuất sưu của chú nó nữa nên mới lôi thôi như thế chứ cháu có dám bỏ bễ tiền sưu của nhà cháu đâu, hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khất".

-> Người phụ nữ con mọn đã phải nhẫn nhục, hạ mình với những lời lẽ mềm mỏng, lễ phép vì chị biết mình là kẻ có tội nên không dám cưỡng lại phép nước. Hơn nữa, bản năng của người nông dân lép vế mách bảo nếu không nhẫn nhục sẽ chuốc lấy hậu quả khó lường. Điều quan trọng hơn là chị muốn dành sự bình yên cho chồng mình.

- Lúc sau:

+ Những lời van xin, lễ phép tha thiết của chị đã bị tên cai lệ bỏ ngoài tai. Hắn cứ xông đến để trói anh Dậu và còn đánh chị khi bị chị ăn vạ. Hành động "bịch vào ngực chị Dậu mấy bịch" là giọt nước làm tràn li, không thể nín nhịn được nữa, chị đã liều mạng cự lại.

-> Đầu tiên chị nói với chúng "chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ".  Chị đưa ra đạo lí tối thiểu của con người, chị hi vọng có thể đánh thức lương tri của bọn chúng. Lúc này, chị vô tình tha đổi cách xưng hô từ ông - cháu sang ông- tôi. Lời lẽ và giọng điệu của chị đã đanh thép hơn nhiều.

+ Lời lẽ của chị đã làm cai lệ tức giận, hắn đánh chị một cách tàn nhẫn và nhảy vào cạnh chồng chị.

-> Bao nhiêu căm hờn, uất hận được tích tụ, ghìm nén từ lâu được dịp bùng phát. Chị thách thức bọn chúng bằng những lời lẽ đanh đá, đáo để, ngỗ nghịch của người đàn bà bị dồn vào mức cùng quẫn "mày trói chồng bà đi bà cho mày xem". Không còn xưng hô ngang hàng "ông- tôi" mà gọi cai lệ là “mày” xưng “bà”. Cách xưng hô của người bề trên hoàn toàn đè bẹp uy thế của đối phương.

+ Cùng với lời thách thức, chị đã xông vào đánh nhau với bọn chúng và nhanh chóng hạ gục hai tên tay sai. Trước sức mạnh của chị, hai tên tay sai vốn rất hung hăng, hống hách trở nên thật nực cười, thảm hại.

-> Có thể nói chị đã vùng lên với một sức mạnh ghê gớm như người khổng lồ trong truyện cổ tích. Hình ảnh chị thật đẹp - một vẻ đẹp mạnh mẽ của người bị áp bức đã biết vùng lên để chống lại áo bức bất công.

=> Sức mạnh của chị Dậu là sức mạnh của lòng căm hờn nhưng gốc rễ lại là tình yêu thương. Chị mộc mạc, hiền dịu, vị tha, biết khiêm nhường, biết nhẫn nhục chịu đựng nhưng không hoàn toàn yếu đuối, không chỉ biết sợ hãi mà trái lại vẫn có một sức sống mạnh mẽ, một tinh thần phản kháng tiềm tàng. Qua đó thấy được sự thấu hiểu, cảm thông sâu sắc của tác giả với tình cảnh cơ cực, bế tắc của người nông dân.

3. Kết bài

- Gía trị nghệ thuật:

+ Xây dựng tình huống truyện kịch tính.

+ Kể chuyện, miêu tả nhân vật sinh động.

- Nêu cảm nghĩ của bản thân: Đoạn trích Tức nước vỡ bờ, qua ngòi bút hiện thực khỏe khoắn của Ngô Tất Tố ta không chỉ cảm nhận được mối xung đột giai cấp gay gắt mà còn cảm nhận được vẻ đẹp và sức mạnh tinh thần của người phụ nữ nông dân.

**Bước 4: Thực hành viết**

BÀI VIẾT THAM KHẢO

“Tắt đèn”là bản tố khổ chân thật, sâu sắc, chan hoà nước mắt và lòng căm phẫn của người nông dân nghèo bị bóc lột, đàn áp. Có lẽ chính nhà văn Ngô Tất Tố cũng không cầm được nước mắt. Cái đáng quý ở nhà văn này là thái độ phẫn nộ với giai cấp bóc lột và lòng thương người mênh mông. “Tức nước vỡ bờ” vốn là câu tục ngữ mang tính quy luật tự nhiên (nước đã dâng lên cao thì bờ ngoài vỡ nhưng cũng có ý nghĩa xã hội sâu sắc…, Người ta đã vận dụng câu tục ngữ này làm tiêu đề, tên gọi của một đoạn trích hết sức điển hình trong tiểu thuyết Tắt đèn.

     Năm đó là năm mất mùa, gia đình chị Dậu vốn nghèo khó phải đi làm thuê lại càng khó khăn hơn. Để đóng tiền sưu cho chồng, chị đã phải bán gánh khoai, bán đàn chó và đến cái Tí- con gái lớn của chị cũng bán cho ông bà Nghị Quế mới đủ tiền nộp sưu cho anh Dậu. Nhưng bọn chúng đã không tha cho gia đình chị, bắt gia đình chị nộp cả sưu thuế cho người em trai đã mất từ năm ngoái. Vì không nộp, anh Dậu đã bị bọn chúng bắt, đánh đập đến nỗi như một cái xác rồi quẳng trả gia đình chị. Chị Dậu vô cùng thương chồng. May được bà hàng xóm thường tình giúp đỡ cho bát gạo để chị nấu cháo cho chồng.

     Khi anh Dậu cố gượng ngồi dậy, chưa kịp đưa bát cháo lên miệng thì tên cai lệ và gã đầy tớ của lí trưởng xộc vào định trói anh để nã thuế. Chị Dậu lức này phải đốì mặt với tình thế nguy ngập: chồng chị vừa mới bị bắt trói, tưởng đã chết đêm qua, bây giờ mà lại bị trói bị đánh nữa chắc anh không sống nổi. Không đếm xỉa đến những lời van xin tha thiết của chị, tên cai lệ bất nhân nhất định xông vào trói anh Dậu. Hắn là một tên tay sai chuyên nghiệp; với hắn không có gì khác ngoài đánh, trói. Hạng người này trong chế độ thực dân, phong kiến sẽ thành thứ công cụ thực sự, không còn là người, ở cái làng Đông Xá ấy, cai lệ thỏa sức hoành hành, tác oai tác quái. Vụ thuế đang là thời điểm tốt nhất để hắn thể hiện tính chuyên nghiệp trong cướp bóc, hà hiếp dân lành. Chỉ là một tên tay sai mạt hạng nhưng qua những gì hắn làm, có thể nói hắn là hiện thân đầy đủ, rõ rệt cho cái “nhà nước” phi nhân tính, nhân quyền lúc bấy giờ. Hắn “sầm sập tiến vào”, “trợn ngược hai mắt”, “đùng đùng cai lệ giật phắt cái thừng”, “bịch luôn vào ngực chị Dậu”, “sấn đến để trói anh Dậu”, “tát vào mặt chị một cái đánh bốp”,... Hành động của hắn như một con thú dữ. Bản tính ác thú của tên này thể hiện cả ra ngôn ngữ: khàn khàn, quát, thét, hầm hè, nham nhảm... Tiếng của hắn đâu phải là tiếng người! Nếu là người thì hắn đã phải mủi lòng trước cảnh một người ốm nặng, đã động lòng trước những lời van xin tội nghiệp của chị Dậu, hắn đã biết thương hại... Đằng này, dường như hắn không có khả năng hiểu được ngôn ngữ của con người, hắn đáp lại những lời van vỉ của chị Dậu bằng chửi, đánh. Thật táng tận lương tâm!

     Lúc đầu chị Dậu tuy giận nhưng vẫn nhẫn nhục van xin tên cai lệ độc ác: Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho! Cách xưng hô của chị là cách xưng hô của kẻ dưới với người trên, biểu hiện sự nhún mình. Lúc bọn chúng sầm sập chạy đến chỗ anh Dậu, định trói anh một lần nữa, chị Dậu đã xám mặt nhưng vẫn cố chịu đựng, níu tay tên cai lệ, năn nỉ: Cháu xin ông. Những lời nói và hành động ấy của chị chỉ nhằm mục đích bảo vệ chồng.

     Đến khi giới hạn của sự chịu đựng bị phá vỡ thì tính cách, phẩm chất của chị Dậu mới bộc lộ đầy đủ. Tên cai lệ không thèm nghe chị. Hắn đấm vào ngực chị và cứ sấn đến trói anh Dậu. Chị Dậu đã chống cự lại. Sự bùng nổ tính cách của chị Dậu là kết quả tất yếu của cả một quá trình chịu đựng lâu dài trước áp lực của sự tàn ác, bất công. Nó đúng với quy luật: Có áp bức, có đấu tranh. Người đọc xót thương một chị Dậu phải hạ mình van xin bao nhiêu thì càng đồng tình, nể phục một chị Dậu đáo để, quyết liệt bấy nhiêu. Từ vị thế của kẻ dưới: Cháu van ông…, chị Dậu thoắt nâng mình lên ngang hàng với kẻ xưa nay vẫn đè đầu cười cổ mình: Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ. Câu nói cứng rắn mà vẫn có đủ tình, đủ lí. Nhưng cái ác thường không biết chùn tay. Tên cai lệ cứ sấn tới đánh chị và nhảy vào định lôi anh Dậu. Tức thì, sau lời cảnh cáo đanh thép của kẻ trên đối với kẻ dưới: Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem! là hành động phản kháng dữ dội: Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xồ đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng queo trên mặt đất… Còn tên người nhà lí trưởng kết cục cũng bị chị Dậu túm tóc, lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

     Tình yêu chồng, thương con cộng với tinh thần phản kháng âm ỉ bấy lâu đã thổi bùng lên ngọn lửa căm thù trong lòng chị Dậu – người đàn bà hiền lương, chất phác. Nỗi sợ cố hữu của kẻ bị áp bức phút chốc tiêu tan, chỉ còn lại nhân cách cứng cỏi của một con người chân chính: Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được. Tuy vậy, hành động phản kháng của chị Dậu hoàn toàn mang tính manh động, tự phát. Đó mới chỉ là cái thế tức nước vỡ bờ của một cá nhân mà chưa phải là cái thế của một giai cấp, một dân tộc vùng lên phá tan xiềng xích áp bức bất công. Có áp bức, có đấu tranh, áp bức càng nhiều thì đấu tranh càng quyết liệt và hành động của chị Dậu đã chứng minh cho chân lí ấy.

     Đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” là một trong những đoạn hay của tác phẩm Tắt đèn. Nhà văn Ngô Tất Tố đã dành cho nhân vật chính là chị Dậu tình cảm yêu thương, thông cảm và trân trọng. Những tình tiết sinh động và đầy kịch tính trong đoạn trích đã góp phần hoàn thiện tính cách người phụ nữ nông dân đẹp người, đẹp nết.

DẠNG BÀI PHÂN TÍCH NHÂN VẬT TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC.

**\* B1: Thu thập thông tin:**

GV cung cấp văn bản truyện Chí Phèo để HS đọc.

**1. Nội dung truyện Chí Phèo**

- Truyện ngắn *Chí Phèo* có tên là *Cái lò gạch cũ*; khi in sách lần đầu, nhà xuất bản tự ý đổi tên là *Đôi lứa xứng đôi*. Sau khi in lại trong tập *Luống cày* tác giả đặt tên là Chí Phèo.

- Chí Phèo là một đứa trẻ bị bỏ hoang trong một lò gạch cũ và được nhặt về nuôi. Khi lớn lên Chí Phèo đi ở hết nhà này nhà khác để nuôi thân. Đến năm 20 tuổi, hắn làm canh điền cho nhà Bá Kiến và tấm bi kịch cuộc đời hắn từ diễn ra từ đây. Vì Bá Kiến ghen nên hắn bị giải lên huyện và bị bắt bỏ tù. Hắn ở tù bảy tám năm, sau khi trở về, hắn xuất hiện với bộ dạng khác hẳn ngày xưa với nhiều hình xăm trên mình. Hắn lúc nào cũng say và cứ say là hắn lại đến nhà Bá Kiến để chửi bới, rạch mặt ăn vạ. Bá Kiến đã biến Chí Phèo thành kẻ tay sai chuyên đâm thuê chém mướn cho lão. Trong tình trạng luôn say mèm, ai cho tiền sai gì hắn cũng làm, hắn trở thành một con quỷ dữ của làng Vũ Đại luôn làm những trò tác quái phá làng, phá xóm, khiến người dân ai ai cũng khiếp sợ. Cuộc đời hắn không lúc nào tỉnh. Vào một đêm trăng, Phèo say thì gặp Thị Nở. Đêm đó, họ ăn nằm với nhau. Phèo nửa đêm đau bụng, nôn mửa, sáng hôm sau, Thị cho hắn một bát cháo hành. Cũng từ đó hắn khao khát trở về cuộc sống lương thiện và được sống cùng Thị Nở. Nhưng một lần nữa hắn bị đạp xuống vực vì bà cô của Thị không đồng ý. Chí Phèo tuyệt vọng, lại uống và lại xách dao ra đi, vừa đi hắn vừa chửi rủa sự đời. Hắn cầm dao đến nhà Bá Kiến đòi trả lương thiện cho hắn. Hắn đâm chết Bá Kiến rồi tự tử. Thị Nở nghe tin hắn chết nhìn xuống bụng và nghĩ đến lò gạch.

**2. Giá trị nội dung**

- Qua truyện ngắn Nam Cao đã khái quát một hiện tượng xã hội ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám: một bộ phận nông dân lương thiện bị đẩy và tình trạng lưu manh hóa.

- Nhà văn đã kết án đanh thép cái xã hội tàn bạo tàn phá cả thể xác tâm hồn của người nông dân lương thiện đồng thời khẳng định bản chất lương thiện ngay trong khi họ bị vùi dập mất cả nhân hình lẫn nhân tính.

- Chí Phèo là tác phẩm có giá trị nhân đạo và hiện thực sâu sắc.

**3. Đặc sắc nghệ thuật**

- Tác phẩm thể hiện tài năng truyện ngắn bậc thầy của Nam Cao: xây dựng nhân vật điển hình bất hủ; nghệ thuật trần thuật linh hoạt, tự nhiên mà vẫn nhất quán chặt chẽ; ngôn ngữ trần thuật đặc sắc.

## **GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi sưu tầm thông tin về tác phẩm Chí Phèo.**

**Câu 1** : Trong các mối quan hệ sau, mối quan hệ nào có tác động trực tiếp đến việc khơi sâu bi kịch bị từ chối quyền làm người của Chí Phèo?

A. Chí Phèo – Bá Kiến

**B. Chí Phèo – Thị Nở**

C. Chí Phèo – Năm Thọ

D. Chí Phèo – Tự Lăng

**Câu 2** : Mở đầu cho truyện ngắn với hình ảnh Chí Phèo “vừa đi vừa chửi” thật hài hước và lôi cuốn độc giả đã thể hiện điều gì trong ngòi bút Nam Cao ?

A. Nam Cao mô tả thật đúng hình ảnh những gã say rượu thường không tự chủ được bản thân.

B. Làm người đọc hả hê vì Chí Phèo đă chửi tất tần tật, là một dự báo trừng phạt bọn cường hào ác bá ở làng Vũ Đại.

C. Hấp dẫn người đọc vì Chí Phèo đã nhận thức được nguyên nhân cuộc đời mình tha hoá là do bọn cường hào ác bá làng xã.

**D. Tạo cái bề ngoài hài hước của Chí Phèo lại là biểu hiện của một tấn bi kịch bên trong. Nụ cười bất giác ban đầu lại lắng đọng một dự vị buồn đau, chua chát trong lòng độc giả.**

**Câu 3** : Mở đầu là hình ảnh chiếc lò gạch cũ và kết thúc cũng như thế. Điều đó có ý nghĩa gì?

A. Tác giả muốn giới thiệu với độc giả việc làm quanh năm của nông dân làng Vũ Đại là sản xuất gạch.

B. Hình ảnh lò gạch bỏ hoang, khiến người đọc hiểu đó là nghề truyền thống của làng Vũ Đại đã mai một.

**C. Nó gợi lên cái vòng luẩn quẩn, bế tắc, đau thương không lối thoát của người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ.**

D. Đời sống nông dân làng Vũ Đại hoang tàn như cái lò gạch cũ.

**Câu 4** : Sau khi ở tù về, Chí Phèo sinh sống bằng nghề gì ?

A. Thả ống lươn ngoài đồng.

B. Chỉ suốt ngày uống rượu, chẳng làm gì.

**C. Làm tay sai cho Bá Kiến và chuyên rạch mặt ăn vạ.**

D. Đâm thuê chém mướn.

**Câu 5** : Dự cảm về tương lai. Chí Phèo sợ nhất điều gì?

A. Đói rét

B. Bệnh tật

**C. Cô độc**

D. Tuổi già.

**Câu 6** : Ý nào nói đúng nhất tính cách của nhân vật Bá Kiến ?

A. Xảo quyệt, độc ác, háo sắc

B. Thâm độc, tham tàn, gian xảo

**C. Lọc lõi, hiểm ác, gian hùng**

D. Lọc lõi, háo danh, háo lợi

**Câu 7** : Ba lần Chí Phèo đến nhà Bá Kiến (rạch mặt ăn vạ, vòi tiền, trả thù) có điểm gì giống trong việc thể hiện tính cách số phận, bi kịch của Chí Phèo?

A. Đều căng thẳng, kịch tính

B. Đều cho thấy bản chất đối nghịch trong quan hệ

**C. Đều cho thấy tình trạng cùng quẫn của Chí Phèo**

D. Đều cho thấy sự lọc lõi, nham hiểm của Bá Kiến

**Câu 8** : Cuộc đời Chí Phèo là một bi kịch lớn: Bi kịch bị từ chối quyền làm người lương thiện. Như vậy, rõ ràng Chí Phèo không thể tự quyết định đời mình, duy có một lần Chí tự quyết định được. Đó là trường hợp nào?

A. Quyết định yêu thị Nở.

**B. Quyết định tự kết liễu đời mình một cách tự do, để giữ phẩm chất lương thiện của một con người thực sự, còn hơn sống vật vờ như một con quỷ dữ.**

C. Quyết định đi đòi lương thiện.

D. Quyết định xin đi ở tù: “Từ ngày cụ bắt đi ở tù, con lại sinh ra thích đi ở tù”.

**Câu 9:** Cách xưng hô của Bá Kiến và Chí Phèo rất khác nhau (Bá Kiến: "Chí Phèo / "anh" - "tôi" / "người ta" / "tôi"; Chí Phèo: "tao"). Sự khác biệt ấy cho thấy điều gì trong quan hệ Chí Phèo - Bá Kiến (Chí Phèo, Nam Cao)?

**A. Một quan hệ đối nghịch gay gắt, căng thẳng, quyết liệt.**

B. Quan hệ giả bị lật tẩy, xổ toẹt; quan hệ thật được xác lập trở lại.

C. Một sự đổ vỡ không ai và không gì cứu vãn nổi.

D. Quan hệ cũ đã và đang đổ vỡ, quan hệ mới được thiết lập.

**Câu 10**: Bá Kiến không dùng cách nào để biến Chí Phèo (Chí Phèo, Nam Cao) thành "chỗ đầy tớ tay chân" trung thành của hắn?

A. Xử nhũn với Chí Phèo.

**B. Biến Chí Phèo thành con nghiện.**

C. Khiêu khích và vuốt ve lòng tự ái của Chí Phèo.

D. Cho Chí Phèo nhà ở và tiền để sinh sống.

**GV giao đề bài và hướng dẫn HS thực hiện các thao tác.**

**Đề bài: Phân tích nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao để thấy được hình tượng người nông dân nghèo trong xã hội phong kiến.**

**B2. Trả lời các câu hỏi để tìm ý.**

\* Truyện có những nhân vật nào? Nhân vật chính?

\* ý nghĩa nhan đề?

\* Mô tả và đánh giá cách nhà văn kiến tạo truyện ( tình huống của nhân vật trong câu chuyện, cách tổ chức mạch truyện)?

\* Điểm nhìn của người kể chuyện trong truyện ngắn?

*\** Nghệ thuật khắc họa nhân vật trong truyện có gì đặc biệt? Hiệu quả của nó? Giá trị nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm truyện?

\* Giá trị nội dung, nghệ thuật, tư tưởng của tác phẩm và tầm ảnh hưởng (tác động) của tác phẩm trong nghệ thuật sáng tạo và đời sống văn học.

\* Những tác phẩm nào có thể liên hệ?

**B3: Xây dựng dàn ý**

1. Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả Nam Cao và truyện ngắn Chí Phèo.

- Nhân vật Chí Phèo là nhân vật tư tưởng của tác phẩm.

2. Thân bài

a. Hoàn cảnh và nguồn gốc xuất thân:

- Một đứa trẻ không cha mẹ, bỏ rơi nơi lò gạch bỏ hoang.

- Được một người câu lươn nhặt về cho bà goá mù rồi đem bán cho bác phó côi.

- Sống một thân một mình bơ vơ, làm thuê kiếm sống.

- Có ước mơ bình dị bên ngôi nhà nhỏ cùng vợ con.

b. Cuộc đời đầy bi kịch:

- Bị Bá Kiến ghen tuông bỏ tù 7, 8 năm.

- Chế độ tù thực dân khiến Chí ra tù thay đổi cả nhân hình lẫn nhân dạng.

- Say rượu cả ngày lẫn đêm.

- Bị Bá Kiến xúi giục lao vào cảnh đâm thuê, chém mướn.

- Người ta sợ hãi, xa lánh Chí, xem Chí là "con quỷ dữ của làng Vũ Đại".

- Gặp gỡ Thị Nở đã thức tỉnh lương tri trong Chí, hắn muốn quay lại làm người lương thiện.

- Xã hội cự tuyệt quyền làm người của Chí.

- Chí giết Bá Kiến, tự kết thúc cuộc đời mình.

3. Kết bài

Qua nhân vật Chí Phèo ta hiểu hơn được những khốn khổ của người nông dân trước cách mạng, thêm căm phẫn một xã hội mà ngay chính cả quyền được sống, được làm người của con người cũng bị tước đoạt.

**B4: Viết bài**

“Khi Chí Phèo ngật ngưỡng bước ra từ trang sách của Nam Cao, người ta mới thấy đây là hiện thân đầy đủ nhất cho những gì gọi là cùng khổ của người dân cày trong một xã hội thuộc địa: bị dày đạp, cào xé, hủy hoại từ nhân tính đến nhân hình.” (Nguyễn Đăng Mạnh). Người ta vẫn coi Chí Phèo như một hiện tượng lạ của văn học và đời sống, một sáng tạo đặc biệt của Nam Cao mà qua đó, bao lớp hiện thực được lật dở, bao tầng tư tưởng được cày xới. “Chí Phèo” thật sự đã đưa tên tuổi của Trần Hữu Tri chính thức trở thành Nam Cao. Vốn là một nhà văn hiện thực đến sau, bước vào làng văn khi mà mảnh đất về người nông dân đã được lật xới nhiều lần, Nam Cao vẫn cày được những đường cày thật đẹp và nâng tác phẩm của mình trở thành tuyệt tác. Tôi cho rằng “Chí Phèo” là tác phẩm Nam Cao viết hay và sâu sắc nhất về người nông dân bởi tính hiện thực và tư tưởng nhà văn gửi trong đó.

Đi theo cách nhà văn muốn dẫn dắt người đọc, Nam Cao đã đẩy Chí Phèo ra giữa sân khấu cuộc đời với trạng thái say và chửi – một trạng thái đầy ấn tượng và ám ảnh: “Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng vậy, cứ rượu xong là hắn chửi.” Hắn – cái cách mà Nam Cao gọi Chí Phèo – là một kẻ đang đằm mình trong men rượu và đối thoại với đời bằng tiếng chửi. Tiếng chửi có lớp có lang, có gần có xa, từ chửi trời, hắn chửi đời, rồi chửi sang cả dân làng Vũ Đại, chửi đứa nào không chửi nhau với hắn, và sau cùng là chửi “đứa chết mẹ nào đã đẻ ra hắn”. Tiếng chửi như đã trở thành quy luật sống của một kẻ say, Nam Cao đã cho ta thấy trạng thái tồn tại cụ thể nhất của nhân vật, thấy được chất lưu manh trong con người hắn, và phần nào thấy được bi kịch bị cự tuyệt của Chí Phèo. Trong tiếng chửi dường như có sự cô độc. Dân làng Vũ Đại không ai ra điều, đáp lại hắn chỉ là tiếng sủa của ba con chó dữ. Chí Phèo bị gạch tên ra khỏi xã hội chăng? Vì đâu mà hắn bị cả xã hội ghê sợ và lảng tránh? Những câu hỏi gợi mở Nam Cao đặt ra từ đầu truyện đã cho ta lần bước tìm hiểu về nhân vật…

Chí Phèo vốn là một thanh niên hiền lành, lương thiện nhưng đã bị bọn cường hào ở làng Vũ Đại đẩy vào bước đường cùng. Là đứa con hoang bị bỏ rơi từ lúc mới lọt lòng, Chí được một bác phó cối không con đem về nuôi. Bác phó cối chết, Chí tứ cố vô thân, hết đi ở cho nhà này lại đi ở cho nhà khác. Không cha không mẹ, không một tấc đất cắm dùi, Chí lớn lên như cây cỏ, chẳng được ai ban cho chút tình thương. Thời gian làm canh điền cho nhà lí Kiến, Chí được tiếng là hiền như đất. Dù nghèo khổ, không được giáo dục nhưng Chí vẫn biết đâu là phải trái, đúng sai, đâu là tình yêu và đâu là sự dâm đãng đáng khinh bỉ. Mỗi lần bị mụ vợ ba lí Kiến bắt bóp chân, Chí “chỉ thấy nhục chứ yêu đương gì”. Cũng như bao nông dân nghèo khác, Chí từng mơ ước một cuộc sống gia đình đơn giản mà đầm ấm: “Chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm”. Thế nhưng cái mầm thiện trong con người Chí sớm bị quật ngã và không sao gượng dậy được. Đó là lúc Chí bị Bá Kiến đẩy vào tù chỉ vì một cơn ghen bạo chúa, bi kịch lưu manh hóa cũng bắt đầu từ đó.

Chí ra tù, mang theo sự biến đổi nhân hình và nhân tính đến méo mó dị dạng. Từ một anh canh điền khỏe mạnh, Chí trở nên là một đứa “đặc như thằng săng đá”, với “cái đầu trọc lốc, cái răng cạo trắng, cái mặt câng câng, con mắt gườm gườm. Người ta tưởng như một con quỷ dữ về làng. Chuỗi ngày sau khi ra tù, hắn ngụp lặn trong trạng thái tinh thần say miên man. Ăn trong lúc say, ngủ trong lúc say, đập đầu, rạch mặt, chửi bới, dọa nạt trong lúc say. Đau đớn hơn, sự tha hóa không chỉ hiện lên thành hình, nó còn đang dần gặm nhấm từ bên trong khi mà Chí đã tự mình bán rẻ linh hồn cho Bá Kiến. Trở về làng Vũ Đại, cái mảnh đất quần ngư tranh thực, cá lớn nuốt cá bé ấy, Chí Phèo không thể hiền lành, nhẫn nhục như trước nữa. Hắn đã nắm được quy luật của sự sinh tồn: những kẻ cùng đinh càng hiền lành càng bị ức hiếp đến không thể ngóc đầu lên được. Phải dữ dằn, lì lợm, tàn ác mới mong tồn tại. Vậy là chỉ sau những lời mời dụ ngọt nhạt của tên gian hùng lọc lõi như Bá Kiến, Chí đã trở thành một tay đi đòi nợ thuê, chém giết thuê. “Hắn đâu biết hắn đã phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đạp đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao người dân lương thiện”. Chí Phèo đã thực hiện đúng mưu đồ của cha con nhà Bá Kiến: “Lấy thằng đầu bò để trị những thằng đầu bò”. Chất Người trong hắn dường như đã cạn kiệt, linh hồn quỷ xâm chiếm và tàn phá hắn.

Nhưng cũng chính từ bi kịch ấy mà ta nhìn thấy bản chất, bộ mặt của cả một xã hội – một xã hội vô nhân với những những con người cạn sạch tính người, một xã hội mà Vũ Trọng Phụng gọi là “chó đểu”. Ở đó, có những tên cường hào ác bá như Bá Kiến nắm mọi quyền lực, có thể tuyệt đường sống của người dân lương thiện bất cứ lúc nào, có nhà tù thực dân bắt vào một người lương thiện và thả ra một con quỷ dữ, có những người như dân làng Vũ Đại khước từ sự dung nạp và chấp nhận một người như Chí Phèo.

Tưởng như Chí đã trượt dài và lún sâu trong tấn bi kịch đời mình, nhưng Nam Cao vẫn đủ tin tưởng và trái tim nhà văn vẫn rất nhân đạo khi “cố tìm mà hiểu” chất Người trong tâm hồn của một kẻ mà phần Con đã chiếm thế. Đó là lúc Chí gặp Thị Nở – một người đàn bà xấu ma chê quỷ hờn của làng Vũ Đại. Qua cái đêm ăn nằm như vợ chồng với thị, Chí tỉnh dậy và bao nhiêu sự hồi sinh đã được đánh thức. Hồi sinh ý thức về không gian, thời gian, về tình cảm và tiếng nói con người. Lần đầu tiên trong cuộc đời, Chí nghe thấy “tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá. Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá”. Cũng lần đầu, hắn ý thức được về tuổi tác của mình, về hiện tại “đã già mà vẫn còn cô độc”, về quá khứ với ước mơ lành thiện khi xưa, về tương lai với “đói rét, ốm đau và cô độc”. Con người ấy lần đầu có những cảm giác rất người, thức dậy cả về lương tri và lương tâm. Hắn biết lo, biết sợ, biết xúc động rưng rưng trước bát cháo hành tỏa nồng hơi ấm, biết ăn năn hối cải về tội ác của mình. Chính bàn tay của một người phụ nữ có dòng dõi mả hủi đã cứu đỡ hắn ra khỏi bờ vực tha hóa, để rồi không chỉ bộc lộ bản chất lương thiện vẫn luôn sẵn có trong con người, Chí Phèo còn trỗi dậy cả khao khát hoàn lương – trở về với xã hội loài người. Hắn tin rằng “Thị Nở sẽ mở đường cho hắn”; “Thị có thể làm hòa với hắn sao mọi người lại không thể”. Chưa bao giờ, ước muốn được quay trở về làm người lương thiện lại mãnh liệt đến thế. Chính đôi mắt tinh tế và tấm lòng cảm thương của Nam Cao đã nhìn thấy mầm thiện của một con người vốn sống lương thiện, bị xã hội tàn ác vùi dập và đày đọa

Nhưng hiện thực vẫn là hiện thực. Ngòi bút trung thành với hiện thực của Nam Cao đã không chối bỏ một sự thật khác, rằng sống trong xã hội đầy rẫy những định kiến cổ hủ lạc hậu, con người không thể sống yên ổn theo đúng nghĩa. Một lần nữa, Chí Phèo rơi vào bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người bởi định kiến của bà cô Thị Nở. Người đàn bà ấy đã dõng dạc tuyên bố rằng: “Trai làng đã chết hết hay sao mà đi đâm đầu lấy một thằng không cha, lấy một thằng chỉ có một nghề là rạch mặt ăn vạ”. Cái loa của định kiến làng xã đã đưa bước chân Thị Nở đến từ chối thẳng thừng khát vọng hoàn lương và hạnh phúc của Chí Phèo. Giây phút nhân vật nửa tin nửa ngờ, nửa say nửa tỉnh, cố níu mà không thể giữ, bàng hoàng đến đau đớn đã biến Chí Phèo trở thành một kẻ thật sự tội nghiệp và đáng thương. Thị Nở bước đi, cánh cửa dẫn lối về xã hội loài người đóng sầm ngay trước mặt. Chí Phèo tìm đến tên kẻ thù lớn nhất của đời mình để trả thù và cũng kết liễu luôn đời mình. Chết là một kết cục bi thảm đau đớn, nhưng là lẽ tất yếu khi sống trong xã hội đầy nhơ nhuốc ấy. Không được dung nạp vào xã hội chung, Chí Phèo cũng không thể trở lại làm quỷ dữ, bởi lương tri và lương tâm đã trở về. Chí có chết mới là cách giải quyết tốt nhất, dù nó thật đau đớn. Đó là cái chết bảo toàn nhân phẩm, cái chết cảnh tỉnh cho cả một xã hội, để rồi ngày nay, tiếng hỏi “Ai cho tao lương thiện?” vẫn không ngừng vang vọng và ám ảnh.

Để làm nên thành công của tác phẩm trong việc xây dựng nhân vật, không thể không kể đến nghệ thuật phân tích tâm lý bậc thầy của Nam Cao, nghệ thuật kết cấu linh hoạt theo dòng tâm lý và sử dụng những đoạn độc thoại, đối thoại phù hợp. Ngòi bút của Nam Cao đã điển hình hóa một kiểu người, một số phận trong xã hội, để ngày nay Chí Phèo vẫn là cái tên đầu tiên khi người ta nhớ về Nam Cao.

****

Tiếng trống thu không[1] trên cái chợ của huyện nhỏ; từng tiếng một vang xa để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rơ rệt trên nền trời.

Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị: Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.

- Em thắp đèn lên chị Liên nhé?

Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời:

- Hẵng thong thả một lát nữa cũng được. Em ra ngồi đây với chị kẻo trong muỗi.

An bỏ bao diêm xuống bàn cùng chị ra ngoài chỏng ngồi; chiếc chỏng nan lún xuống và kêu cót két.

- Cái chỏng này sắp gãy rồi chị nhỉ?

- Ừ để rồi chị bảo mẹ mua cái khác thay vào.

Hai chị em gượng nhẹ ngồi yên nhìn ra phố. Các nhà đã lên đèn cả rồi, đèn treo trong nhà bác phở Mĩ, đèn Hoa Kì leo lét trong nhà ông Cửu, và đèn dây sáng xanh trong hiệu khách...

Những nguồn ánh sáng đều chiếu ra ngoài phố khiến cát lấp lánh từng chỗ và đường mấp mô thêm vì những hònđá nhỏ một bên sáng một bên tối.

Chợ họp giữa phố văn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này. Một vài người bán hàng về muộn đang thu xếp hàng hóa, đ̣n gánh đã xỏ sẵn vào quang rồi, họ còn đứng nói chuyện với nhau ít câu nữa.

Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm tòi. Chúng nhặt nhạnh thanh nứa, thanh tre, hay bất cứ cái gì có thể dùng được của các người bán hàng để lại, Liên trông thấy động lòng thương nhưng chính chị cũng không có tiền để mà cho chúng nó.

Trời nhá nhem tối, bây giờ chị em Liên mới thấy thằng cu bé xách điếu đóm và khiêng hai cái ghế trên lưng ở trong ngơ đi ra; chị Tí, mẹ nó, theo sau, đội cái chỏng trên đầu và tay mang không biết bao nhiêu là đồ đạc: tất cả cái cửa hàng của chị.

- Sao hôm nay chị dọn hàng muộn thế?

Chị Tí để chỏng xuống đất, bày biện các bát uống nước mãi rồi mới chép miệng trả lời Liên:

- Ối chao, sớm với muộn mà có ăn thua gì.

Ngày, chị đi mò cua bắt tép; tối đến chị mới dọn cái hàng nước này dưới gốc cây bàng, bên cạnh cái mốc gạch. Để bán cho ai? Mấy người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng có mấy chú lính lệ[2] trong huyện hay người nhà thầy thừa[3] đi gọi chân tổ tôm, cao hứng vào hàng chị uống bát nước chè tươi và hút điếu thuốc lào. Chị Tí chả kiếm được bao nhiêu, nhưng chiều nào chị cũng dọn hàng, từ chập tối cho đến đêm.

Chị kê xong chỏng ghế, dịch ngọn đèn Hoa Kì lại để ngồi têm trầu, còn thằng cu thì loay hoay nhóm lửa để nấu nồi nước chè. Lúc bấy giờ chị mới ngẩng lên nói chuyện với Liên:

- Còn cô chưa dọn hàng à?

Liên giật mình, kêu khẽ: Chết chửa! Rồi đứng dậy giục em:

- Vào đóng cửa hàng thôi, không mẹ mắng chết.

An đáp:

- Hôm nay chưa chắc mẹ có ra không, chị ạ. Mẹ còn bận làm gạo cơ mà.

Ngày nào, cứ chập tối, mẹ Liên tạt ra thăm hàng một lần, và bà dặn hễ cứ trống thu không là phải đóng cửa hàng lại. Thế mà Liên mải ngồi nhìn phố quên mất! Bây giờ Liên vội vàng vào thắp đèn, xếp những quả[4] sơn đen lại, trong lúc An đi tìm then để cài cửa cho chắc chắn. Cái cửa hàng hai chị em trông coi - là một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu, mẹ Liên dọn ngay từ khi cả nhà bỏ Hà Nội về quê ở, vì thầy Liên mất việc. Một gian hàng bé thuê lại của bà lão móm ngăn ra bằng một tấm phên nứa dán giấy nhật trình[5]. Mẹ Liên giao cho Liên trông coi - bà còn bận làm hàng xáo[6] - và buổi tối thì hai chị em cùng ngủ đây để trông hàng.

Liên đếm lại những phong thuốc lào, xếp vào hòm các bánh xà phòng còn lại, vừa lẩm nhẩm tính tiền hàng. Hôm nay ngày phiên mà bán cũng chẳng ăn thua gì.

- Có phải buổi trưa em bán cho bà Lực hai bánh xà phòng không?

An ngẫm nghĩ rồi đáp:

- Vâng, bà ta mua hai bánh, còn cụ Chi lấy chịu nửa bánh nữa.

Liên với cái bàn tính để cộng số tiền. Nhưng trong hàng nóng và muỗi quá, chị ngần ngại rồi xếp hết cả tiền vào tráp không tính nữa:

- Thôi, để mai tính một thể.

An nhìn chị, chỉ đợi lúc ấy. Hai chị em cùng vội muốn đóng cửa hàng để lại ra ngoài kia, ngồi trên chỏng ngắm nhìn phong cảnh ngoài phố. Liên khóa vội tráp tiền với

một chiếc chìa khóa chị đeo vào cái dây xà tích bạc[7] ở thắt lưng, chiếc xà tích và cái khóa chị quý mến và hãnh diện, vì nó tỏ ra chị là người con gái lớn và đảm đang.

- A, cô bé làm gì thế?

Nghe câu nói tiếp theo một tiếng cười khanh khách, chị em Liên không cần ngoảnh mặt ra cũng biết là ai đã vào hàng. Đó là cụ Thi, một bà già hơi điên, vẫn mua rượu ở hàng Liên. Liên đã biết tính bà, chị lẳng lặng rót một cút rượu ti[8] đầy đưa cho cụ; chị không dám nhìn mặt cụ, và trong lòng hơi run sợ, chị mong cho cụ chóng đi. Cụ cầm cút rượu soi lên rồi cười gịn giã nói:

- A, em Liên thảo nhỉ. Hôm nay lại rót đầy cho chị đây.

Cụ ngửa cổ ra đằng sau, uống một hơi cạn sạch, rồi vừa chép miệng vừa lần ruột tượng trả tiền - Cụ để ba đồng xu vào tay Liên, xoa đầu chị một cái rồi lảo đảo bước ra ngoài. Hai chị em Liên đứng sững nhìn theo cụ đi lần vào bóng tối, tiếng cười khanh khách nhỏ dần về phía làng.

* \*

Trời đã bắt đầu đêm, một đêm mùa hạ êm như nhung và thoảng qua gió mát. Đường phố và các ngơ con dần dần chứa đầy bóng tối. Các nhà đã đóng im ỉm, trừ một vài cửa hàng còn thức, nhưng cửa chỉ để hé ra một khe ánh sáng. Trẻ con tụ họp nhau ở thềm hè, tiếng cười nói vui vẻ, khiến An thèm muốn nhập bọn với chúng để nô đùa, nhưng sợ trái lời mẹ dặn phải coi hàng, nên hai chị em đành ngồi yên trên chỏng, đưa mắt theo dơi những bóng người về muộn, từ từ đi trong đêm.

Ṿm trời hàng ngàn ngôi sao ganh nhau lấp lánh, lẫn với vệt sáng của những con đom đóm bay là trên mặt đất hay leo vào cành cây. An và Liên lặng ngước mắt lên nhìn các vì sao để tìm sông Ngân Hà và con vịt theo sau ông Thần Nông. Vũ trụ thăm thẳm bao la đối với tâm hồn [hai đứa trẻ](https://bigone.vn/hai-dua-tre-truyen-ngan-thach-lam-a688.html) như đầy bí mật và xa lạ và làm mỏi trí nghĩ, nên chỉ một lát hai chị em lại chúi nhìn về mặt đất, về quầng sáng thân mật chung quanh ngọn đèn lay động trên chỏng hàng của chị Tí. Về phía huyện, một chấm lửa khác nhỏ và vàng lơ lửng đi trong đêm tối, mất đi, rồi lại hiện ra... An trỏ tay bảo chị:

- Kìa, hàng phở của bác Siêu đã đến kia rồi.

Tiếng đòn gánh kĩu kịt nghe rơ rệt, khói theo gió tạt lại chỗ hai chị em: bác Siêu đã tới gần, đặt gánh phở xuống đường. Bác cúi xuống, nhóm lại lửa, thổi vào cái nứa con. Bóng bác mênh mang ngả xuống đất một vùng và kéo dài đến tận hàng rào hai bên ngơ. An là Liên ngửi thấy mùi phở thơm, nhưng ở cái huyện nhỏ này, quà bác Siêu bán là một thứ quà xa xỉ, nhiều tiền, hai chị em không bao giờ mua được. Liên nhớ lại khi ở Hà Nội chỉ được hưởng những thức quà ngon, lạ - bấy giờ mẹ Liên nhiều tiền - được đi chơi bờ hồ uống những cốc nước lạnh xanh đỏ. Ngoài ra, kỷ niệm nhớ lại không rơ rệt, chỉ là một vùng sáng rực và lấp lánh. Hà Nội nhiều đèn quá! Từ khi nhà Liên dọn về đây, từ khi có cái cửa hàng này, đêm nào Liên và em cũng phải ngồi trên chiếc chỏng tre dưới gốc bàng với cái tối của quang cảnh phố chung quanh.

Đêm tối đối với Liên quen lắm, chị không sợ nó nữa. Tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngơ vào làng lại sẫm đen hơn nữa. Giờ chỉ còn ngọn đèn con của chị Tí, và cái bếp lửa của bác Siêu chiếu sáng một vùng đất cát; trong cửa hàng, ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vặn nhỏ, thưa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa. Tất cả phố xá trong huyện bây giờ thu nhỏ lại nơi hàng nước của chị Tí. Thêm được một gia đình bác xẩm ngồi trên manh chiếu, cái thau sắt trắng để trước mặt, nhưng bác chưa hát vì chưa có khách nghe.

Chị Tí phe phẩy cành chuối khô đuổi ruồi bò trên mấy thức hàng, chậm rãi nói:

- Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?

Chị muốn nói mấy chú lính trong huyện, mấy người nhà của cụ thừa, cụ lục[9] là những khách hàng quen của chị. Bác Siêu đáp vẩn vơ.

- Hôm nay trong ông giáo cũng có tổ tôm. Dễ họ không phải đi gọi đâu.

Vợ chồng bác xẩm góp chuyện bằng mấy tiếng đàn bầu bần bật trong yên lặng. Thằng con bò ra đất, ngoài manh chiếu, nghịch nhặt những rác bẩn vùi trong cát bên đường. Chừng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hằng ngày của họ.

* \*

An và Liên đã buồn ngủ ríu cả mắt. Tuy vậy hai chị em vẫn cố gượng để thức khuya chút nữa, trước khi vào hàng đóng cửa đi ngủ. Mẹ vẫn dặn phải thức đến khi tàu xuống - Ðường sắt đi ngang qua ngay trước mặt phố - để bán hàng, may ra còn có một vài người mua. Nhưng cũng như mọi đêm, Liên không trông mong còn ai đến mua nữa. Với lại đêm họ chỉ mua bao diêm, hai gói thuốc là cùng. Liên và em cố thức là vì cớ khác, vì muốn được nhìn chuyến tàu. Chín giờ có chuyến tàu ở Hà Nội đi qua huyện. Đó là sự hoạt động cuối cùng của [đêm khuya](https://bigone.vn/ke-truyen-dem-khuya-cho-be-a995.html).

An đã nằm xuống gối đầu lên đùi chị, mí mắt sắp sửa rơi xuống, còn dặn với:

- Tàu đến chị đánh thức em dậy nhé.

- Ừ, em cứ ngủ đi.

Liên khẽ quạt cho An, vuốt lại mái tóc tơ. Đầu em bé nặng dần trên người Liên; chị ngồi yên không động đậy. Qua khe lá của cành bàng ngàn sao vẫn lấp lánh; một con đom đóm bám vào dưới mặt lá, vùng sáng nhỏ xanh nhấp nháy rồi hoa bàng rụng xuống vai Liên khe khẽ, thỉnh thoảng từng loạt một. Tâm hồn Liên yên tĩnh hẳn, có những cảm giác mơ hồ không hiểu.

Trống cầm canh[10] ở huyện đánh tung lên một tiếng ngắn, khô khan, không vang động ra xa, rồi chìm ngay vào bóng tối. Người vắng mãi, trên hàng ghế chị Tí mới có hai ba bác phu ngồi uống nước và hút thuốc lào. Nhưng một lát từ phố huyện đi ra, hai ba người cầm đèn lồng lung lay các bóng dài: mấy người làm công ở hiệu khách đi đón bà chủ ở tỉnh về. Bác Siêu nghển cổ nhìn ra phía ga, lên tiếng:

- Đèn ghi đã ra kia rồi.

Liên cũng trông thấy ngọn lửa xanh biếc, sát mặt đất, như ma trơi. Rồi tiếng còi xe lửa ở đâu vang lại, trong đêm khuya kéo dài ra theo gió xa xôi. Liên đánh thức em:

- Dậy đi, An. Tàu đến rồi.

An nhỏm dậy, lấy tay dụi mắt cho tỉnh hẳn. Hai chị em nghe thấy tiếng dồn dập, tiếng xe rít mạnh vào ghi. Một làn khói bừng sáng trắng lên đằng xa, tiếp đến tiếng hành khách ồn ào khe khẽ. Mấy năm nay buôn bán kém nên người lên xuống ít, có khi hai chị em đợi chờ chẳng thấy ai. Trước kia, ở sân ga, có mấy hàng cơm mở đón khách, đèn sáng cho đến nửa đêm. Nhưng bây giờ họ đóng cửa cả rồi, cũng im lặng tối đen như ngoài phố.

Hai chị em chờ không lâu. Tiếng còi đã rít lên, và tàu rầm rộ đi tới. Liên dắt em đứng dậy để nhìn đoàn xe vụt qua, các toa đèn sáng trưng, chiếu ánh cả xuống đường. Liên chỉ thoáng trông thấy những toa hạng trên sang trọng lố nhố những người, đồng và kền lấp lánh, và các cửa kính sáng. Rồi chiếc tàu đi vào đêm tối, để lại những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt. Hai chị em còn nhìn theo cái chấm đỏ của chiếc đèn xanh trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre.

- Tàu hôm nay không đông nhỉ, chị nhỉ.

Liên cầm tay em không đáp. Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình khư kém sáng hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về! Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn đối với Liên, khác hẳn cái vầng sáng ngọn đèn của chị Tí và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng.

- Thôi đi ngủ đi chị.

Liên vỗ vai em ngồi xuống chỏng. An cũng ngồi xuống và ngả đầu vào vai Liên. Tiếng vang động của xe hỏa đã nhỏ dần, và mất dần trong bóng tối, lắng tai cũng không nghe thấy nữa. Sao trên trời vẫn lấp lánh. Cả phố huyện bây giờ mới thật là hết náo động, chỉ còn đêm khuya, tiếng trống cầm canh và tiếng chó cắn. Từ phía ga, bóng đêm lồng với bóng người đi về; chị Tí đương sửa soạn đồ đạc và bác Siêu đã gánh hàng đi vào trong làng, còn vợ chồng bác xẩm ngủ gục trên manh chiếu tự bao giờ.

Liên quay lại nhìn em thấy An cũng đã ngủ say, tay nắm chặt tà áo chị và đầu vẫn dựa vào vai. Liên nhìn quanh đêm tối, gió đã thoáng lạnh và đom đóm không còn nữa. Chị cúi xuống vực em vào trong hàng, mắt cũng đã ríu lại. Chị gài cửa cẩn thận và vặn nhỏ đèn đặt trên cái quả thuốc sơn đen. Rồi Liên đến bên em nằm xuống. Chị gối đầu lên tay nhắm mắt lại. Những cảm giác ban ngày lắng đi trong tâm hồn Liên và hình ảnh của thế giới quanh mình mờ đi trong mắt chị. Liên thấy mình sống giữa bao nhiêu sự xa xôi không biết như chiếc đèn con của chị Tí chỉ chiếu sáng một vùng đất nhỏ. Nhưng Liên không nghĩ được lâu; mắt chị nặng dần, rồi sau Liên ngập vào giấc ngủ yên tĩnh, cũng yên tĩnh như đêm ở trong phố, tịch mịch và đầy bóng tối.

**Trả lời các câu hỏi để tìm ý.**

\* Truyện có những nhân vật nào? Nhân vật chính?

\* ý nghĩa nhan đề?

\* Mô tả và đánh giá cách nhà văn kiến tạo truyện ( tình huống của nhân vật trong câu chuyện, cách tổ chức mạch truyện)?

\* Điểm nhìn của người kể chuyện trong truyện ngắn?

*\** Nghệ thuật khắc họa nhân vật trong truyện có gì đặc biệt? Hiệu quả của nó? Giá trị nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm truyện?

\* Giá trị nội dung, nghệ thuật, tư tưởng của tác phẩm và tầm ảnh hưởng (tác động) của tác phẩm trong nghệ thuật sáng tạo và đời sống văn học.

\* Những tác phẩm nào có thể liên hệ?

**Dàn ý phân tích truyện Hai đứa trẻ.**

**MB:**

**Giới thiệu ngắn gọn về tác giả và tác phẩm.**

Thạch Lam (1910-1942) tên khai sinh là Nguyền Tường Vinh, sinh tại Hà Nội, trong một gia đình công chức gốc quan lại. Gia đình Thạch Lam có truyền thống về văn học, cả ba anh em ông đều là những tác giả xuất sắc trong Tự lực văn đoàn. Ông bắt đầu sự nghiệp làm báo, viết văn sau khi đỗ tú tài phần thứ nhất.

Thạch Lam là người đôn hậu và rất tinh tế. Ông có quan niệm văn chương lành mạnh, tiến bộ và có biệt tài về truyện ngắn, ông thường viết những truyện không có chuyện, chủ yếu khai thác thế giới nội tâm của nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ trong cuộc sống thường ngày. Giọng văn của Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc.

Thạch Lam để lại những tác phẩm xuất sắc như tập truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa (1937), Nắng trong vườn (1938), Sợi tóc (1942); tùy bút Hà Nội băm sáu phố phường (1943).

**Nêu ý kiến khái quát về tác giả và tác phẩm.**

**Hai đứa trẻ** là một truyện ngắn trữ tình đượm buồn, TL không chỉ tái hiện số phận của những con người sống âm thầm, lay lắt tàn lụi trong bóng tối của cuộc đời cũ nơi phố huyện nghèo mà còn gửi gắm giá trị nhân văn sâu sắc, để lại nhiều ấn tượng trong lòng người đọc.

**TB:**

* **Nội dung chính của truyện *Hai đứa trẻ*:**

Tác phẩm xoay quanh không gian của phiên chợ tàn và cuộc sống lầm lũi của những người dân nghèo quanh phố huyện. Mẹ con chị Tí bán hàng nước , gánh phở của Bác Siêu, sập hát của bác Xẩm. Hầu như đều không có lãi, không đủ sinh hoạt hàng ngày nhưng họ vẫn duy trì với mục đích ngắm nhìn chuyến tàu qua khi trời về đêm. Chuyến tàu ấy đi qua mang theo những âm thanh và ánh sáng gợi lên trong nhân vật Liên những ngày ở Hà Nội, đồng thời mang đến những khát vọng về một cuộc sống tốt đẹp hơn cho những con người lay lắt nơi phố huyện.

Cuộc sống cứ chầm chậm diễn ra xung quanh chị em Liên vào cuối mỗi buổi chiều mùa hè. Cảm xúc đầu tiên đến với người đọc là tình người giữa những người dân n ghèo của phố huyện vào những thời khắc bình dị của cuộc sống. từ những chi tiết trong truyện, người đọc ai cũng có thể nhận ra cảnh nghèo khổ và nhếch nhác của phố huyện, của từng gia đình trong đó. Hai đứa trẻ của Thạch Lam không chỉ hấp dẫn người đọc bằng những tính cách sắc nét hay những tình huống ly kì ướt át mà ngược lại là bằng chính vẻ đẹp của cuộc sống bình thường. Truyện không đi sâu vào vấn đề áp bức, bóc lột, không kể lể hay miêu tả tỉ mỉ những cảnh ngộ thương tâm mà chỉ lặng lẽ đưa ra bức tranh xoàng xĩnh quen thuộc của một phố huyện nghèo qua con mắt của một đứa trẻ. Có thể nói, Hai đứa trẻ là một bức tranh nghèo khổ rất chân thực, chan chứa niềm thương cảm chân thành của tác giả đối với những người lao động nghèo khổ sống quẩn quanh, bế tắc và bị chôn vùi trong kiếp tối tăm.  
**Chủ đề của truyện ngắn Hai đứa trẻ.**

Mỗi tác phẩm ra đời đều có một chủ đề khác nhau. Chủ đề là vấn đề cơ bản, trung tâm được nêu lên trong tác phẩm. Nó thể hiện được chiều sâu tư tưởng, khả năng nắm bắt những vấn đề cuộc sống của người viết; qua đó biểu hiện nhận thức, sự đánh giá và tư tưởng của tác giả đối với đời sống hiện thực.

Truyện ngắn “Hai đứa trẻ” Truyện xoay quanh cuộc sống đơn điệu, tẻ nhạt của người dân nơi phố huyện nghèo và tâm trạng thao thức đợi tàu của họ qua điểm nhìn của nhân vật Liên. Xung quanh hai đứa trẻ là cuộc sống tàn lụi của chị Tí, bác Siêu, bác Xẩm. Cuộc sống của họ chỉ là sự cầm chừng, quẩn quanh, bế tắc nhưng họ vẫn khao khát được ngắm chuyến tàu chạy qua phố huyện. Chuyến tàu ấy đi qua mang theo những âm thanh và ánh sáng gợi lên trong nhân vật Liên những ngày ở Hà Nội và những khát vọng về một cuộc sống tốt đẹp hơn. Khi chuyến tàu đã qua, hai chị em Liên đi vào giấc ngủ yên tĩnh và đầy bóng tối. Qua đó, nhà văn đã khẳng định và ngợi ca niềm khát khao vươn tới cuộc sống tốt đẹp hơn của họ. Bên cạnh đó, tác phẩm còn là tiếng nói xót thương đối với những kiếp người nghèo đói cơ cực, sống quẩn quanh bế tắc, không ánh sáng, không tương lai, cuộc sống như cát bụi ở phố huyện nghèo trước cách mạng tháng Tám. Truyện ngắn Hai đứa trẻ không những là tác phẩm tiêu biểu cho cây bút tài năng mà còn tiêu biểu cho tấm lòng nhân đạo, yêu thương và nâng đỡ con người của Thạch Lam. Với chủ đề nhân văn cao đẹp, tác phẩm vẫn sống mãi trong lòng độc giả.

* **Chỉ ra và phân tích nét đặc sắc của một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm**
* Cốt truyện: Hai đứa trẻ là kiểu truyện dường như không có cốt truyện, cốt truyện không dựa trên mạch sự kiện, tình tiết mà dựa trên mạch diễn biến tâm trạng của nhân vật.
* Về nhân vật, tác giả không chú ý miêu tả ngoại hình của nhân vật mà quan âm tới đời sống nội tâm, đời sống tình cảm.

Trong toàn bộ tác phẩm, nhân vật mà Thạch Lam chú ý nhiều nhất là nhân vật Liên. Mặc dù Liên chỉ là một cô bé mới lớn nhưng ở em có những suy nghĩ, cảm xúc chân thực, đẹp đẽ đáng trân trọng. Ở đây, trước cảnh tăm tối, tù túng nơi phố huyện, tâm trạng của Liên cũng trở nên buồn bã, tư lự. Liên nhớ lại những tháng ngày tươi đẹp ở Hà Nội, “một vùng sáng rực và lấp lánh”. Khi ấy “mẹ Liên nhiều tiền – được đi chơi bờ hồ uống những cốc nước lạnh xanh đỏ”. Đó là cuộc sống khác hẳn với cảnh sống tăm tối, tù túng nơi phố huyện. Tuy nhiên, với cuộc sống hiện tại, cảm nhận của Liên tuy buồn nhưng thân thuộc, gần gũi. Liên không ghét bỏ hay từ chối cuộc sống hiện tại. Liên và An lặng lẽ ngắm các vì sao, lặng lẽ quan sát những gì diễn ra ở phố huyện và xót xa cảm thông, chia sẻ với những kiếp người nhỏ nhoi sống lay lắt trong bóng tối của cơ cực đói nghèo, tù đọng trong bóng tối của họ. Liên là thiếu nữ mới lớn, dịu hiền, nhân hậu và đa cảm. Điều này có ý nghĩa đặc biệt vì nó làm cho cảnh vật thêm thấm đượm cảm xúc. Nó làm cho cảnh vật vốn đơn sơ tẻ nhạt nhưng vẫn mang cái thi vị riêng của nó. Tương cứng với khung cảnh là tâm trạng và cảm xúc của nhân vật Liên như những nấc thang tâm lí: Liên man mác buồn thương trước cảnh chiều tàn, Liên buồn và khắc khoải thấm thía hơn khi bóng đêm buông xuống. Liên buồn, nuối tiếc và ngẩn ngơ mơ tưởng khát khao khi đoàn tàu đi qua. Cách miêu tả đoàn tàu từ xa đến gần, quan sát bằng nhiều giác quan: thính giác, thị giác …

* Về miêu tả cảnh: ảnh vật được miêu tả tinh tế với những hình ảnh, màu sắc, âm thanh, mùi vị hòa quện vào nhau gợi cái hồn riêng của quê hương Việt Nam xưa. Đặc biệt hình ảnh bóng tối được gợi đi gợi lại như một mô tuýp đầy ám ảnh. Cảnh lại được thể hiện qua cái nhìn đầy tâm trạng của nhân vật Liên.

VD: Nổi bật trên nền cảnh tàn tạ, hắt hiu của phố huyện là hình ảnh những kiếp người tàn, quẩn quanh, tù túng không lối thoát. Đó là vợ chồng bác xẩm với tiếng đàn bầu thê lương, trên manh chiếu rách, thằng con bò ra đất ngoài manh chiếu, nghịch nhặt rác bẩn. Đó là mẹ con chị Tí, ngày mò cua bắt ốc, tối đến lại dọn hàng nước ven đường “chả kiếm được bao nhiêu, nhưng chiều nào chị cũng dọn hàng, từ chập tối cho đến đêm”. Đó là bác phở Siêu với gánh hàng vốn là thứ quà xa xỉ đối với người dân phố huyện, là bà cụ Thi điên nghiện rượu, là những đứa trẻ con nhà nghèo và chính cả hai chị em Liên… Thân phận tàn tạ đang héo mòn, con người hoà lẫn cùng bóng tối như những cái bóng vật vờ lay lắt, mong manh đang trôi theo thời gian. Cuộc sống ấy cứ đều đều, đơn điệu, lặp đi lặp lại buồn tẻ, nhàm chán đối với người dân phố huyện. Tất cả họ đang mong đợi một cái gì đó tươi mát thổi vào cuộc đời họ. Nét vẽ âm thanh, ánh sáng, con người của bức tranh phố huyện tưởng chừng rời rạc, nhưng nó hoà quyện cộng hưởng trong hệ thống u buồn, trầm mặc, xót xa. Điểm thêm vào cuộc sống ấy là ngọn đèn dầu cùng bóng tối bao phủ, càng ngợi sự nghèo khổ lay lắt đến tội nghiệp. Cảnh ngày tàn được miêu tả ảm đạm, tù túng với những kiếp người tàn. Và, sự tẻ nhạt, tăm tối như được nâng lên gấp nhiều lần khi Thạch Lam miêu tả cảnh phố huyện lúc đêm khuya. Trong tác phẩm có đến hơn hai mươi lần từ “tối” được lặp lại. “Đường phố và các con ngõ dần dần chứa đầy bóng tối”, “tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại sẫm đen hơn nữa”, “đêm ở trong phố, tịch mịch và đầy bóng tối”. Bóng tối bao trùm tất cả, tràn ngập trong tác phẩm, tạo nên một bức tranh u tối, một không gian tù đọng, gợi cảm giác ngột ngạt. Bóng tối được miêu tả nhiều trạng thái khác nhau, có mặt suốt từ đầu đến cuối tác phẩm. Gợi cho người đọc thấy một kiếp sống bế tắc, quẩn quanh của người dân phố huyện nói riêng và nhân dân trước cách mạng tháng Tám nói chung. Đó cũng là biểu tượng của những tâm trạng vô vọng, nỗi u hoài trong tâm thức của một kiếp người. Không chỉ là không gian, cảnh vật, cuộc sống của những cư dân nơi phố huyện cũng phủ đầy đêm tối. Họ hoạt động, mưu sinh trong bóng tối mịt mù. Tối đến, mẹ con chị Tí dọn hàng nước. Đêm về, bác phở Siêu xuất hiện. Trong bóng tối, gia đình bác hát Xẩm kiếm ăn. Khi bóng tối tràn ngập là lúc bà cụ Thi điên đến mua rượu uống rồi sau đó “đi lần vào đêm tối”. Còn Liên và An đêm nào cũng ngồi lặng ngắm phố huyện và chờ đoàn tàu. Cuộc sống lặp đi lặp lại đơn điệu, buồn tẻ với những động tác quen thuộc, những suy nghĩ mong đợi như mọi ngày. Họ cùng mong đợi “một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hằng ngày”. Trong bóng tối đen đặc ấy, hình ảnh ngọn đèn dầu được nhắc hơn mười lần như một chút hi vọng mong manh Thạch Lam muốn gieo vào lòng con người. Đó là “ngọn đèn lay động trên chõng hàng của chị Tí”, “ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vặn nhỏ, thưa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa”. Tất cả không đủ chiếu sáng, không đủ sức phá tan màn đêm, mà ngược lại nó càng làm cho đêm tối trở nên mênh mông hơn, càng ngợi sự tàn tạ, hắt hiu, buồn đến nao lòng. Ngọn đèn dầu, mặt khác cũng là biểu tượng về kiếp sống nhỏ nhoi, vô danh vô nghĩa, lay lắt. Một kiếp sống leo lét mỏi mòn trong đêm tối mênh mông của xã hội cũ, không hạnh phúc, không tương lai, cuộc sống như cát bụi. Cuộc sống ấy cứ ngày càng một đè nặng lên đôi vai mỗi con người nơi phố huyện. Cả một bức tranh đen tối. Những hột sáng của ngọn đèn dầu hắt ra chỉ như những lỗ thủng trên một bức tranh toàn màu đen càng bi đát, tối tăm.

Hình ảnh đoàn tàu tương phản với các cảnh vật nơi phố huyện càng thấm thía niềm mong ước khiêm nhường mà trong sáng, tốt đẹp.Một nét tâm lí rất thật, rất điển hình của những người dân quanh quẩn sống nơi thôn quê nghèo xưa mà cuộc sống bị chìm khuất, mòn mỏi trong tăm tối.

* Về ngôn ngữ: Ngôn ngữ truyện giàu cảm xúc, giọng văn điềm tĩnh nhẹ nhàng, ẩn chứa một tâm sự kín đáo có sức gợi sâu và cảm xúc nơi người đọc. Nó như một thứ thơ bằng văn xuôi.

**KB: Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm:**

Truyện ngắn “Hai đứa trẻ” là tiếng nói xót thương đối với những kiếp người nghèo đói cơ cực, sống quẩn quanh bế tắc, không ánh sáng, không tương lai, cuộc sống như cát bụi ở phố huyện nghèo trước cách mạng tháng Tám. Qua những cuộc đời đó Thạch Lam làm sống dậy những số phận của một thời, họ không hẳn là những kiếp người bị áp bức bóc lột, nhưng từ cuộc đời họ Thạch Lam gợi cho người đọc sự thương cảm, sự trân trọng ước mong vươn tới cuộc sống tốt đẹp hơn của họ. Vì vậy tác phẩm vừa có giá trị hiện thực vừa có giá trị nhân đạo sâu sắc.

**Bài viết tham khảo**

Nhắc đến Thạch Lam là nhắc đến một nhà văn lớn của khuynh hướng văn học lãng mạn Việt Nam giai đoạn 1930-1945. Tác phẩm của ông chủ yếu khai thác thế giới nội tâm của nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ. Nhà văn Nguyễn Tuân khi nhận xét về Thạch Lam từng viết: “Xúc cảm của nhà văn Thạch Lam thường bắt nguồn từ những chân cảm đối với con người ở tầng lớp dân nghèo. Thạch Lam là nhà văn luôn quý mến cuộc sống, trân trọng sự sống của mọi người xung quanh”. Truyện ngắn “Hai đứa trẻ” chính là minh chứng tiêu biểu nhất cho phong cách nghệ thuật của Thạch Lam.

“Hai đứa trẻ” được rút trong tập truyện ngắn “Nắng trong vườn” (1938). Nhân vật chính của tác phẩm là hai chị em Liên và An. Do gia đình xảy ra biến cố, hai đứa trẻ theo mẹ về quê ngoại ở một phố huyện nghèo. Ngày ngày hai chị em Liên và An trông coi căn hàng xén nho nhỏ với vài ba bao thuốc, dăm bánh xà phòng… và chờ đợi đoàn tàu đi ngang phố huyện. Qua con mắt ngây thơ của Liên, cuộc sống nơi phố huyện hiện lên chân thực, sống động. Đó là mảng màu u tối trong không gian chật hẹp, tù túng với những con người chậm chạp, vô hồn và nghèo đói. Truyện ngắn thể hiện niềm cảm thương chân thành của Thạch Lam đối với những kiếp sống nghèo khổ, chìm khuất trong mòn mỏi, tăm tối, quẩn quanh nơi phố huyện trước cách mạng và sự trân trọng với những mong ước nhỏ bé, bình dị mà tha thiết của họ. Như đã nói, làm nên truyện ngắn “Hai đứa trẻ” là cảnh ngày tàn và những kiếp người tàn. Mở đầu câu chuyện, đập vào giác quan người đọc là khung cảnh chiều tàn, ảm đạm và u tối. Thời gian được khắc họa trong tác phẩm ngắn ngủi, mọi sự việc diễn ra được kể từ lúc chiều tối cho đến đêm. Cảnh chiều tàn, trước hết qua con mắt của người nghệ sĩ, vẫn mang vẻ đẹp vô cùng yên ả, bình dị và thơ mộng. “Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời. Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào”. Thế nhưng, bức tranh ấy tuy đẹp nhưng ẩn chứa sau nó là cả một nỗi buồn mà người vẽ đã cố ý che đi bằng những mảng màu rực rỡ. Có người đã nhận xét, văn Thạch Lam vừa chất chứa hiện thực vừa giàu tính lãng mạn. Điều đó hoàn toàn đứng khi đặt vào truyện ngắn “Hai đứa trẻ”. Bởi khuất lấp sau nhiều tầng lớp ngôn từ, điều Thạch Lam gửi gắm đó là cuộc sống mòn mỏi, tăm tối vây hãm con người.

Nơi chị em Liên ở là một phố huyện nghèo và thực chất nó là cái chợ xép nhỏ. “Chợ họp giữa phố vãn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này.” Chỉ cần nhìn vào những gì còn sót lại sau phiên chợ cũng đủ để thấy cuộc sống cư dân ở đây khổ cực như thế nào. Những người bán hàng về muộn đứng nói chuyện với nhau ít câu như để trao lại cho nhau những nỗi tẻ nhạt cuộc sống mưu sinh. Những đứa trẻ nhà nghèo đang lúi húi sinh nhai trên đống phế phẩm của phiên chợ quê nghèo. Chúng “cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm tòi. Chúng nhặt nhạnh thanh nứa thanh tre hay bất cứ thứ gì có thể dùng được của những người bán hàng để lại”. Đây là hiện thân đầy đủ nhất của sự khốn cùng. Tất cả như đang cố sức để sống và hi vọng nhưng sự cố gắng thì đã quá sức còn hi vọng vốn quá mong manh.

Nổi bật trên nền cảnh tàn tạ, hắt hiu của phố huyện là hình ảnh những kiếp người tàn, quẩn quanh, tù túng không lối thoát. Đó là vợ chồng bác xẩm với tiếng đàn bầu thê lương, trên manh chiếu rách, thằng con bò ra đất ngoài manh chiếu, nghịch nhặt rác bẩn. Đó là mẹ con chị Tí, ngày mò cua bắt ốc, tối đến lại dọn hàng nước ven đường “chả kiếm được bao nhiêu, nhưng chiều nào chị cũng dọn hàng, từ chập tối cho đến đêm”. Đó là bác phở Siêu với gánh hàng vốn là thứ quà xa xỉ đối với người dân phố huyện, là bà cụ Thi điên nghiện rượu, là những đứa trẻ con nhà nghèo và chính cả hai chị em Liên… Thân phận tàn tạ đang héo mòn, con người hoà lẫn cùng bóng tối như những cái bóng vật vờ lay lắt, mong manh đang trôi theo thời gian. Cuộc sống ấy cứ đều đều, đơn điệu, lặp đi lặp lại buồn tẻ, nhàm chán đối với người dân phố huyện. Tất cả họ đang mong đợi một cái gì đó tươi mát thổi vào cuộc đời họ. Nét vẽ âm thanh, ánh sáng, con người của bức tranh phố huyện tưởng chừng rời rạc, nhưng nó hoà quyện cộng hưởng trong hệ thống u buồn, trầm mặc, xót xa. Điểm thêm vào cuộc sống ấy là ngọn đèn dầu cùng bóng tối bao phủ, càng ngợi sự nghèo khổ lay lắt đến tội nghiệp.

Cảnh ngày tàn được miêu tả ảm đạm, tù túng với những kiếp người tàn. Và, sự tẻ nhạt, tăm tối như được nâng lên gấp nhiều lần khi Thạch Lam miêu tả cảnh phố huyện lúc đêm khuya. Trong tác phẩm có đến hơn hai mươi lần từ “tối” được lặp lại. “Đường phố và các con ngõ dần dần chứa đầy bóng tối”, “tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại sẫm đen hơn nữa”, “đêm ở trong phố, tịch mịch và đầy bóng tối”. Bóng tối bao trùm tất cả, tràn ngập trong tác phẩm, tạo nên một bức tranh u tối, một không gian tù đọng, gợi cảm giác ngột ngạt. Bóng tối được miêu tả nhiều trạng thái khác nhau, có mặt suốt từ đầu đến cuối tác phẩm. Gợi cho người đọc thấy một kiếp sống bế tắc, quẩn quanh của người dân phố huyện nói riêng và nhân dân trước cách mạng tháng Tám nói chung. Đó cũng là biểu tượng của những tâm trạng vô vọng, nỗi u hoài trong tâm thức của một kiếp người.  
 Không chỉ là không gian, cảnh vật, cuộc sống của những cư dân nơi phố huyện cũng phủ đầy đêm tối. Họ hoạt động, mưu sinh trong bóng tối mịt mù. Tối đến, mẹ con chị Tí dọn hàng nước. Đêm về, bác phở Siêu xuất hiện. Trong bóng tối, gia đình bác hát Xẩm kiếm ăn. Khi bóng tối tràn ngập là lúc bà cụ Thi điên đến mua rượu uống rồi sau đó “đi lần vào đêm tối”. Còn Liên và An đêm nào cũng ngồi lặng ngắm phố huyện và chờ đoàn tàu. Cuộc sống lặp đi lặp lại đơn điệu, buồn tẻ với những động tác quen thuộc, những suy nghĩ mong đợi như mọi ngày. Họ cùng mong đợi “một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hằng ngày”. Trong bóng tối đen đặc ấy, hình ảnh ngọn đèn dầu được nhắc hơn mười lần như một chút hi vọng mong manh Thạch Lam muốn gieo vào lòng con người. Đó là “ngọn đèn lay động trên chõng hàng của chị Tí”, “ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vặn nhỏ, thưa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa”. Tất cả không đủ chiếu sáng, không đủ sức phá tan màn đêm, mà ngược lại nó càng làm cho đêm tối trở nên mênh mông hơn, càng ngợi sự tàn tạ, hắt hiu, buồn đến nao lòng. Ngọn đèn dầu, mặt khác cũng là biểu tượng về kiếp sống nhỏ nhoi, vô danh vô nghĩa, lay lắt. Một kiếp sống leo lét mỏi mòn trong đêm tối mênh mông của xã hội cũ, không hạnh phúc, không tương lai, cuộc sống như cát bụi. Cuộc sống ấy cứ ngày càng một đè nặng lên đôi vai mỗi con người nơi phố huyện. Cả một bức tranh đen tối. Những hột sáng của ngọn đèn dầu hắt ra chỉ như những lỗ thủng trên một bức tranh toàn màu đen càng bi đát, tối tăm.

Trong toàn bộ tác phẩm, nhân vật mà Thạch Lam chú ý nhiều nhất là nhân vật Liên. Mặc dù Liên chỉ là một cô bé mới lớn nhưng ở em có những suy nghĩ, cảm xúc chân thực, đẹp đẽ đáng trân trọng. Ở đây, trước cảnh tăm tối, tù túng nơi phố huyện, tâm trạng của Liên cũng trở nên buồn bã, tư lự. Liên nhớ lại những tháng ngày tươi đẹp ở Hà Nội, “một vùng sáng rực và lấp lánh”. Khi ấy “mẹ Liên nhiều tiền – được đi chơi bờ hồ uống những cốc nước lạnh xanh đỏ”. Đó là cuộc sống khác hẳn với cảnh sống tăm tối, tù túng nơi phố huyện. Tuy nhiên, với cuộc sống hiện tại, cảm nhận của Liên tuy buồn nhưng thân thuộc, gần gũi. Liên không ghét bỏ hay từ chối cuộc sống hiện tại. Liên và An lặng lẽ ngắm các vì sao, lặng lẽ quan sát những gì diễn ra ở phố huyện và xót xa cảm thông, chia sẻ với những kiếp người nhỏ nhoi sống lay lắt trong bóng tối của cơ cực đói nghèo, tù đọng trong bóng tối của họ.

Một chút ánh sáng của những ngọn đèn có thể không đủ để xua đi cái tăm tối, ảm đạm, quẩn quanh của cuộc sống. Tuy nhiên, Thạch Lam không dập tắt hi vọng của những con người khốn khổ ấy. Ông mang đến cho họ niềm vui, hi vọng lớn lao hơn dù nó chỉ diễn ra trong chốc lát, đó là chuyến tàu đêm rực rỡ ánh đèn. Chuyến tàu đêm qua phố huyện là niềm vui duy nhất trong ngày của chị em Liên và những cư dân phố huyện. Nó mang đến một thế giới khác: ánh sáng xa lạ, âm thanh nao nức, tiếng ồn ào của khách… và đối lập với nhịp điệu buồn tẻ nơi phố huyện. Chuyến tàu ở Hà Nội về chở đầy ký ức tuổi thơ của hai chị em Liên, mang theo một thứ ánh sáng duy nhất, như con thoi xuyên thủng màn đêm, dù chỉ trong chốc lát cũng đủ xua tan cái ánh sáng mờ ảo nơi phố huyện. Việc chờ tàu trở thành một nhu cầu như cơm ăn nước uống hàng ngày của chị em Liên. Liên chờ tàu không phải vì mục đích tầm thường là đợi khách mua hàng mà vì nhiều mục đích khác. Liên hi vọng được nhìn thấy những gì khác với cuộc đời mà hai chị em Liên đang sống. Con tàu mang đến một kỷ niệm, đánh thức hồi ức vui vẻ, đủ đầy mà chị em cô đã từng được sống. Chuyến tàu cũng giúp Liên nhìn thấy rõ hơn sự ngưng đọng tù túng của cuộc sống phủ đầy bóng tối hèn mọn, nghèo nàn của cuộc đời mình. Có thể nói, Liên là người giàu lòng thương yêu, hiếu thảo và đảm đang. Nỗi buồn cùng bóng tối đã tràn ngập trong đôi mắt Liên, nhưng trong tâm hồn cô bé vẫn dành chỗ cho một mong ước, một sự đợi chờ trong đêm. Cô là người duy nhất trong phố huyện biết ước mơ có ý thức về cuộc sống. Cô mỏi mòn trong chờ đợi.  
  
 Trong tác phẩm, hình ảnh chuyến tàu đêm là một biểu tượng có ý nghĩa sâu sắc. Nó là đại diện của một thế giới thật đáng sống với sự giàu sang và sự rực rỡ ánh sáng. Nó đối lập với cuộc sống mòn mỏi, nghèo nàn, tối tăm và quẩn quanh với người dân phố huyện. Qua tâm trạng của Liên tác giả muốn lay tỉnh những người đang buồn chán, sống quẩn quanh, lam lũ và hướng họ đến một tương lai tốt đẹp hơn. Đó là giá trị nhân bản của truyện ngắn này. Bên cạnh đó, chuyến tàu cũng là biểu tượng cho một cuộc sống sôi động, nhộn nhịp, vui vẻ, hiện đại. Dù chỉ trong giây lát nó cũng đưa cả phố huyện thoát ra khỏi cuộc sống tù đọng, u ẩn, bế tắc.

Để làm nên thành công của tác phẩm, bên cạnh giá trị nội dung sâu sắc, không thể không kể đến tài hoa nghệ thuật của Thạch Lam. Cốt truyện đơn giản, nổi bật là những dòng tâm trạng chảy trôi, những cảm xúc, cảm giác mong manh, mơ hồ trong tâm hồn nhân vật. Đọc “Hai đứa trẻ”, người đọc hoàn toàn có thể nhận ra câu chuyện gần như không có cốt truyện, tất cả chỉ đơn giản là những mảnh cảm xúc, những chi tiết, sự việc nhỏ nhặt chắp nối với nhau qua suy nghĩ, cảm nhận của nhân vật Liên. Bút pháp tương phản đối lập cũng được xem là một thành công của Thạch Lam trong quá trình kể chuyện. Đó là sự đối lập giữa bóng tối đậm đặc với ánh đèn dầu leo lét, là sự đối lâp giữa cuộc sống quẩn quanh, ảm đạm của người dân phố huyện với cuộc sống ồn ã, sôi động trên chuyến tàu đêm. Với sự đối lập này, Thạch Lam hướng đến nhấn mạnh, tô đậm cuộc sống tăm tối, tù túng, vô vọng của những cư dân nơi phố huyện. Bên cạnh đó, chúng ta cũng có thể dễ dàng nhận ra khả năng miêu tả sinh động những biến đổi tinh tế của cảnh vật từ bóng tối đến ánh sáng và tâm trạng của con người mà đặc biệt là nhân vật Liên. Đó có thể là buồn bã, cảm thông hay nuối tiếc… tất cả đều tinh tế và phù hợp với diễn biến câu chuyện. Ngoài ra, cũng có thể kể đến hệ thống ngôn ngữ giàu hình ảnh, tượng trưng và giọng điệu thủ thỉ, thấm đượm chất thỏ chất trữ tình sâu sắc. Tất cả đã góp phần làm nên chất văn của Thạch Lam, đặc sắc và đầy thu hút.

Tóm lại, truyện ngắn “Hai đứa trẻ” là tiếng nói xót thương đối với những kiếp người nghèo đói cơ cực, sống quẩn quanh bế tắc, không ánh sáng, không tương lai, cuộc sống như cát bụi ở phố huyện nghèo trước cách mạng tháng Tám. Qua những cuộc đời đó Thạch Lam làm sống dậy những số phận của một thời, họ không hẳn là những kiếp người bị áp bức bóc lột, nhưng từ cuộc đời họ Thạch Lam gợi cho người đọc sự thương cảm, sự trân trọng ước mong vươn tới cuộc sống tốt đẹp hơn của họ. Vì vậy tác phẩm vừa có giá trị hiện thực vừa có giá trị nhân đạo sâu sắc.

Phân tích truyện Dưới bóng hoàng lan – Thạch Lam

Thanh lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người; trên con đường lát gạch bát tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhẩy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí. Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán - bên ngoài trời nắng gắt - rồi thong thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bậc cửa.

[](https://bigone.vn/duoi-bong-hoang-lan-truyen-ngan-thach-lam-a695.html)

Thanh bước lên thềm, đặt vali trên chiếc trường kỷ, rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà: bóng tối dịu và man mát loáng qua những màu sắc rực rỡ chàng đem ở ngoài trời vào; Thanh chưa nhìn rõ thấy gì cả; một lát, quen bóng tối, chàng mới nhận thấy cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày chàng đi xưa. Sự yên lặng trầm tịch đến nỗi Thanh trở nên nghẹn họng; mãi mãi chàng mới cất được tiếng lên gọi khẽ:

- Bà ơi!

Một cái bóng lẹ làng từ trong vụt ra, rơi xuống mặt bàn; Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. Con vật nép chân vào mình khẽ phe phẩy cái đuôi, rồi hai mắt ngọc thạch xanh dương lên nhìn người. Thanh mỉm cười lại gần vuốt ve con mãn:

- Bà mày đâu?

Thanh bước xuống giàn thiên lý. Có tiếng người đi, rồi bà chàng, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc, ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mững rỡ, chạy lại gần.

- Cháu đã về đấy ư?

Bà cụ thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng đưa lên nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

- Ði vào trong nhà không nắng cháu.

Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.

- Nhà không có ai ư bà?

- Vẫn có thằng Nhân, hôm nay nó đi đong thóc bên kia xóm. D- chốc nó về. Con đã ăn cơm chưa?

- Dạ chưa. Con ở tàu về đây ngay. Nhưng con không thấy đói.

Bà nhìn cháu, giục:

- Con rửa mặt đi, rồi đi nghỉ không mệt. Trời nắng thế này mà con không đi xe ư?

Thanh cười:

- Có một tý đường đất, cần gì phải xe. Con đi bộ hàng ngày cũng được.

Nhưng Thanh cũng vẫn theo lời bà. Chàng đến bên bể múc nước vào thau rửa mặt. Nước mát rợi và Thanh cúi nhìn bóng chàng lay động trong lòng bể với những mảnh trời xanh tan tác.

Tất cả những ngày thuở nhỏ trở lại với chàng. Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay, vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ.

Trên trường kỷ, ngọn đèn con và cái điếu cũ kỹ. Con mèo già tròn mình nằm bên cạnh, mắt lim dim trong sự bình yên và nhàn nhã. Thanh trông thấy cảnh ấy đã nhiều lần. Lần nào trở về với bà chàng, Thanh cũng thấy bình yên và thong thả như thế. Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đấy bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu chàng.

- ấy, bà làm gì thế? Bà để mặc cháu.

Bà cụ vẫn không thôi phẩy chiếc phất trần lên đầu giường:

- Ðã lâu không có ai nằm nên bụi bám đầy khắp cả.

Thanh phải để mặc cho bà sửa chiếu và xếp lại gối. Chàng thấy mình bé quá.

- Cháu đi nghỉ chẳng mệt. Ðể bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát.

Bà cụ đi ra. Thanh bỗng thấy mệt mỏi. Chàng lặng nằm xuống giường, ruỗi chân tay, khoan khoái. Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm: "cây hoàng lan!", mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng thường hay chơi dưới gốc nhặt hoa. Ðã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quấn quít nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Nghe tiếng bà đi vào. Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần săn sóc buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên, nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động đậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẳn. Tiếng dép nhỏ dần.

Chàng cảm động gần ứa nước mắt. Bà yêu thương cháu quá, giờ chỉ có mình cháu, với mình bà. Mà bà làm bếp có một mình thôi ư? Không, hình như có tiếng người khác nữa, tiếng trong và mau hơn. Thanh lắng nghe: một tiếng cười sẽ đưa lên. Tiếng ai? Nghe quen quá mà Thanh không nhớ được.

Chàng lẳng lặng ngồi dậy, tỳ trên cửa sổ, cúi mình nhìn ra phía ao. Bóng cây hoàng lan lay động cả một vùng. Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui vẻ:

- Cô Nga...

Người thiếu nữ đương nhặt rau nghe tiếng gọi vội ngửng đầu: một nụ cười, đôi mắt trong sáng lên; rồi tiếng nhẹ nhàng:

- Anh Thanh! Anh đã về đấy à?

Thanh đứng tựa bên cột, chưa trả lời. Chàng nhìn cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh buông trên cổ nhỏ, bên cạnh mái tóc bạc trắng của bà chàng. Cô Nga, cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật.

Một lát cô Nga nói:

- Anh Thanh độ này khác hẳn trước. Anh chóng nhớn quá.

- Tôi vẫn thế đấy chứ.

Bà cụ cúi trên rổ rau, không nhìn cháu đáp:

- Cô trông em có phải gầy đi không. Không bằng độ còn ở nhà.

Nga ngửng nhìn Thanh, cười:

- Ðấy em có nói sai đâu. Anh trông lại đen đi nữa.

Lá rau tươi xanh ngắt bên bàn tay trắng hồng nhỏ nhắn. Thanh cũng ngồi ghé xuống. Thế là lại như lúc còn ở nhà, ngày ngày chàng cũng vẫn với Nga xuống bếp xem bà làm cơm. Câu chuyện vẫn vui vẻ và vẫn đậm, có lúc chàng lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình.

<><><><><><><><><><><><><>

Lúc Nga bưng cơm đặt lên bàn, bà cụ bảo cô thiếu nữ:

- ở đây ăn cơm một thể, cháu ạ.

Thanh nhìn lên:

- Ăn cho vui, cô Nga.

- Xin phép cụ và anh thôi, em vừa mới ăn cơm xong ở nhà. Em đứng đây cũng được chứ gì.

Thanh ra vẻ không bằng lòng:

- Không, cô phải ngồi ăn cơ. Cô làm khách mãi.

Nga sợ, vén áo ngồi bên cạnh bà cụ, nhưng nàng chỉ ăn nhỏ nhẻ, cầm chừng, và buông đũa luôn để xới cơm cho Thanh. Bữa cơm vui quá. Thanh ăn rất ngon miệng, lòng thư thái và sung sướng. Thỉnh thoảng chàng nhìn đôi môi thắm của Nga, hai má hồng. Và nụ cười tươi nở, nàng nhìn lại Thanh, một chút thôi, nhưng bao nhiêu âu yếm.

Ngoài vười, trời vẫn nắng. Giàn thiên lý pha xanh một bên tà áo trắng của Nga. Những búp hoa lý non và thơm rủ liền trong giàn, lẫn vào đám lá. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. Hai bàn chân nhỏ, lấm tấm cát, để dấu tự ngoài ao trở về... Chàng đột nhiên mỉm cười, rồi hỏi:

- Cô Nga có còn hay đi nhặt hoàng lan rơi nữa không?

Nga cũng cười hơi thẹn:

- Vẫn nhặt đấy. Nhưng không có ai tranh nữa.

Nàng nhìn Thanh, nắng như tụ lại những hình ảnh tự bao giờ, và sẽ vuốt mấy sợi tóc mai ra một bên. Thanh thấy quả tim đập nhẹ nhàng.

Bà cụ thì mải nhìn cháu. Bác Nhân khoanh tay đứng dựa bên cột nghe; bác cũng vui mừng vì thấy cậu về, vẫn khỏe mạnh và xinh trai như ngày trước. Còn cô Nga vẫn tươi đẹp và vui vẻ như thế. Có cô nhà cũng đỡ vắng, và bà cậu cũng đỡ buồn; hàng ngày cô chạy sang chơi giúp đỡ bà cụ giã cối trầu và nói chuyện đến người đi vắng ở trên tỉnh đã lâu không về thăm nhà.

Bữa ăn xong. Thanh với Nga đã trở lại thân mật như khi còn nhỏ. Thanh dắt nàng đi thăm vườn; cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoảng thơm như có giắt hoàng lan. Nhưng hoa lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành, Nga bảo Thanh:

- Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá.

Thanh chẳng biết nói gì; chàng vít một cành lan xuống giữ ở trong tay để Nga tìm hoa, rồi nhẹ nhàng buông ra cho cành lại cong lên. Nắng soi vào vai hai người, nhưng dưới chân đất vẫn mát như xưa.

- Bao giờ anh lên tỉnh?

- Ngày mai thôi. Kỳ này được nghỉ ít. Nhưng mai kia, tôi sẽ về ở đây lâu hơn.

Lòng Thanh dịu lại. Nga đến bên bể múc nước rửa hoa, rồi xếp bầy lên trên quả trầu. Bà cụ nhìn cô, âu yếm:

- Hoa hãy còn non lắm, sao hái sớm thế, con?

Nga thưa:

- "Anh con hái đấy ạ" và nàng nhìn Thanh mỉm cười.

Ðêm ấy, một bà, một cháu với một cô láng giềng chuyện trò dưới bóng đèn mãi tới khuya, khi trăng lên. Qua vườn, Thanh ti-n Nga ra đến cổng, đi qua hai bên bờ lá đã ướt sương. Mùi hoàng lan thoang thoảng bay trong gió ngát. Không lưỡng lự, Thanh cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình, Nga cũng đứng yên lặng. Lâu lâu, Nga rút tay sẽ nói:

- Thôi em về.

Thanh đi trở vào rất thong thả. Có cái gì dịu ngọt chăng tơ ở đâu đây, khiến chàng vương phải. Chàng đến trường kỷ ngồi ở bên đèn.

<><><><><><><><><><><>

Sáng hôm sau, Thanh đã phải lên tỉnh. Chiếc vali chàng nặng những thức quà bà chàng đã ban cho. Thanh cầm mũ đứng nghe lời khuyên bảo ân cần của bà dưới giàn hoa lý. Chàng vẫn bé quá và lại đi xa.

Tới cổng, Thanh còn đứng lại nhìn cây hoàng lan và các cây khác trong vườn. Bác Nhân nhanh nhảu cầm đỡ vali cho chàng, Thanh dặn khẽ:

- Bảo tôi có nhời chào cô Nga nhé.

Rồi chàng bước ra đi nửa buồn mà lại nửa vui. Thanh nghĩ đến căn nhà như một nơi mát mẻ và sung sướng để chàng thường về nghỉ sau việc làm. Và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước. Mỗi mùa cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.

**Trả lời các câu hỏi để tìm ý.**

\* Truyện có những nhân vật nào? Nhân vật chính?

\* Chủ đề?

\* Mô tả và đánh giá cách nhà văn kiến tạo truyện ( tình huống của nhân vật trong câu chuyện, cách tổ chức mạch truyện)?

\* Điểm nhìn của người kể chuyện trong truyện ngắn?

*\** Nghệ thuật khắc họa nhân vật trong truyện có gì đặc biệt? Hiệu quả của nó? Giá trị nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm truyện?

\* Giá trị nội dung, nghệ thuật, tư tưởng của tác phẩm và tầm ảnh hưởng (tác động) của tác phẩm trong nghệ thuật sáng tạo và đời sống văn học.

\* Những tác phẩm nào có thể liên hệ?

**DÀN Ý PHÂN TÍCH TRUYỆN DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN**

**A.Mở bài:**Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

Nhận xét khái quát về tác phẩm.

*Thạch Lam là một cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi Việt Nam trong giai đoạn 1930-1945 với sở trường văn xuôi. Những tác phẩm với giọng văn êm dịu, nhẹ nhàng của nhà văn đã đi sâu vào tâm trí bao người đọc. Trong đó, truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan” của nhà văn Thạch Lam được coi là một tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam những năm 1930-1945.*

**B. Thân bài:**

**1. Nội dung chính và chủ đề của văn bản:**

- Nội dung chính: Chuyện kể về một chàng trai mồ côi cha mẹ … một bà một cháu quấn quýt nhau. Mất cha mẹ từ nhỏ, Thanh được bà nuôi lớn. Khi trưởng thành, anh lên tỉnh làm ăn, phải gần hai năm mới có lại cơ hội trở về thăm quê hương. Niềm xúc động trong anh dâng trào khi thấy khung cảnh chốn xưa hiện lên trước mắt. Thanh trở lại căn nhà cũ, gặp con mèo già thân quen cùng người bà yêu quý. Giống như ngày bé, bà hiền từ, âu yếm hỏi thăm, lo lắng cho anh từng bữa ăn, giấc ngủ. Thanh xúc động trước tình yêu thương ấy, nghẹn ngào không nói nên lời. Trong khi lắng nghe tiếng bà làm bếp, Thanh phát hiện ra tiếng của một người khác nữa. Đó là Nga - người thiếu nữ xinh đẹp, dịu hiền. Thanh và Nga xưa kia vô cùng thân thiết, thường xuyên cùng nhau đi nhặt hoàng lan. Nhưng giờ, khi trưởng thành, giữa hai người lại nảy sinh một thứ tình cảm mới. Đó là tình yêu nhẹ nhàng, trong sáng mà không kém phần đậm sâu. Ngày lên đường về tỉnh, Thanh không ngừng suy nghĩ về chốn thân quen. Đó là ngôi nhà với khu vườn mát mẻ, với người bà hiền từ. Và ở nơi đó, người con gái dịu hiền tên Nga vẫn đang thủy chung đợi chờ anh trở về.

- Chủ đề: giá trị của tình cảm gia đình đối với mỗi cá nhân.

*Dưới Bóng Hoàng Lan, cậu chuyện kể về nhân vật Thanh- một người mồ côi cha mẹ từ nhỏ, nhưng luôn được bà, người thân yêu duy nhất của anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau hai năm đi xa trở về quê hương, Thanh đã gặp lại những người thân và nhận ra giá trị của tình thân, sự quan tâm, chia sẻ, đồng cảm và tình người. Là một người con xa quê đến thành phố làm việc, và sau mỗi lần trở về, anh đều cảm thấy vui mừng và bồi hồi khi được trở lại ngôi nhà của mình. Ngôi nhà của bà cháu anh đã trở nên hoang vắng, yên bình hơn từ khi Thanh rời đi. Tuy nhiên, mỗi lần anh trở về thăm quê, không có sự thay đổi nào trong căn nhà ấy. Anh cảm thấy nghẹn họng và có thể cảm nhận được tình yêu và sự quan tâm của người bà dành cho anh. Cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y như ngày chàng đi khi xưa cũng là một tình cảm khác của Thanh đối với ngôi nhà và quê hương của mình.Điều này thể hiện Thanh rất quan tâm đến ngôi nhà của mình và muốn giữ cho nó như vậy để giữ lại kỷ niệm và tình cảm của anh đối với quê hương và người bà.Sự tĩnh lặng của căn nhà đã gợi lên trong Thanh một loạt tình cảm. Vì vậy, có thể kết luận rằng Thanh là một người con xa quê yêu quê hương và ngôi nhà của mình, và anh luôn cảm thấy hạnh phúc và bình an khi được trở về những nơi đó.*

*Với sự quan tâm đặc biệt đến người bà của mình, Thanh lớn lên trong vòng tay của người bà hiền từ, và anh luôn biết ơn và yêu quý bà. Mỗi lần trở về quê hương và gặp lại người bà thân yêu, Thanh luôn bị xúc động và nghẹn ngào, cảm nhận được tình cảm và sự chăm sóc của bà dành cho mình.Trong mắt Thanh, bà luôn hiền từ, ấm áp, chăm sóc cho cháu từ bữa ăn đến giấc ngủ. Bóng dáng bà gầy còng lại tạo cảm giác che chở, bao bọc đứa cháu nay đã lớn khôn. Thanh cảm thấy xót xa khi nghĩ đến việc bà ở một mình trong ngôi nhà vắng vẻ. Hai bà cháu vốn quấn quýt nhau, nhưng giờ đây cháu đi làm xa, bà lại lẻ bóng bên căn nhà hoang vắng. Điều này càng thể hiện tình cảm gia đình sâu sắc và hiếu thuận của Thanh, khi anh luôn nghĩ đến người bà và mong muốn đem lại cho bà niềm vui và hạnh phúc.Từ đó, chúng ta có thể thấy rõ sự gắn bó và tình cảm mà Thanh dành cho gia đình, đặc biệt là người bà của anh. Nhân vật Thanh được tạo nên với một tính cách hiếu thuận, tình cảm và quan tâm đặc biệt đến gia đình, và điều này làm cho anh trở thành một nhân vật đáng yêu và đáng quý trong tác phẩm.*

**2. Phân tích nội dung:**

**\* Tâm trạng của nhân vật Thanh khi vừa trở về nhà:**

- Vẻ đẹp của không gian khu vườn và trong nhà khiến Thanh vô cùng xúc động:

+ Cảm xúc của Thanh khi bước vào khu vườn: "mát hẳn cả người", cảm thấy nghẹn họng, mãi mới cất được tiếng gọi khẽ "Bà ơi".

+ Cảm thấy bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều dừng lại ở bậc cửa.

=> Đó là nỗi xúc động không nói thành lời của người con đi xa nay được trở về với mái nhà thân yêu.

**\* Tâm trạng của Thanh khi ở bên bà:**

- Cảm động, mừng rỡ khi gặp lại bà.

- Cảm thấy mình thật nhỏ bé khi bên bà:

* Sự đối lập giữa một bên là dáng người thẳng của Thanh và cái lưng còng của bà đã diễn tả được nỗi xúc động của Thanh. Trong trái tim anh, dù đã khôn lớn, trưởng thành nhưng anh vẫn luôn cảm thấy mình nhỏ bé khi ở bên bà.
* Mỗi lần trở về, Thanh đều cảm thấy bình yên và thong thả vì anh biết ở nhà luôn có bà chờ mong.
* Trong khoảnh khắc, mùi hương của cây hoàng lan làm anh nhớ lại kí ức thời thơ bé.

- Xúc động khi nhận được tình yêu thương của bà:

* Nghe tiếng bà đi vào, giả vờ ngủ.
* Nằm yên, không dám động đậy, chờ cho đến khi bà đi ra.

=> Cảm nhận được tình yêu thương của bà, Thanh cảm động gần ứa nước mắt.

**\* Cảm xúc của Thanh đối với Nga:**

- Bất ngờ khi nghe thấy giọng nói quen thuộc của Nga:

* Chăm chú quan sát dáng vẻ xinh xắn của Nga.
* Vui vẻ ăn cơm cùng Nga, có lúc lầm tưởng Nga là em ruột của mình.

- Ngại ngùng:

* Nhớ lại hai bàn chân xinh xắn, lấm tấm cát của Nga ngày còn nhỏ rồi mỉm cười.
* Dắt Nga đi thăm vườn, cảm thấy mái tóc Nga thoảng thoảng mùi hoàng lan.
* Nghe thấy câu nói của Nga, Thanh không biết nói gì, vít cành lan ở trong tay để Nga tìm hoa.

- Cảm xúc thương yêu:

+ Cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình.

=> Cảm thấy có điều gì đó dịu ngọt trong tâm hồn.

**\* Tâm trạng của Thanh trong buổi sáng lên tỉnh:**

- Bâng khuâng, lưu luyến:

* Cảm thấy nửa vui nửa buồn.
* Nghĩ đến căn nhà và nghĩ đến Nga.

**3. Đánh giá:**

**a. Về nội dung:**

- Tác phẩm đem đến cho người đọc cảm nhận được sự bình yên của mái nhà, quê hương. Đồng thời, nó còn ca ngợi tình cảm gia đình thiêng liêng, đẹp đẽ.

**b. Về nghệ thuật:**

- Ngôn từ tinh tế.

- Lối kể chuyện nhẹ nhàng, có sự đan xen giữa quá khứ với hiện tại.

- Giọng văn tha thiết, dịu dàng.

*Truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan” là một câu chuyện nhẹ nhàng nhưng đầy cảm xúc, nhằm khắc họa một phần của cuộc đời và những giá trị đích thực trong cuộc sống. Tác giả Thạch Lam đã sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, đơn giản, tạo nên sự gần gũi, dễ dàng tiếp cận cho người đọc.Bằng cách miêu tả những tình cảm đơn sơ, giản dị nhưng đầy ấm áp của những người trong câu chuyện, Thạch Lam đã thành công trong việc thể hiện tình người trong văn học Việt Nam. Đồng thời, ông cũng muốn nhắn nhủ đến độc giả về giá trị của tình thân, tình cảm gia đình, tình người trong cuộc sống.*

**3. Kết bài:**Khẳng định giá trị của tác phẩm.

*Tổng kết lại, qua truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan”, nhà văn Thạch Lam đã truyền tải đến độc giả giá trị nhân văn sâu sắc và hình ảnh của cuộc sống bình dị nhưng đầy ý nghĩa. Tác phẩm cũng là một minh chứng cho sự nghiệp văn học Việt Nam trong thời kỳ đầu của thế kỷ 20, cũng như tài năng văn chương của nhà văn Thạch Lam.*

**Bài viết tham khảo**

Thạch Lam là một cây bút tiêu biểu của nhóm Tự lực văn đoàn, cũng là một nhà văn tiêu biểu của văn học Việt Nam những năm 1930- 1945. Tuy sáng tác không nhiều nhưng những tác phẩm văn chương của Thạch Lam lại thấm đượm những giá trị nhân văn sâu sắc, những câu chuyện của đời sống vô cùng bình dị được nhà văn đưa vào tác phẩm với những điểm nhấn tạo thành những tác phẩm có giá trị, có sức hấp dẫn đặc biệt đối với bao thế hệ độc giả xưa- nay. Để tìm hiểu về phong cách, tư tưởng của nhà văn Thạch Lam, ta có thể phân tích thông qua truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan”.

“Dưới bóng hoàng lan” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu của Thạch Lan, cốt truyện nhẹ nhàng, khung cảnh làng quê gần gũi nhưng người đọc vẫn cảm nhận được những cái độc đáo, mới lạ mà nhà văn Thạch Lam mang đến, đó chính là hương vị của con người, của tình người. Những tình cảm ngỡ như đơn sơ, giản dị nhưng lại vô cùng thầm kín, có sức lay động mạnh mẽ đến tâm thức, trái tim của người đọc, người nghe.

Truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan” viết về nhân vật Thanh thông qua một lần trở về quê hương, thăm bà, gặp lại những người anh luôn yêu thương, tôn trọng. Truyện ngắn còn là một khung cảnh đơn sơ, giản dị nhưng đầy chất thơ, thấm đượm hương vị của tình người. Thanh vốn mồ côi cha mẹ từ nhỏ, người thân yêu duy nhất của Thanh đó là bà, tuổi thơ của Thanh là một cuộc sống vất vả nhưng luôn tràn đầy hơi ấm, tình yêu, sự chở che của người bà. Do đó, với chàng thanh niên ấy mà nói, người bà vừa là người cha, người mẹ, cũng là người thân duy nhất của anh.

Từ khi Thanh lên thành phố công tác thì ngôi nhà vốn neo người của bà cháu anh càng trở nên hoang vắng, quạnh quẽ hơn “Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ngoài kia đều ngừng lại trên bậc cửa”, dù xa nhà một thời gian dài nhưng mỗi lần trở về thăm quê thì ngôi nhà ấy vẫn chẳng có sự đổi thay nào, tựa như tình yêu thương nơi người bà vậy “ …cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y như ngày chàng đi khi xưa”. Sự tĩnh lặng của căn nhà bỗng gợi lên trong Thanh biết bao tư vị, khiến anh “…trở nên nghẹn họng”.

Chỉ qua những dòng đầu tiên của tác phẩm thôi nhưng chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy ở Thanh một tình yêu quê hương da diết, một thứ tình cảm gắn bó thiêng liêng với ngôi nhà, mà trên tất cả là với người bà mà anh rất mực yêu thương, kính trọng. Vì vậy mà mỗi lần về thăm quê, Thanh không tránh khỏi cảm giác bồi hồi, mừng rỡ, đó là thứ tình cảm của một người con xa quê khi được trở về nơi mái nhà thân yêu, nơi quê hương mình được sinh ra, được lớn lên “…Khi Thanh từ giã cái bức nóng của phố xã, bước chân vào ngôi nhà mát rượi của bà, gặp lại những gì thương mến sau hai năm xa cách. Sự chăm sóc ân cần của bà, hương ngọc lan dịu ngọt phảng phất đâu đây đem đến chàng sự nhẹ nhõm….” Đó là sự nhẹ nhõm của tâm hồn con người luôn yêu quê, hướng về quê hương.

Các trang văn của Thạch Lam luôn vậy, nhẹ nhàng, giản dị nhưng lại có sức lay động đến bình dị. Theo bước chân Thanh, người đọc như được hòa nhập làm một với nhân vật, cùng trải qua bao trạng thái, cảm xúc, từ bồi hồi, mừng rỡ đến hạnh phúc ngập tràn khi gặp lại người bà. Chỉ một câu nói của bà “Đi vào trong nhà không nắng cháu” khiến cho người đọc xúc động khôn nguôi, sự quan tâm dù rất nhỏ bé nhưng lại thể hiện được tình cảm, tấm lòng bao la của người bà đối với Thanh, luôn quan tâm đến cháu từ những thứ nhỏ nhặt nhất.

Vì vậy mà dù đã khôn lớn, trưởng thành nhưng khi ở bên bà Thanh luôn cảm thấy mình như một đứa nhỏ, được yêu thương, chăm sóc bởi bà: “Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy, chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ”. Thế mới nói tình cảm gia đình, mà ở đây là tình bà cháu thật vĩ đại, thiêng liêng, nó làm cho con người ta cảm thấy nhỏ bé, tâm hồn như được trở về tuổi thơ để đón nhận từng cử chỉ, từng quan tâm của những người mà ta yêu quý nhất.

Trở về thăm nhà sau hai năm xa quê, gặp lại bà, được nhận những yêu thương, quan tâm của bà, Thanh có cảm giác như được trở về với tuổi tthow “…tất cả những ngày thuở nhỏ trở lại với chàng”. Sự xa cách của thời gian cũng không thể làm đổi thay những cảnh vật ngôi nhà, càng không tác động được đến thứ tình cảm thiêng liêng, bền vững của tình bà cháu “…Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay, vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ”.

Tình yêu nhẹ nhàng giữa Thanh và Nga cũng khiến cho người đọc cảm thấy xúc động bởi nó trong sáng, lại rất đáng yêu, qua những đoạn đối thoại của Thanh và Nga, lời yêu chưa từng được nói ra nhưng ta vẫn có thể cảm nhận được bao nhiêu tình ý chứa trong đó. Sự nhẹ nhàng, tinh tế khi Thanh cài lên mái tóc Nga bông hoa hoàng lan, theo tôi đó chính là khoảnh khắc lãng mạn, tinh tế của đôi lứa. Dù sau đó Thanh vẫn tiếp tục phải lên đường, Nga ở lại, mỗi năm lại tự cài lên mái tóc của mình bông hoa hoàng lan như khi Thanh đang ở bên cạnh. Tình yêu chưa lời ngỏ, chuyện tình chưa đi được đến hồi kết nhưng sự nhẹ nhàng của tình yêu ấy cũng đủ để lay động biết bao tâm hồn.

Chất thơ của truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan” còn được thể hiện rõ nét qua nhân vật người bà. Người bà tuy xuất hiện không hẳn nhiều nhưng qua vài chi tiết, những hành động, những lời nói quan tâm ta có thể cảm nhận trọn vẹn được tình cảm bao la của người ba dành cho người cháu yêu thương của mình. Từ lời quan tâm “Đi vào trong nhà không nắng cháu” đến lời thúc giục cháu đi rửa mặt rồi nghỉ ngơi “ Con rửa mặt đi, rồi đi nghỉ không mệt. Trời nắng thế này mà con không đi xe ư?….”. Sợ cháu mệt, bà sửa gối chiếu, dùng phất trần để phủi bụi trên giường, bà giục cháu nghỉ ngơi còn mình thì xuống bếp nấu ăn vì sợ cháu đói.

Người bà quan tâm từng việc nhỏ nhặt nhất của người cháu. Đối với Thanh khi ở bên bà lúc nào cũng có cảm giác được che chở, được quan tâm thì đối với bà, người cháu dù có lớn khôn đến đâu thì với bà lúc nào cũng là một đứa nhỏ cần được yêu thương, chăm sóc: “ …Ở đấy, bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu chàng”. Tình yêu thương của bà giản dị nhưng thật thiêng liêng, cao quý biết bao!

Từng cử chỉ, hành động của bà đều khiến ta cảm động, bà luôn ân cần chăm sóc cho Thanh “Bà lại gần săn sóc buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi, gió quạt nhẹ trên mái tóc chàng”. Tuy chỉ được miêu tả qua một câu ngăn ngủi nhưng ta dường như còn cảm nhận được ánh mắt trìu mến, nụ cười ấm áp, hiền từ của người bà. Ánh mắt ấy là cả trời yêu thương, quan tâm đến đứa cháu làm cho Thanh “..cảm động ứa nước mắt”, còn đối với người đọc như được trở về với những kí ức bên người bà, mỉm cười hạnh phúc với những kỉ niệm thân yêu của chính mình.

Truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan” là một câu chuyện nhẹ nhàng, giản dị nhưng đầy tinh tế, sâu sắc, bởi nó mang đến cho người đọc cảm giác thư thái, nhẹ nhàng thông qua câu chuyện của Thanh. Sở dĩ nó mang lại cho con người biết bao cảm xúc yêu thương, trìu mến bởi nó khơi gợi được thứ tình cảm gắn bó, sâu kín ở mỗi người, đó là tình yêu quê hương, tình cảm gia đình, tình yêu đầu đời.

**DẠNG BÀI NÂNG CAO**

**Đề bài: phân tích tiếng chửi của Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao.**

**Dàn ý**

1. Mở bài

- Giới thiệu sơ lược về tác giả, tác phẩm và nội dung cần phân tích.

2. Thân bài

1. Vị trí và kết cấu và nghệ thuật của tiếng chửi:

- Tiếng chửi của Chí Phèo được đưa ngay lên đầu, để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng tác giả về nhân vật Chí Phèo với tiếng chửi đầy bất mãn và đau đớn.

→ Mang đến cho độc giả những ấn tượng ban đầu độc đáo, cũng dần thể hiện được tài năng bậc thầy của Nam Cao trong làng viết về đề tài hiện thực trước cách mạng.

- Tiếng chửi có nhiều hình thái diễn đạt khác nhau:

* Thông qua lời dẫn truyện lạnh lùng, xót xa của tác giả.
* Thông qua lời thuật lại đầy ngán ngẩm, thờ ơ, hờ hững của dân làng Vũ Đại
* Thông qua cái giọng bực tức, chất vấn, đớn đau, quằn quại khi vật lộn với bi kịch của chính bản thân Chí Phèo.

- Tiếng chửi ấy không chỉ giữ nguyên một trạng thái mà nó có sự tăng tiến về mặt cấp độ:

+ Chí Phèo chửi tất cả những thứ mà hắn cho là đã làm cho cuộc đời hắn khổ sở.

=> Mặc dù đối tượng chửi được Chí Phèo thu ngày càng gọn lại, thế nhưng thực tế cấp độ của tiếng chửi lại tăng dần đều, càng về sau tiếng chửi của hắn càng trở nên gay gắt, cay cú và phẫn nộ, đau đớn đến cực điểm khiến người đọc có ấn tượng về nghệ thuật tăng tiến ẩn này của Nam Cao.

- Tiếng chửi trong cơn say rượu thực chất lại là lúc Chí Phèo tỉnh táo, đủ để hắn nhận thức về những bi kịch cuộc đời mình.

2. Nguyên nhân và ý nghĩa của tiếng chửi:

- Bi kịch số phận: Mồ côi từ thuở lọt lòng, không cha không mẹ.

- Bi kịch tha hóa: Sự lương thiện tốt đẹp ấy của Chí đã bị chà đạp, tàn phá bởi sự lẳng lơ đĩ thõa của một người đàn bà, và lòng ghen tuông mù quáng của tên chồng bất lực, sợ vợ là Bá Kiến. Chí Phèo bị đổ oan, vào tù độ 7, 8 năm. Từ đó Chí Phèo bị trượt dài trên con đường tội lỗi, tha hóa nhân hình, nhân phẩm, trở thành quỷ dữ của Chí Phèo.

- Bi kịch bị từ chối quyền làm người: Gặp Thị Nở, khao khát một mái ấm, và trở lại làm người lương thiện nhưng bị những lời lẽ đay nghiến của bà cô làm tỉnh ngộ, lựa chọn tử tử kết thúc cuộc đời.

=> Chí Phèo khao khát được hòa nhập vào thế giới loài người, khao khát được giao tiếp, thế nhưng không ai nói chuyện với hắn, hắn đành chửi, chửi để mong người ta chửi lại cũng được, để chứng minh ít ra hắn vẫn là con người và người ta vẫn còn muốn đáp lại hắn. Và đến tột cùng của sự đớn đau, khi đã không còn ai chửi nhau với hắn, Chí Phèo mới thốt lên trong đau đớn rằng ai đã sinh ra cái thân hắn để hắn khổ đến thế này.

**3. Kết bài**

Nêu cảm nhận.

## Tiếng chửi của Chí Phèo hay nhất

* Nam Cao là một trong số những nhà văn hiện thực xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện đại với những sáng tác xuất sắc về đề tài người trí thức và người nông dân nghèo. Trong những sáng tác của mình, Nam Cao luôn sáng tạo ra nhiều chi tiết độc đáo và chi tiết tiếng chửi của Chí Phèo trong đoạn mở đầu của truyện ngắn cùng tên là một trong số những chi tiết nghệ thuật như thế.
* Tiếng chửi của Chí Phèo xuất hiện ngay từ đầu tác phẩm và để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc về hình ảnh một kẻ say rượu, đang “vừa đi vừa chửi”. Lẽ thường chúng ta vẫn thường thấy, người ta vẫn thường chửi khi có ai đó làm mình tức giận, thế nhưng ở đây thì lại hoàn toàn khác, cả làng Vũ Đại có ai làm gì Chí đâu mà hắn giận, hắn bực mình rồi chửi. Đó là tiếng chửi của một kẻ đang say, không còn tỉnh táo nhưng nếu nghe tiếng chửi ấy của Chí Phèo người đọc sẽ thấy nó chẳng “say” chút nào mà ngược lại còn đầy tỉnh táo. Tiếng chửi ấy có sự tăng cấp dần về đối tượng của tiếng chửi, Chí Phèo đã chửi tất cả mọi thứ, từ cái lớn, cái chung, cái không đích danh đến cái cụ thể, cái đích danh.
* Thoạt đầu, Chí cất tiếng chửi trời thế nhưng “trời có của riêng nhà nào”. Đối tượng đầu tiên Chí Phèo chửi chính là “trời’. Bầu trời kia những tưởng là vô tội nhưng nào đâu phải thế, bởi lẽ bầu trời rộng lớn ấy đã chứa, đã ôm ấp trong mình cả những người lương thiện lẫn những người tàn ác, đã ôm ấp Chí - một người nông dân hiền lành và lương thiện lại còn chứa cả Bá Kiến - một người gian xảo và độc ác. Có lẽ, cũng chính vì thế mà cuộc đời của Chí ngày càng trở nên tối tăm, Chí mắc hết sai lầm này đến sai lầm khác và đến cuối cùng hắn trở thành “con quỷ dữ” của làng Vũ Đại. “Trời” dường như đã trở thành một câu cửa miệng, để con người mỗi khi bất lực, có bi kịch hay gặp phải bất cứ vấn đề gì đều cất tiếng kêu ca.
* Sau “trời”, Chí cất tiếng chửi “đời” nhưng khổ nỗi “đời là tất cả nhưng có của riêng ai”. Mỗi con người ai cũng có cuộc đời, có số phận của chính mình. Chí chửi “đời’ của người khác hay hắn đang chửi chính “đời” của mình - một cuộc đời với bao khổ đau, bao cám dỗ và bao sai lầm.
* Rồi hắn chửi “cả làng Vũ Đại” nhưng “cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: Chắc nó trừ mình ra”. Làng Vũ Đại chính là nơi mà những người dân đã “chuyền tay” nhau nuôi Chí, cho hắn từng bữa cơm, cho hắn hình hài của một con người. Thế nhưng, làng Vũ Đại lại quên mất không dạy hắn cách làm người một cách đúng nghĩa, để rồi hắn cứ chạy dài trên con đường với đầy rẫy những sai lầm và cũng chính những con người nơi đây đã cướp đi quyền làm người của Chí, họ xem Chí là “con quỷ dữ” mà ai cũng phải khiếp sợ, phải tránh xa, phải cự tuyệt, để rồi, khi Chí chửi hết thảy cả làng Vũ Đại ai cũng bỏ ngoài tai, xem như không liên quan đến mình.
* Và rồi, Chí lại cất tiếng chửi, “chửi đứa chết mịa nào không chửi nhau với hắn”. Nhưng một lần nữa, thứ Chí nhận lại được chỉ là sự im lặng, sự thờ ơ đến rợn người. Chí chửi người có lẽ chỉ là cách để hắn thu hút sự chú ý, để được “làm hòa”, được giao tiếp, trò chuyện cùng mọi người.
* Đối tượng cuối cùng trong tiếng chửi của Chí chính là “đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo”. Có lẽ nếu có cha, có mẹ, nếu không bị bỏ rơi nơi cái lò gạch cũ thì Chí đã là một con người khác, không phải là một Chí Phèo khiến người ta khiếp sợ như hiện tại. Tiếng chửi ấy của Chí không phải là tiếng chửi của một người con bất hiếu mà nó là lời của một con người với số phận bất hạnh, ngay từ lúc sinh ra đã không nhận được tình yêu thương, sự quan tâm, che chở của gia đình. Và có lẽ, nó đáng thương nhiều hơn là đáng trách.
* Như vậy, có thể thấy, mỗi đối tượng xuất hiện trong tiếng chửi của Chí Phèo đều có những lí do riêng. Điều đáng chú ý chính là ở chỗ, dẫu Chí chửi rất nhiều, nhưng đáp lại chính là sự im lặng, “không ai ra điều”, không ai đáp lại. Tiếng chửi ấy của Chí Phèo xét đến cùng không phải là sự mắng nhiếc hay tức giận của Chí mà chính là phương tiện để Chí giao tiếp với mọi người, Chí muốn người khác chửi lại mình có nghĩa là Chí muốn được người khác lắng nghe, được người khác trò chuyện cùng.
* Đồng thời, tiếng chửi còn là sự thể hiện nỗi đau đớn, dằn vặt của Chí Phèo. Nỗi đau đớn ấy của Chí được thể hiện rõ nét qua việc trong tiếng chửi của Chí sử dụng hàng loạt các từ ngữ thể hiện cảm xúc như “Tức mình”, “Tức thật”, “Tức chết đi được mất”. Nam Cao đã sử dụng những từ ngữ gần gũi, bình dị, mang tính khẩu ngữ để thể hiện rõ nét, chân thực cảm xúc của Chí Phèo.
* Đặc biệt, tiếng chửi của Chí Phèo còn cho người đọc thấy được bi kịch mà Chí Phèo đang phải gánh chịu. Chí Phèo đang phải sống trong sự cô đơn, cô độc, bị cả xã hội gạt ra khỏi thế giới của loài người. Chí đang phải chịu đựng bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người bởi lẽ dẫu Chí có chửi thật nhiều, chửi bao nhiêu thứ, bao nhiêu người đi chăng nữa thì cũng không một ai lên tiếng, không một ai nói lại với Chí. Điều đó cho thấy Chí Phèo không được mọi người trong xã hội xem là con người, để có thể lắng nghe, có thể giao tiếp cùng nhau. Dường như tất cả mọi thứ, từ trời, đời, đến người dân làng Vũ Đại đang đứng về một phía còn riêng Chí đang đứng về một phía bên lề của xã hội loài người mà cất lên tiếng chửi. Đó có lẽ là nỗi đau, là thất bại lớn nhất của Chí Phèo.
* Tóm lại, với ngôn ngữ trần thuật nửa gián tiếp và sự đa giọng điệu, tiếng chửi trong đoạn mở đầu của truyện ngắn “Chí Phèo” không những làm cho tác phẩm thêm phần thú vị, hấp dẫn mà hơn hết, nó gợi lên trong lòng người đọc nhiều suy ngẫm về số phận, cuộc đời của nhân vật Chí Phèo. Đồng thời, qua đó cũng cho chúng ta thấy được bút pháp hiện thực lạnh lùng, sắc sảo của nhà văn Nam Cao.
* Nam Cao là một trong những nhà văn hiện thực phê phán xuất sắc nhất của nền văn học Việt Nam thế kỉ 20. Chí Phèo là truyện ngắn tiêu biểu cho phong cách sáng tác của ông. Nhân vật Chí Phèo gây ấn tượng mạnh mẽ đối với người đọc không những ở cuộc đời và số phận tàn khốc mà còn ở tiếng chửi, cách chửi rất đặc biệt, có sức ám ảnh.
* Tác giả đưa tiếng chửi lên đầu truyện với mục đích để lại sự độc đáo và ấn tượng cho người đọc. Tác giả đã không sử dụng cách kể chuyện theo khuôn khổ truyền thống mà theo kết cấu hồi tưởng, những tình tiết mở đầu cực kỳ bất ngờ và khiến người đọc thực sự lôi cuốn. Nghệ thuật trần thuật đi qua nhiều ngôi khác nhau. Nhà văn kể chuyện theo giọng chửi bực tức của Chí Phèo, theo giọng dân làng thờ ơ, hờ hững và theo giọng trần thuật của tác giả.
* Tiếng chửi liên tục được tăng cấp, càng về sau càng gay gắt. Ban đầu là chửi đơn thuần chửi chung như chửi “trời”, “đời”, “tất cả làng Vũ Đại”, “chửi đứa nào không chửi nhau với hắn”, “chửi đứa đẻ ra hắn”. Tiếng chửi được tăng cấp cả về cảm xúc của nhân vật mỗi lúc một tăng dần như: “Tức mình”, “Tức thật!”, “Thế này thì tức thật!”, “Tức chết đi được mất”. Tiếng chửi của Chí Phèo thể hiện cảm xúc của nhân vật mỗi lúc một tăng theo và bi kịch của Chí Phèo ngày càng bi thảm.
* Qua tiếng chửi, Nam Cao đặt ra một nghịch lý trước người đọc: Chí Phèo say hay tỉnh? Rõ ràng ông đã khẳng định “cứ rượu say là hắn chửi”. Nhưng nếu đó là tiếng chửi của một người say và mất hết ý thức, tại sao lại lớp lang rành mạch (sự tăng cấp giữa các đối tượng), tại sao vẫn nhận ra “thân hắn khổ đến nông nỗi này”. Say mà tỉnh, tỉnh mà say, đó là trạng thái lưỡng phân của hình tượng Chí Phèo, qua đó Nam Cao hé lộ cho người đọc thấy được ý thức tỉnh táo của Chí Phèo sau cái vô thức của kẻ say, nỗi đau con người sau hình thù quỷ dữ, khát vọng lương thiện sau những hành động, lời nói côn đồ, ác độc.
* Ngay ở đoạn văn tiếng chửi mở đầu tác phẩm, tác giả đã trình bày ba bi kịch chính của Chí Phèo, và đó cũng là nền tảng triển khai những bi kịch này xuyên suốt tác phẩm.
* Tiếng chửi mở ra trước mắt người đọc bi kịch số phận cuộc đời Chí Phèo. Cả cuộc đời Chí Phèo chỉ là con số không, không cha không mẹ không gia đình, không tài sản của cải. Chí Phèo chửi cha mẹ mình, thực ra chính là chửi chính mình, chửi chính số kiếp đau đớn của mình. “Nhưng biết đứa nào đẻ ra Chí Phèo”, câu hỏi ấy vang lên không lời đáp như chính sự bế tắc, bất lực của Chí, một kẻ bị chối bỏ ngay từ khi mới ra đời và phải sống cả kiếp người-thú đau đớn, chật vật.
* Tiếng chửi là bước đường cùng, là đoạn cuối của bi kịch tha hóa của con người Chí Phèo. Cùng với việc đánh mất nhân hình, tiếng chửi và hành động rạch mặt ăn vạ, đập phá, đâm chém chính là những biểu hiện của quá trình “lưu manh hóa”, dần biến Chí Phèo thành “Con quỷ dữ của làng Vũ Đại”.
* Tiếng chửi là tiếng kêu đau đớn của bi kịch bị tước đoạt quyền làm người. Tiếng chửi của Chí Phèo không có một lời đáp. Bởi vì, tất cả dân làng Vũ Đại đều không xem Chí Phèo là con người. Đây là hệ quả tất yếu từ những đau thương mà Chí Phèo gây ra cho họ. Tình cảnh “chỉ ba con chó dữ với một thằng say rượu” cho thấy sự cô đơn tận cùng của Chí Phèo, bị chối bỏ, bị đẩy ra ngoài xã hội người của làng Vũ Đại, bị tước đoạt quyền làm người. Tiếng chửi của Chí Phèo, do vậy, chính là một nỗ lực tuyệt vọng để giao tiếp, chính là tiếng kêu cứu của khao khát lương thiện trong vô thức của Chí Phèo, là “tiếng hát lộn ngược” vô vọng tìm sự sẻ chia, thấu hiểu.
* Qua chi tiết tiếng chửi, ta thấy được bút pháp hiện thực của Nam Cao rất nghiêm nhặt. Bằng giọng văn lạnh lùng, sắc lạnh, Nam Cao vừa gợi ra được mối quan hệ giữa Chí Phèo (tính cách điển hình) với làng Vũ Đại (hoàn cảnh điển hình), vừa gợi ra được số phận, bi kịch của nhân vật trung tâm. Mặt khác, ẩn sâu trong giọng điệu tự sự lạnh lùng có phần khinh bạc ấy, là một trái tim yêu thương, thấu hiểu, xót xa thấm thía của một tấm lòng đau người, đau đời tha thiết.
* Nam Cao tỏ ra già dặn trong việc sắp xếp kết cấu và miêu tả tiếng chửi và cách chửi của Chí Phèo. Kết cấu đi thẳng vào vấn đề chính. Trong tiếng chửi hội tụ các vấn đề quan trọng mà tác giả muốn triển khai. Cách dẫn dắt cuốn hút, hấp dẫn người đọc. Cách kể chuyện đa chủ thể. Bằng lời nửa trực tiếp, tiếng chửi vừa có điểm nhìn của Nam Cao, vừa có điểm nhìn của Chí Phèo, vừa có điểm nhìn của làng Vũ Đại. Đoạn văn là tổng hòa của các cuộc đối thoại: cuộc đối thoại dân chủ giữa nhà văn và bạn đọc; cuộc đối thoại giữa tác giả và nhân vật; cuộc đối thoại vô vọng giữa Chí Phèo và dân làng Vũ Đại…
* Ngôn ngữ dẫn truyện sống động, đa giọng điệu, tạo cảm xúc nhiều tầng bậc, thể hiện tình cảm đáng cay, chua chát của nhà văn trước hiện thực của cuộc đời. Nghệ thuật trần thuật đạt đến trình độ bậc thầy, làm nên sức sống cho tác phẩm.
* Chí Phèo là một tác phẩm có giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc, mới mẻ. Qua việc miêu tả tiếng chửi của nhân vật Chí phèo, tác phẩm khái quát một hiện tượng xã hội ở nông thôn Việt Nam trước năm 1945, một bộ phận nông dân lao động lương thiện bị đẩy vào con đường tha hóa, lưu manh hóa. Nhà văn đã kết án đanh thép cái xã hội tàn bạo tàn phá cả thể xác và tâm hồn người nông dân lao động, đồng thời khẳng định bản chất lương thiện của họ, ngay trong khi họ bị vùi dập mất cả nhân hình, nhân tính.

**DẠNG BÀI NÂNG CAO:** **PHÂN TÍCH MỘT ĐOẠN TRUYỆN, TỪ ĐÓ NHẬN XÉT VỀ MỘT VẤN ĐỀ.**

Đề bài: Phân tích đoạn trích trong tác phẩm *Vợ nhặt* (Kim Lân), từ đó nhận xét về cái nhìn nghệ thuật độc đáo của tác giả.

*Câu chuyện trong bữa ăn đang đà vui bỗng ngưng lại. Niêu cháo lõng bõng, mỗi người được có lưng lưng hai bát đã hết nhẵn.*

*Bà lão đặt đũa bát xuống, nhìn hai con vui vẻ:*

*– Chúng mày đợi u nhá. Tao có cái này hay lắm cơ.*

*Bà lão lật đật chạy xuống bếp, lễ mễ bưng ra một cái nồi khói bốc lên nghi ngút. Bà lão đặt cái nồi xuống bên cạnh mẹt cơm, cầm cái môi vừa khuấy khuấy vừa cười:  
– Chè đây. – Bà lão múc ra một bát – Chè khoáng đây, ngon đáo để cơ.*

*Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại. Thị điềm nhiên và vào miệng. Tràng cầm cái bát thứ hai mẹ đưa cho, người mẹ vẫn tươi cười, đon đả:*

*– Cám đấy mày ạ, hì. Ngon đáo để, cứ thử ăn mà xem. Xóm ta khối nhà còn chả có cám mà ăn đấy.*

*Tràng cầm đôi đũa, gợt một miếng bỏ vội vào miệng. Mặt hắn chun ngay lại, miếng cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Bữa cơm từ đấy không ai nói câu gì, họ cắm đầu ăn cho xong lần, họ tránh nhìn mặt nhau. Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người.*

**DÀN Ý**

1. Giải thích: cái nhìn nghệ thuật

- Cái nhìn nghệ thuật: khám phá, phát hiện độc đáo của nhà văn về hiện thực, được thể hiện trong nghệ thuật và bằng nghệ thuật, gắn với nét riêng mang dấu ấn phong cách của người nghệ sĩ

+ M. Khrapchencô: *chân lí cuộc sống trong sáng tác nghệ thuật không thể tồn tại bên ngoài cái nhìn nghệ thuật có tính cá nhân đối với thế giới*

+ Mácxen Prutx: *phong cách không phải là vấn đề kĩ thuật mà là vấn đề cái nhìn*.

- Vai trò, ý nghĩa của cái nhìn nghệ thuật:

+ Định hướng sáng tác, quyết định giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm

+ Hình thành phong cách, tạo nên diện mạo riêng…

2. Phân tích đoạn trích:

a. Giới thiệu chung:

- Tác giả, tác phẩm

- Tóm tắt cốt truyện đến đoạn trích.

b. Phân tích:

\* Cái đói đến cùng cực của con người qua hình ảnh bữa cơm ngày đói:

- *niêu cháo lõng bõng, mỗi người được có lưng lưng hai bát đã hết nhẵn, nồi cháo cám khói bốc lên nghi ngút, miếng cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ…*

> Bút pháp tả thực, miêu tả cụ thể, tỉ mỉ

> Miếng ăn ngày nói đã trở thành một nỗi ám ảnh ghê gớm đối với con người, đói đến độ phải ăn cám, nhưng có cám mà ăn vẫn còn là một điều may.

> Tố cáo tội ác của chế độ thực dân nửa phong kiến và những chính sách tàn bạo phản động của phát xít Nhật, chế độ cai trị của chính quyền thực dân, phát xít đã đẩy con người đến thảm họa phải đối mặt với cái chết vì đói.

*- Bữa cơm từ đấy không ai nói câu gì, họ cắm đầu ăn cho xong lần, họ tránh nhìn mặt nhau. Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người.*

> Trong hoàn cảnh khốn cùng, những con người khốn khổ muốn bám níu lấy sự sống bằng mọi giá. Họ cố nuốt miếng cám để duy trì sự sống.

>Một nỗi nghẹn ngào len vào tâm trí, họ tránh nhìn mặt nhau để vơi bớt đi nỗi tủi hờn của bữa cơm ngày đói. Chi tiết để lại mỗi ám ảnh sâu sắc trong lòng bạn đọc về sự thảm hại của cái đói và sự cảm động của tình người.

\* Hình ảnh người mẹ nông dân nghèo.

- Hành động: *Bà lão lật đật chạy xuống bếp, lễ mễ bưng ra một cái nồi khói bốc lên nghi ngút. Bà lão đặt cái nồi xuống bên cạnh mẹt cơm, cầm cái môi vừa khuấy vừa cười.*

> Từ láy > sự đon đả, chu đáo> diễn tả được sự vất vả, tần tảo, chi chút của bà để lo cho sự sống của các con.

- Lời nói: *Chè đây… chè khoán đây, ngon đáo để cơ.*

> cháo cám > chè khoán, món ăn thơm mát, ngọt lành. Từ nồi cháo cám đắng chát biến thành nồi chè khoán ngọt lành > hương vị ngọt ngào tỏa ra từ tấm lòng thương con của người mẹ nghèo.

- Thái độ, cảm xúc: Bà cụ lấy cho con ăn với gương mặt *tươi cười đon đả. “Cám đấy mày ạ, hì. Ngon đáo để, cứ thử ăn mà xem”.*

*>*  Nét mặt tươi cười và lời nói vui vẻ của bà làm cho nỗi tủi hờn của bữa cơm ngày đói như được vơi đi. Bà cố gắng tạo ra không khí gia đình ấm áp, yên vui để vun vén cho hạnh phúc của các con.

\* Cách ứng xử đầy tình người của con người trong nạn đói.

- Người vợ nhặt đón bát cháo cám của bà cụ Tứ, *“ hai con mắt thị tối lại nhưng thị vẫn điềm nhiên và vào miệng.*”

> Cách ứng xử của thị không làm cho bà cụ Tứ phải khó xử. Hành động của thị là kết quả của những suy nghĩ và nhận thức đúng đắn, chín chắn: thị xác định phải đồng cảm cộng khổ với mọi người trong gia đình, cùng nương tựa vào họ để vượt qua cơn đói khổ.

- Tràng đón bát cháo cám của bà cụ Tứ, *gợt một miếng bỏ vội vào miệng. Mặt hắn chun ngay lại, miếng cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ.*

> Tràng cảm nhận được vị đắng chát của miếng cháo cám nhưng anh vẫn cố ăn để mẹ vui lòng. Vị đắng chát ấy là dư vị cay đắng của cuộc đời mà đến hôm nay anh mới thực sự thấm thía. Càng thấm thía, càng thôi thúc Tràng nghĩ nhiều hơn đến đoàn người đi cướp kho thóc của Nhật, nghĩ nhiều hơn đến trách nhiệm của một người đàn ông đối với gia đình của mình

c. Nghệ thuật:

- Xây dựng tình huống chân thực, cảm động.

- Thành công trong nghệ thuật dựng cảnh, không gian.

- Bút pháp tả thực kết hợp nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật độc đáo.

- Ngôn ngữ kể chuyện chân thực, sinh động, hấp dẫn, giàu hình ảnh, giàu giá trị biểu cảm, sử dụng nhiều từ láy và những lời nửa trực tiếp.

3. Nhận xét:

\* Đoạn trích đã thể hiện được cái nhìn nghệ thuật độc đáo của tác giả

- Nhà văn đã phản ánh một cách chân thực hiện thực cuộc sống của con người trong nạn đói, đã lột tả được cái đói cùng cực của những người dân lao động nghèo khổ, đói đến độ phải ăn cám để duy trì sự sống.

- Gián tiếp tố cáo tội ác của giai cấp thống trị đương thời và những chính sách tàn bạo, phản động của phát xít Nhật đã đẩy con người đến nguy cơ bị hủy diệt vì đói.

- Làm ngời sáng lên những phẩm chất tốt đẹp trong tâm hồn những người dân lao động nghèo khổ: trong hoàn cảnh khốn cùng, họ đã biết yêu thương, nương tựa vào nhau, cùng hướng về một tương lai tươi sáng, tốt đẹp hơn; trong cái chết họ luôn bám níu và hướng về sự sống.

\* Từ cái nhìn nghệ thuật độc đáo > vẻ đẹp trong tâm hồn của nhà văn.

- Một cảm quan hiện thực sắc sảo, có khả năng khám phá, phát hiện, lí giải những chi tiết, những tình huống ngặt nghèo, éo le của cuộc sống.

- Một trái tim nhân hậu, giàu lòng trắc ẩn, một ngòi bút nhân đạo sâu sắc, luôn đồng cảm, chia sẻ với nỗi thống khổ của con người, luôn ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của con người và đồng tình với những khát vọng nhân bản chính đáng của con người.

- Một niềm tin mãnh liệt vào những điều tốt đẹp của cuộc đời, luôn nhìn đời bằng cái nhìn lạc quan, thể hiện niềm tin yêu con người và niềm tin vào những giá trị nhân văn trong cuộc đời.

**DẠNG BÀI NÂNG CAO: PHÂN TÍCH, SO SÁNH HAI ĐOẠN VĂN BẢN CÓ ĐỊNH HƯỚNG**

Đề bài: Phân tích sự thức tỉnh của nhân vật trong hai đoạn văn bản sau:

Văn bản 1: Trích *Chí Phèo –* Nam Cao

*Thằng này rất ngạc nhiên. Hết ngạc nhiên thì hắn thấy mắt mình hình như ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho. Xưa nay, nào hắn có thấy ai tự nhiên cho cái gì. Hắn vẫn phải doạ nạt hay giật cướp. Hắn phải làm cho người ta sợ. Hắn nhìn bát cháo bốc khói mà bâng khuâng. Thị Nở thì chỉ nhìn trộm hắn, rồi lại toe toét cười. Trông thị thế mà có duyên. Tình yêu làm cho có duyên. Hắn thấy vừa vui lại vừa buồn. Và một cái gì nữa, giống như là ăn năn. Cũng có thể như thế lắm. Người ta hay ăn năn hối hận về tội ác khi không đủ sức để ác nữa. Thị Nở giục hắn ăn nóng. Hắn cầm lấy bát cháo đưa lên mồm. Trời ơi cháo mới thơm làm sao! Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm. Hắn húp một húp và nhận ra rằng: những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo rất ngon. Nhưng sao lại mãi đến bây giờ hắn mới nếm vị mùi cháo?*

Văn bản 2: Trích *Vợ chồng A Phủ -* Tô Hoài

*Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước. Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị.*

*Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường.*

DÀN BÀI

1. Giới thiệu chung:

- Số phận bi kịch của người nông dân trong XH cũ

- Vẻ đẹp trong tâm hồn: dù cho có bị tha hóa, bị làm cho tê liệt thì tâm hồn họ vẫn thức tỉnh…

2. Phân tích sự thức tỉnh của hai nhân vật

2.1. Sự thức tỉnh của Chí Phèo

*a. Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, tóm tắt nội dung cốt truyện đến đoạn trích*

*b. Phân tích sự thức tỉnh của Chí Phèo:*

+ Khi thị Nở mang cho hắn một bát cháo hành, *thằng này rất ngạc nhiên, hết ngạc nhiên, hắn thấy mắt hình như ươn ướt*.

> Hắn xúc động vì đây là lần đầu tiên trong đời có người tự nhiên đem đến cho hắn một cái gì mà hắn không phải dọa nạt hay giật cướp để có được.

> Đây là lần đầu tiên trong đời hắn cảm nhận được sự ấm áp, thân thương trong vòng tay chăm sóc của một người đàn bà.

+ Chí Phèo đã đón nhận bát cháo của thị Nở trong một tình huống đặc biệt: hôm nay hắn bị ốm. *Hắn không còn đủ sức để làm một kẻ mạnh. Vì thế bát cháo khiến hắn bâng khuâng và nghĩ ngợi nhiều, có cái gì đó như là ăn năn…*

+ Hắn đã nâng niu bát cháo: hắn hít một hơi *“chao ôi cháo mới thơm làm sao.* Rồi hắn mới thưởng thức đến vị ngon của cháo. *Những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo hành ăn rất ngon.* Đó là hương vị của tình người, của hạnh phúc mà đến hôm nay Chí Phèo mới cảm nhận được.

+ Bát cháo hành của thị Nở khiến Chí Phèo nghĩ đến bà ba. Hắn đã nhận thức được sự khác biệt giữa dục vọng thấp hèn và tình người chân thành. Vì thế, *hắn thấy thị Nở có duyên, thấy trong lòng nảy nở tình yêu đối với thị.*

- Hắn khao khát muốn trở về làm một người lương thiện, *hắn muốn làm hòa với mọi người. Hắn hy vọng mọi người sẽ lại nhận hắn vào xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện.* Ý nghĩ này cho ta thấy bản tính tốt đẹp khi xưa đã sống dậy trong Chí, khát vọng hoàn lương đã thức tỉnh, nhân tâm đã trở về với hắn.

2. Sự thức tỉnh của Mị

2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, tóm tắt cốt truyện đến đoạn trích

2.2. Phân tích

*- Mị uống rượu say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước*

> Cái thức dậy đầu tiên trong tâm hồn đang tê liệt của Mị là những hoài niệm về quá khứ, thời Mị còn trẻ trung, xuân sắc.

- *Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng*

> Tiếng sáo đã thức tỉnh tâm hồn đang tê liệt của Mị. *Mị nghe tiếng sáo vọng lại thiết tha bổi hổi, Mị ngồi nhẩm bài hát của người đang thổi*. Tiếng sáo là âm thanh quen thuộc thức dậy trong tâm hồn con người bao xúc cảm. Đó là âm thanh để gọi bạn tình, nó thức tỉnh trong con người ta những ước mơ đẹp của một thời đã qua.

- *Ngày trước Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị.*

> Nghệ thuật đồng hiện (đan xen thời gian trong quá khứ và thời gian trong thực tại) được sử dụng tinh tế > khắc họa trạng thái lâng lâng mơ hồ giữa quá khứ và thực tại đang diễn ra trong tâm hồn Mị.

> Lời văn nửa trực tiếp vừa cho ta thấy sự tài hoa và vẻ đẹp của Mị; vừa thể hiện tinh tế sự thức tỉnh của Mị về những giá trị của bản thân, về những khát vọng của tuổi trẻ tưởng đã vĩnh viễn ngủ quên trong nỗi đau khổ, tuyệt vọng.

- *Rượi tan, người vãn, Mị vẫn ngồi trơ một mình ở giữa nhà*.

> Cô trở về thực tại với nỗi cô đơn và câm lặng của chính mình, rồi Mị đã bước đi trong vô thức, không phải bước ra đường chơi mà bước vào buồng.

> Đây là một hành động của thói quen, đồng thời cũng cho ta thấy có cái gì đó vô hình vẫn níu giữ khiến Mị chưa đủ mạnh mẽ để sống thật với lòng mình.

- *Mị ngồi xuống giường trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng*

> lúc này dường như Mị đã ý thức được bên ngoài cửa sổ là thế giới của tự do. Thế giới đó hoàn toàn đối lập với căn buồng của Mị.

- *Mị vẫn nghe tiếng sáo, Mị thấy lòng phơi phới trở lại đột nhiên vui sướng như những đêm tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi.*

>Từ hồi về làm dâu nhà Pá Tra đến giờ, đây là lần đầu tiên Mị nhận thức được về thời gian sự sống và sự trẻ trung trong tâm hồn mình.

> Hai tiếng “trẻ lắm” trở thành điệp khúc Mị tự nhắc nhở mình, ý thức được về tuổi trẻ là động lực thôi thúc cô “muốn đi chơi”.

> ý nghĩ này là bước ngoặt trong tâm trạng của Mị. Cô không cam chịu với thân phận của mình trong hiện tại nữa, cô muốn trở lại như chính mình của ngày xưa.

3. So sánh:

a. Điểm giống:

- Cả hai đoạn truyện đều tái hiện một cách chân thực, tinh tế quá trình thức tỉnh của hai nhân vật. Họ đều là những người nông dân khốn khổ, bị áp bức, bị dồn đến chân tường cuộc sống, tưởng đã mất hết cả lương tri, cả suy nghĩ nhưng cuối cùng họ vẫn thức tỉnh, vẫn trở về với bản chất tốt đẹp vốn có của mình

- Từ sự thức tỉnh của hai nhân vật, các tác giả thể hiện niềm tin mãnh liệt vào những phẩm chất tốt đẹp của con người > cái nhìn hiện thực sâu sâc và tấm lòng nhân đạo cao cả.

- Từ sự thức tỉnh của các nhân vật giúp người đọc nhận thức ra được nhiều điều về quy luật trong cuộc sống và quy luật trong đời sống nội tâm của con người.

- Cả hai đoạn truyện đều thành công trong nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật, lựa chọn chi tiết đắt giá, ngôn ngữ chân thực, sinh động, cách kể chuyện hấp dẫn, cuốn hút

b. Điểm khác

|  |  |
| --- | --- |
| Chí Phèo | Vợ chồng A Phủ |
| - Từ một tên lưu manh, một con quỷ dữ, Chí Phèo thức tỉnh lương tri, khao khát trở về làm một người lương thiện  - Tình người có sức mạnh diệu kì, có thể cảm hóa được con người, khiến con người thức tỉnh  - Chi tiết bát cháo hành > chất xúc tác  - Ngôn ngữ chân thực, gần với lời ăn tiếng nói của người nông dân, giọng điệu trần thuật tưởng như khách quan, dửng dưng, lạnh lùng nhưng đầy day dứt, xót xa ở bên trong | - Từ một cô gái có tâm hồn tê liệt, Mị thức tỉnh sức sống nội tâm tiềm tàng, mãnh liệt, sống với con người thật của chính mình…  - Bức tranh lễ hội mùa xuân, hơi men chếnh choáng đã tác động mạnh đến tâm hồn Mị, đánh thức những kí ức đã ngủ quên trong cô..  - Chi tiết tiếng sáo…  - Ngôn ngữ kể chuyện hấp dẫn, thể hiện cách nghĩ, cách tư duy của người dân tộc, giọng điệu trần thuật nhẹ nhàng, sâu lắng, đạm chất trữ tình |

DẠNG BÀI NÂNG CAO: PHÂN TÍCH ĐOẠN VĂN BẢN ĐỂ LÀM SÁNG TỎ MỘT VẤN ĐỀ LÍ LUẬN VỀ ĐẶC TRƯNG CỦA TRUYỆN

Đề bài: Sê - khốp từng khẳng định: *Nhà văn sáng tạo nhân vật để gửi gắm tư tưởng, tình cảm và quan niệm của mình về cuộc đời.*

Em hãy giải thích và làm sáng tỏ ý kiến trên qua việc phân tích nhân vật Hộ trong truyện ngắn *Đời thừa* của Nam Cao.

*Nhưng Hộ chỉ sung sướng được ít lâu thôi. Sau cái hành vi đẹp của hắn, và cái hành vi ấy được trả công bằng một tình yêu rất êm đềm, hắn chỉ còn nghĩ đến gia đình, chỉ cốt làm sao nuôi được gia đình. Hộ vốn nghèo. Hắn là một nhà văn, trước kia, với cách viết thận trọng của hắn, hắn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hắn sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Nhưng bấy giờ hắn chỉ có một mình. Ðói rét không có nghĩa lý gì đối với gã trẻ tuổi say mê lý tưởng. Lòng hắn đẹp. Ðầu hắn mang một hoài bão lớn. Hắn khinh những lo lắng tủn mủn về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn ngày một thêm nảy nở. Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Ðối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả; ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hắn băn khoăn nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời... Thế rồi, khi đã ghép đời Từ vào cuộc đời của hắn, hắn có cả một gia đình phải chăm lo. Hắn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hắn hiểu những nỗi đau khổ của một kẻ đàn ông khi thấy vợ con mình đói rách. Những bận rộn tẹp nhẹp, vô nghĩa lý, nhưng không thể không nghĩ tới, ngốn một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại một cuốn sách hay một đoạn văn ký tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiến răng vò nát sách và mắng mình như một thằng khốn nạn... Khốn nạn! Khốn nạn! Khốn nạn thay cho hắn! Bởi vì chính hắn là một thằng khốn nạn! Hắn chính là một kẻ bất lương! Sự cẩu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cẩu thả trong văn chương thì thật là đê tiện. Chao ôi! Hắn đã viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt nhẽo, gợi những tình cảm rất nhẹ, rất nông, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hắn chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hắn là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có... Hắn nghĩ thế và buồn lắm, buồn lắm!*

ĐỊNH HƯỚNG

1. Giải thích  
– “Sáng tạo nhân vật”: là hoạt động xây dựng nhân vật trong tác phẩm văn học.

– “Tư tưởng”: Nhận thức, lí giải và thái độ của nhà văn với đối tượng, những vấn đề nhân sinh đặt ra trong tác phẩm.

– “Tình cảm” : Những rung động, cảm xúc đối với thực tại, bộc lộ toàn bộ thế giới tinh thần của nhà văn.

– “Quan niệm” : suy nghĩ, trăn trở của nhà văn về cuộc đời và nghệ thuật.

> Nhận định đề cập đến vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng hình tượng trong tác phẩm: nhân vật là nơi để nhà văn bộc lộ những suy tư, trăn trở về cuộc đời, thể hiện những rung động, xúc cảm trước cuộc đời, gửi đến bạn đọc những thông điệp nhân sinh sâu sắc.

2. Phân tích bàn luận:

2.1. Tại sao…?

- Đặc trưng của văn học: văn học phản ánh hiện thực cuộc sống qua các hình tượng nghệ thuật. Nhân vật là sản phẩm của quá trình sáng tạo và là phương tiện để nhà văn gửi gắm tư tưởng, cảm xúc, quan niệm của mình về cuộc đời

- Người nghệ sĩ khi sáng tạo nhân vật không bao giờ chỉ dừng lại ở việc phản ánh hay khắc họa hình tượng mà bao giờ cũng có nhu cầu muốn lí giải, cắt nghĩa các hiện tượng, muốn giãi bày và gửi đến bạn đọc một thông điệp nhân sinh nào đó

2.2. Như thế nào?

- Những tư tưởng, cảm xúc, quan niệm của nhà văn nhiều khi được gửi gắm trực tiếp qua các lời thoại, phát ngôn của nhân vật

- Trong nhiều trường hợp, những tư tưởng, cảm xúc và quan niệm ấy được thể hiện một cách gián tiếp qua số phận, biến cố cuộc đời, hành động và vẻ đẹp toát ra từ thế giới nội tâm của nhân vật

3. Chứng minh

3.1. Hình tượng nhân vật Hộ hiện lên qua đoạn trích:

*a. Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm, nhân vật*

*b. Phân tích*

- Hộ là một nhà văn có nhiều phẩm chất tốt đẹp:

+ Lòng hắn đẹp, đầu hắn mang một hoài bão lớn

+ Viết văn một cách nghiêm túc, thận trọng, luôn chăm chút cho tài năng nghệ thuật của mình ngày càng nảy nở

+ Coi thường những chuyện vật chất tẹp nhẹp > say mê văn chương

- Hoàn cảnh sống không cho anh phát huy được những phẩm chất tốt đẹp của mình:

+ Nghề viết văn cho anh thu nhập eo hẹp

+ Gắn bó cuộc đời với Từ, nuôi mẹ già, con dại cho Từ

+ Lúc nào cũng phải lo kiếm tiền: viết vội, viết theo đơn đặt hàng, viết những tác phẩm để người đọc có thể quên ngay khi đọc…

- Hộ rơi vào bi kịch tinh thần

+ Không được viết những gì mình thích, Không có thời gian lo vun trồng cho tài năng của mình

+ Hộ tự xỉ vả, thấy xấu hổ, xót xa, đau đớn mỗi khi đọc lại những bài viết của mình

+ Ý thức sâu sắc về bi kịch sự nghiệp

c. Nghệ thuật:

- Nghệ thuật miêu tả tâm lí

- Lựa chọn chi tiết

- Cách kể chuyện hấp dẫn: dùng nhiều lời nửa trực tiếp

- Giọng điệu: đau đớn, xót xa…

*3.2. Qua nhân vật Hộ, Nam Cao gửi gắm tư tưởng, tình cảm, quan niệm..*

- Tư tưởng nhân đạo cao cả.

+ Nhà văn phản ánh, lí giải tấn bi kịch tinh thần của người trí thức trong XH cũ.

+ Lên tiếng cảnh tỉnh, phê phán XH đen tối không cho con người được phát huy hết tài năng và phẩm chất vốn có, đẩy con người vào tình trạng chết mòn, sống kiếp đời thừa.

- Tình cảm yêu thương sâu sắc:

+ Nhà văn đồng cảm, chia sẻ với nỗi khổ con người.

+ Nhân vật Hộ thực chất là sự phân thân của Nam Cao > thương xót nhân vật thực chất là tự thương mình, viết về nhân vật bằng trải nghiệm cay đắng của cuộc đời mình > thấm thía, rung động.

- Quan niệm nghệ thuật tiến bộ.

+ Khẳng định lương tâm nghề nghiệp, nhà văn phải có trách nhiệm với ngòi bút của mình: khốn nạn…

+ Đề cao văn chương hiện thực, văn học vị nhân sinh, phê phán thứ văn chương thoát li, hời hợt…

+ Đề cao tính sáng tạo trong nghệ thuật.

4. Đánh giá, mở rộng

- Ý kiến của Sê-khốp đã khái quát được vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng nhân vật để giúp nhà văn…

Nhân vật Hộ trong sáng tác của Nam Cao là sự hóa thân của chính tác giả nên đã bộc lộ được rõ nét tư tưởng, tình cảm, quan niệm của Nam Cao muốn gửi gắm đến bạn đọc.

- Nhân vật không chỉ bộc lộ tư tưởng… mà còn cho ta thấy được tài năng và phong cách nghệ thuật của người nghệ sĩ.

- Ý nghĩa với người sáng tác và người tiếp nhận.

DẠNG BÀI NÂNG CAO : Bàn về truyện ngắn, có ý kiến cho rằng: *Điều quan trọng không phải là câu chuyện được kể, mà là cách kể.*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy cảm nhận đoạn truyện sau để làm sáng tỏ.

*Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu chửi trời, có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: Đời là tất cả nhưng cũng chẳng là ai. Tức mình hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “Chắc nó trừ mình ra!”. Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ồ thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này! A ha! Phải đấy hắn cứ thế mà chửi, hắn chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng*[*Chí Phèo*](https://anybooks.vn/chi-pheo-truyen-ngan-nam-cao-a1841.html)*? Mà có trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết.*

ĐỊNH HƯỚNG

1. Giải thích:

- Câu chuyện được kể: nội dung của tác phẩm thể hiện qua cốt truyện, nhân vật và tư tưởng chủ đề.

- Cách kể: nghệ thuật kể chuyện thể hiện qua các yếu tố hình thức: kết cấu, xây dựng tình huống, nghệ thuật trần thuật, ngôn ngữ…

> Nhận định khẳng định cách kể quan trọng hơn nội dung được kể. Đây là cách nói nhấn mạnh đề cao vai trò của nghệ thuật trần thuật trong tác phẩm tự sự.

2. Phân tích bình luận:

2.1. Tại sao?

- Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của tác phẩm: Nếu cách kể chuyện không hấp dẫn sẽ không thể chuyển tải nội dung đến bạn đọc một cách đầy đủ, thấu đáo.

- Cách kể là thước đo, là dấu hiệu đánh giá tài năng và phong cách nghệ thuật của tác giả.

- Cách kể làm nên giá trị thẩm mĩ cho tác phẩm, mới tạo ra những khoái cảm thấm mĩ thực sự khiến bạn đọc rung động …

2.2. Như thế nào?

Cách kể được biểu hiện cụ thể ở các yếu tố sau:

- Điểm nhìn, phương thức trần thuật.

- Cấu trúc trần thuật.

- Ngôn ngữ trần thuật.

- Giọng điệu trần thuật.

3. Chứng minh:

3.1. Giới thiệu chung.

3.2. Phân tích.

*a. Câu chuyện được kể:* tiếng chửi của Chí Phèo.

*b. Cách kể:*

\* Điểm nhìn và phương thức trần thuật: Đoạn văn được trần thuật ở ngôi thứ 3 số ít nhưng nhà văn đã thay đổi điểm nhìn một cách linh hoạt:

+ Vừa trần thuật bằng điểm nhìn của tác giả,

+ Vừa trần thuật bằng điểm nhìn của những người dân Vũ Đại,

+ Vừa trần thuật bằng điểm nhìn của CP.

\* Giọng điệu trần thuật: Có nhiều giọng điệu đan xen vào nhau:

+ Giọng của tác giả là giọng kể khách quan, dửng dưng, đôi chỗ phân tích triết lý.

+Giọng của người dân làng Vũ Đại là giọng thờ ơ lạnh lùng.

+ Giọng của Chí Phèo thể hiện sự tức tối bực bội, cáu bẳn, đay nghiến.

> Cách trần thuật này tạo nên sự sinh động, hấp dẫn cho đoạn văn. Giúp nhà văn miêu tả và phân tích được một cách tường tận diễn biến tâm lý của nhân vật.Cách trần thuật này đã khẳng định tính hiện đại trong ngôn ngữ của Nam Cao - ngôn ngữ đa thanh đa giọng.

\* Kết cấu chặt chẽ và độc đáo với sự thu hẹp dần phạm vi của tiếng chửi.

- Chí phèo chửi trời. Đây là tiếng chửi vu vơ, là lời cửa miệng. Trời là đối tượng xa nhất, cao nhất nên không được đáp lại.

- Sau đó hắn chửi đời. Đời là một đối tượng quá rộng, quá trừu tượng, không xác định, cho nên tiếng chửi của CP không được đáp lại.

- Rồi hắn chửi làng Vũ Đại. Đây là một đối tượng đã xác định nhưng vẫn không cụ thể. Vì vậy mà CP vẫn không được đáp lại. Nhưng qua đối tượng này ta nhận ra sự phẫn uất, sự bất mãn của CP với toàn bộ môi trường sống xung quanh hắn.

- Sau đó, hắn lại chửi tất cả đứa nào không chửi nhau với hắn.Đối tượng này đã được thu hẹp hơn cho ta thấy CP muốn gây gổ với tất cả những ai không bắt vè với hắn. Qua đối tượng này ta còn nhận ra nguyên nhân dẫn đến sự phẫn uất, buồn khổ của CP là đó là do không có ai đáp lại lời của hắn.

- Cuối cùng, Chí Phèo chửi đứa đã đẻ ra chính hắn. Qua tiếng chửi này ta thấy CP đã chán ghét thân phận của mình. Hắn căm phẫn kẻ đã tạo ra hắn trên cõi đời này nhưng khổ nỗi cũng không ai biết đứa nào đã đẻ ra CP, thành thử đối tượng của tiếng chửi thực ra lại không định hình, không tồn tại. Kết cục, hắn chửi một mình hắn nghe, đáp lại tiếng chửi của hắn chỉ có tiếng sủa của mấy con chó.

\* Ngôn ngữ trần thuật:

- Nhà văn đã sử dụng từ ngữ của đời sống sinh hoạt hàng ngày, đưa vào đoạn văn cả hô ngữ và những tiếng tục. Điều này đảm bảo tính khách quan, tái hiện lại cuộc sống như nó vốn thế. Qua đó cho thấy từ ngữ của Nam Cao có tính chân thật, giúp Nam Cao miêu tả một cách chính xác sinh động tiếng chửi của một thằng say.

- Những lời kể, tả đơn thuần được nhà văn sử ít, thay vào đó là những lời kể, tả kết hợp với phân tích, sử dụng nhiều lời nửa trực tiếp để khắc học tâm lý của nhân vật.

4. Đánh giá, mở rộng:

- Đề cao cách kể là quan niệm hướng tới sự khẳng định tài năng nghệ thuật độc đáo của nhà văn…

- Tuy nhiên, cách kể độc đáo phải đi liền với việc bộc lộ nội dung sâu sắc, có ý nghĩa nhân sinh > tạo ra một chỉnh thể nghệ thuật có giá trị.

- Ý nghĩa với người sáng tác, người tiếp nhận.